

Đ Ặ C - S A N

BACH KHOA

VÕ PHIẾN *xem tướng nhà* • TỪ MINH *Phi-luật-tân giữa Cộng-sản và độc tài* • HỒ HỮU TƯỜNG *nhân việc Lê-văn-Viễn từ trần, một vài nhận xét về cựu thủ-lãnh Bình-Xuyên* • NGUYỄN HIẾN LÊ *nhà giáo họ Khổng: tình thầy trò* • NGÔ THỂ VINH *đư âm cuộc chiến Việt-Nam và tương lai nền y-khoa phục hồi* • TRẦN VĂN TÍCH *tắc kê* • NGUYỄN VĂN XUÂN *giai thoại một thời: Phan Châu Trinh và tiếng tơ lòng* • TỪ MINH *cuộc Hoa du của Thủ tướng Nhật Kakuei Tanaka* • NGUYỄN MỘNG GIÁC *vào đời* • TẠ TỶ *trở về* • HOÀNG LỘC *thư gửi vị hôn thê không cưới được* •

SINH HOẠT *thời sự thế giới* • *thời sự khoa học* • *thời sự văn nghệ* •

379

BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Bài vở : TÔN THẮT HÀM

Tiền bạc : NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG
MỘT NĂM

870đ.

1700đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung : thêm cước phí máy bay một năm : 200đ.

* Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí một năm : 400đ

* Ngoại quốc đường hàng không, mỗi số :

Gửi đi Ai-lao	: 30đ.	Gửi đi Úc, Tích-lan v.v...	: 130đ
— Kampuchia	: 20đ.	— Pháp	: 160đ
— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v...)	: 40đ.	— Âu-châu (trừ Pháp, Bắc Phi-châu, Đại-dương-châu	: 175đ
— Nhật-bản, Đại-hàn, Ấn-độ, Hồi-quốc	: 90đ.	— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại	: 210đ

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	6000đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	5000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2500đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1300đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản-lý, Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.I. 25.539.

BÁCH KHOA

VÕ PHIẾN <i>xem tướng nhà</i>	09
TỪ MINH <i>Phi-luật-tân giữa Cộng-sản và độc tài</i>	12
HỒ HỮU TƯỜNG <i>nhân việc Lê Văn Viễn từ trần, một vài nhận xét về cựu Thủ lãnh Bình Xuyên</i>	18
NGUYỄN HIẾN LÊ <i>nhà giáo họ Khổng : tình thầy trò</i>	23
NGÔ THẾ VINH <i>dư âm cuộc chiến V.N. và tương lai ngành y khoa phục hồi</i>	31
TRẦN VĂN TÍCH <i>tắc kè</i>	39
NGUYỄN VĂN XUÂN <i>giai thoại một thời : Phan Châu Trinh và tiếng tơ lòng</i>	45
TỪ MINH <i>cuộc Hoa-du của Thủ-tướng Nhật Kakuei Tanaka</i>	53
NGUYỄN MỘNG GIÁC <i>vào đời (truyện dài)</i>	59
TẠ TỶ <i>trở về (thơ)</i>	68
HOÀNG LỘC <i>thư gửi vị hôn thê không cưới được (thơ)</i>	69
SINH HOẠT	
TRÀNG THIÊN — THU THỦY <i>thời sự văn nghệ.</i>	73
TỬ DIỆP <i>thời sự khoa học</i>	79
● Xin quý bạn đọc ghi giùm số 379 vào ô chữ nhật, ở góc cuối bìa, đề sau này tiện tra cứu.	

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Địa chỉ : 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ DẰNG
21, Nguyễn Thiện Thuật — Saigon
GIÁ : 80\$ Công sở : 160\$
Cao Nguyên và Miền Trung
cước phi máy bay 8đ. mỗi số

Sách mới nhận được trước ngày 15-10-72

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— Đường Thi của Trường Xuân Phạm Liễu do Văn Khoa xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 200 trang gồm 40 bài thơ Đường mỗi bài đều có phần chữ Hán, phần tiểu sử tác giả, phần dịch và phần lược bình. Sách chia làm 6 phần : Ngũ ngôn cổ phong, Ngũ ngôn nhạc phủ, Thất ngôn cổ phong, Thất ngôn nhạc phủ, Ngũ ngôn luật, Thất ngôn luật. Bìa Cầm đề tựa. Giá 400đ.

— Nghệ thuật lãnh đạo chỉ huy của Nguyễn Cả và Lê Sơn Cương do Tủ sách Chỉ Đạo ấn hành và tác giả gửi tặng. Sách dày 206 trang gồm 3 phần chính : Nghệ thuật lãnh đạo chỉ huy, (từ định nghĩa đến nguyên tắc tổng quát, kỹ thuật lãnh đạo quần chúng, thuật dùng người v.v...), Luận cổ suy kim (các đức Trí, Tín, Nhân, Dũng v.v...) Đời chỉ huy của vài danh nhân kim cổ (Lưu Bị, W.F. Dean, Moshé Dyan). Bìa đặc biệt. Gỉ bìa thường 250đ.

— Thiên hạ đại sự (Thế giới sử toàn biên, Việt sử đối chiếu, Tổng quan niên biểu) Khởi Hành xuất bản, do Vũ

Tiến Phúc sưu khảo, Lam Giang hiệu chỉnh và soạn giả gửi tặng. Sách dày 270 trang, biên soạn công phu ghi lại những biến cố quan trọng trên thế giới đối chiếu với những sự việc trọng đại trong Việt sử từ mấy ngàn năm trước Tây lịch đến hết Đế nhị Thế chiến. Giá 320đ.

— Nghệ thuật sân khấu Việt-nam của Trần Văn Khải do Nhà sách Khai Trí xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 270 trang gồm các chương về Hát Bội, Cải lương, Thoại kịch, Thú xem diễn kịch, Bàn về soạn kịch, mỗi chương trình bày tỉ mỉ về lược sử, những đặc điểm, các giọng hát, văn chương, Âm nhạc v.v... Giá nhất định 350đ.

— Le roman Vietnamien contemporain của Bùi Xuân Bào ; Tủ sách Nhân văn Xã hội xuất bản và tác giả gửi tặng. Luận án phụ Tiến-sĩ Văn-khoa tại Sorbonne năm 1961 của tác giả trình bày bằng Pháp ngữ những xu hướng và sự tiến triển của tiểu thuyết Việt-Nam hiện đại từ 1925 đến 1945. từ khi tiểu thuyết Việt Nam hình thành cho đến lúc chiến tranh Đông Dương bùng nổ. Sách dày 440 trang gồm 7 chương từ « tiểu thuyết mới » được khai sinh, đến các cách xếp loại, trào lưu lãng mạn, các tiểu thuyết phong tục, xã hội, tình cảm, tâm lý v.v... Biên soạn công phu. Giá 200đ.

Bạn đọc thân mến

Số tới đây sẽ là «Số đặc biệt về Nguyễn Du và Truyện Kiều». Nếu số trang tăng lên và báo phải ra trễ một vài bữa cũng xin quý bạn thông cảm cho.

Ban Chủ-Trương BÁCH-KHOA

Xem tư ớng nhà

Năm 1946, thời cuộc đưa đẩy cụ Trần Trọng Kim xuất ngoại một chuyến. Vượt qua khỏi biên giới Tàu không bao lâu, cụ đã ngạc nhiên về cảnh tắm rửa thật dơ dáy và nhà cửa thật tối tăm chật hẹp của dân tộc láng giềng — « Nhà làm theo lối một cửa trước và một cửa sau, còn thì không có cửa sồ hay cửa nào khác nữa, trông xa còn khá, nhưng đến gần thì thấy tiêu tụy, vào trong nhà lại tối tăm và gà lợn ở lẫn với người, thật là bần thiêu » (1). « Nhà cửa hay miếu mạo thường làm to lớn vững chắc, có nhiều buồng, nhiều ngõ và có những kiểu trang sức rậm rạp ». (2)

Cụ Trần là tác giả công trình nghiên cứu về Nho giáo lớn lao nhất của văn học ta. Cái sinh hoạt tinh thần của người Tàu, cụ hiểu kỹ hơn ai hết trong chúng ta. Nhưng nếu không có « cơn gió bụi » chợt đâu xảy đến, thì cụ đã không được biết gì về cái sinh hoạt vật chất của người Tàu: cái ăn, cái ở, cái lối tắm gội, rửa ráy v.v...

Và như thế cũng là điều đáng tiếc. Bởi vì cái ăn cái ở của một dân tộc sao cho khỏi ít nhiều ảnh hưởng đến kết quả nghĩ ngợi của dân tộc ấy ? Cụ Trần cho rằng : « Xem cách làm nhà cửa và những nghệ thuật về đường trang sức của người Tàu hình như nó phản chiếu cái hình tượng của nước Tàu » (3). Ý cụ muốn nói

nhà cửa, cũng như đất nước của Tàu, đều to lớn, mệnh mông, rậm rạp. Cụ đã thấy một liên hệ xa xôi như thế giữa nhà cửa và hình tượng một nước —, chắc hẳn cụ phải thấy cái liên hệ gần gũi hơn : tức giữa kiến trúc nhà cửa và tâm lý, tính tình, cùng sự suy nghĩ của một dân tộc.

* *

Tôi đã nghĩ đến mối liên hệ ấy khi nhìn cảnh nhà cửa nhiều nơi ở miền Nam.

Ở đây, người Tàu sinh sống lẫn lộn với người Việt đông hơn ở ngoài Bắc ngoài Trung. Và giữa người Tàu với người Việt miền Nam, cảnh nhà cửa càng khác nhau xa cách vô cùng. Cụ Trần là người miền Bắc mà trông thấy nhà Tàu cụ đã ngạc nhiên đến thế. Đối chiếu nhà cửa đồng bào ta ở miền Nam với nhà Tàu, cụ mới lạ lùng đến đâu ! Một bên trống huếch trống hoác ; một bên kín bưng. Một bên sơ sài đơn giản ; một bên rắc rối rậm rạp.

Theo lời cụ Trần « người Tàu thường ưa ở những cái buồng nhỏ hẹp, khi thấy cái buồng nào rộng, thì họ lấy gỗ ngăn làm mấy phòng nhỏ để mấy người hay mấy gia đình ở chứ không thích những buồng rộng rãi và thoáng đảng ». (4) Điều cụ

(1,2,3,4) Một cơn gió bụi — Vinh Sơn, 1969, trang 153.

Trần nhận thấy ở Quảng-châu, chúng ta cũng có thể soát lại ở ngay Chợ-lớn.

Và như thế thì đồng bào miền Nam ta có vẻ không ưa những cái mà người Tàu thường ưa, và có vẻ rất thích đúng những cái mà người Tàu không thích. Thật vậy, so với nhà trong Nam thì chẳng cứ là nhà Tàu, ngay kiểu nhà cổ truyền ở ngoài Trung cũng rắc rối hơn: nào lẫm thượng, lẫm hạ, nào buồng, nào the, nào vách, đồ v.v... Ở từ Cà-mau, U-minh, Đồng-tháp-mười, cho đến Biên-hòa, Bình-dương v.v..., nhà cổ truyền của đồng bào ta, dù là nhà giàu, hình như cũng không bao giờ có nhiều phòng ốc, nhiều vách ngăn như thế. Còn như nhà bình dân, thông thường, thì dọc các con kinh con rạch, nhan nhản những căn nhà thật là sơ sài, trống trải: trông như những cái trại cất tạm bợ. Trong khi ấy ai cũng biết mức sinh sống của người bình dân trong Nam cao hơn ở ngoài Trung nhiều lắm.

Nơi người ở thế nào, nơi thờ thần cũng gần thế ấy.

Những ngôi đình làng tôi được trông thấy ở Gò-công, ở Rạch-giá v.v... không giống kiểu đình ngoài Trung: cách bố trí đơn giản hơn, « thoáng đãng » hơn nhiều. Đền thờ cụ Nguyễn Trung Trực ở Rạch-giá, các văn thánh miếu ở Gò-công, ở Sóc-trăng v.v... đều có tính cách chung ấy. Đại khái là những tòa nhà rộng, một phòng, rất sáng, rất thoáng, quá thoáng đối với nơi thờ phụng vốn cần

một khung cảnh thâm nghiêm u tịch.

Cái thâm u này lại quá thừa ở những chùa Tàu gần đây.

Sự đối diện sát kê của hai quan niệm xây cất trái ngược nhau như thế thật là lạ. Đòi bên krác nhau ghê gớm, ở bên nhau ba trăm năm nay mà không ảnh hưởng qua lại, bên nào vẫn giữ đặc tính của bên nấy. Thật là kỳ phùng địch thủ, cả hai dân tộc đều có bản lãnh vững vàng.

* *

Kẻ ưa ở chật người ưa ở rộng, kẻ ưa ở tối người ưa ở sáng, kẻ ưa ở kín người ưa ở trống: cái ưa ấy hẳn phải tương ứng với một nhu cầu nào thật sâu xa trong tâm hồn mới khiến được mỗi bên cố thủ trong quan niệm của mình kiên trì đến thế.

Một tác giả Tây phương, ông Edward T. Hall, dường như đã có nhiều nhận xét xuất sắc — trong cuốn *Cái chiều kín nhem* (*La dimension cachée*) — về mối tương quan giữa từng dân tộc Âu-Mỹ với không gian cư ngụ của họ. Người Đức làm việc trong phòng thích đóng cửa lại, người Mỹ lại thích mở tất cả cửa cho quang minh chính đại, người Anh không có phòng riêng trong nhà cho nên có tài phớt tỉnh để giấu tình cảm ngay trước mặt mọi người, giữa chỗ đông đảo v.v.: dân tộc tính được giải thích phần nào bằng các kiểu nhà, kiểu phòng. « Hãy cho tôi biết cách anh xếp đặt nơi ăn chốn ở ra

sao, tôi sẽ cho anh hay tính tình anh như thế nào ».

Xem tướng nhà đề đoán tính người, chúng ta dễ dàng tìm thấy mối liên hệ giữa kiểu nhà của đồng bào miền Nam với hình ảnh những con người hướng ngoại, cởi mở, bộc trực, hồn nhiên... Bạn bè thường kéo nhau nhậu nhẹt ở ngoài tiệm ngoài đường : do đó phần nào chăng ? Chợ búa đầy dẫy những hàng quà ngồi ăn tại chỗ, đông đúc náo nhiệt : cũng do đó phần nào chăng ? Kiểu nhà tại đây không chịu kín đáo, là vì cuộc sống của người ở chỉ những lăm le chực tràn lấn ra bên ngoài chăng ?

Nhà ở cũng là cái đặc biệt của Bình-định. Ở vùng này có câu ca dao :

«Tiếng đồn Bình-định tốt nhà,

Phú-yên tốt ruộng, Khánh-hòa tốt trâu ».

Nội nhà là mái của Bình - định, học giả P. Goussou đã khen như một di tích văn hóa ; một kiến trúc sư trên tạp chí *Sóng dọi miền Nam* trước đây đã khen với con mắt thẩm mỹ, nghề nghiệp ; và dân chúng thì đã đồng lòng công khai xác nhận sự tán thưởng trong ca dao. Vậy mà không có ai, không có nơi nào chịu bắt chước theo nó hết ! Nhích một chút vào phía Nam, ở Phú-yên không còn nó ; nhích một chút ra phía Bắc, ở Quảng Ngãi không còn nó. Tại sao vậy ?

Thói thường có tốt ruộng tốt trâu mới có thể tốt nhà, nghĩa là có làm ăn sung túc mới nhà cửa cao sang. Đang này ruộng đất trâu bò không bằng ai (trong thời nông nghiệp, ruộng đất trâu bò là tất cả sản nghiệp), sao vẫn hi hục xây dựng những tòa nhà bề thế, cặm cui chạm trổ thật công phu ?

Như vậy, nhà quả thực không giải thích được bằng khả năng kinh tế. Đánh trở lại tán gẫu đôi điều về tướng nhà. Trong thời kỳ trước 1963, có chủ trương di dân lập dinh điền, so với các tỉnh lân cận người Bình-định chịu đi ít nhất. Trong một câu tục ngữ ở địa phương, người Bình-định cũng ít cái ít cọ, nghĩa là an lành nhất. Có phải cái việc thu mình lâu đời trong những tòa nhà kiên cố, mát mẻ, kín đáo, cái thú săn sóc những đầu kèo chân cột tỉ mỉ v.v. đã dần dà làm cho ở đây người ta bịn rịn với gia đình làng mạc, mất hứng phiêu lưu ? Có phải cái tò ăm quá yên ăm đã dần dà khiến người ta sinh ra cầu an, chín bỏ làm mười cho xong chuyện ? Có phải đó là nơi ấp ủ những tâm hồn nội hướng, trầm lặng, dè dặt... Có phải, có phải...

— Nhưng chuyện xem tướng đang có mối biên thành chuyện xem bói, nói mò. Nếu không ngừng lại kịp thời.

VÕ PHIÊN

PHI-LUẬT-TÂN

giữa Cộng-sản và độc tài

Ngày 22-9 Tổng-thống Phi-luật-tân, Ferdinand Marcos, đã ra lệnh thiết-quân-luật trên toàn lãnh thổ quốc-gia để đối phó lại với các âm mưu của phe Cộng-sản. Các báo-chí bị đình bản, các đài phát-thanh và vô-tuyến truyền-hình bị ngưng hoạt-dộng. Các xe thiết-giáp được đặt ở các điểm trọng yếu tại thủ-đô Manila, như Quốc-hội, Dinh Macalanang (Dinh Tổng-thống), các tòa báo, phi-trường v.v... Quân Cộng-sản đã phát động một phong-trào khủng bố trên toàn quốc và chính phủ của Tổng-thống Marcos đang tìm mọi biện-pháp để ổn-định tình-thế bằng cách tìm kiếm một công-thức pháp-lý để duy trì quyền-hành của ông Marcos sau khi ông mãn nhiệm-kỳ vào năm tới.

Phi-luật-tân, từ khi được độc lập (năm 1946) tới nay luôn luôn ở trong một tình-trạng chính-trị bất ổn-định. Bộ mặt xa hoa bên ngoài của các đô-thị lớn không che dấu nổi thực-trạng nghèo khó bị đói của đa số dân chúng trong nước. Vì vậy mà phe Cộng-sản, từ nhiều năm nay, đã tìm đủ mọi cách khai-thác sự



F.T. Ferdinand Marcos

bất-mãn của dân chúng để mưu toan cướp chính-quyền. Và cũng vì vậy mà ông Marcos đang tìm cách cải thiện xã-hội Phi để cho phe Cộng-sản mất đất đứng. Nhưng phương-pháp cai-trị của Ferdinand Marcos đã bị nhiều người chỉ trích là quá độc-tài. Chấp nhận độc-tài tư bản với Ferdinand Marcos hay chấp nhận phe Cộng-sản, còn độc-tài hơn nữa, đó là hai đường mà dân chúng Phi phải chọn lựa trong lúc này và đó cũng là thực chất của cuộc khủng-hoàng hiện tại.

I.— MỘT XÃ-HỘI GIẢ-TẠO

Phi-luật-tân là một trong những quần-đảo lớn nhất thế-giới. Với trên 7100 hòn đảo lớn nhỏ chạy dài

1760km từ đảo Bornéo của Nam-Dương đến trước mặt thành phố Hải-phòng, sự cố kết của tinh-thần thống-

nhất quốc-gia trở nên hết sức khó khăn.

Ngài ra dân Phi còn có tới trên 80 nghìn-ngữ, tuy tiếng Tagalog được nhiều người nói nhất. Magel'an, một nhà thám-hiểm Tây-ban-nha đã đặt chân lên đất Phi vào năm 1521 và triều đình Madrid đặt chính quyền cai-trị nước này bắt đầu từ năm 1571. Danh-từ Phi-luật-tân (Philippines) được đặt làm quốc-hiệu để kỷ-niệm vua Philippe II của Tây-ban-nha.

Tây-ban-nha thống-tri Phi-luật-tân trên 3 thế-kỷ nên 94% dân Phi đều theo Công-giáo. Tại Manila người ta còn thấy có nhà thờ St. Augustin là nhà thờ cổ nhất được xây cất vào thế-kỷ thứ 16. Năm 1898 Hoa-kỳ gây sự với Tây-ban-nha nhân vụ Cuba, chiếm luôn Phi-luật-tân và chỉ trả lại độc-lập cho quốc-gia này vào năm 1946. Tới ngày được độc lập người dân Phi rất hoảng sợ vì với qui-chế một quốc-gia độc-lập, đường và dầu dừa do Phi xuất cảng sang Hoa-kỳ phải trả quan thuế. Vì vậy mà họ đã năn nỉ Mỹ ở lại thêm ít lâu nữa. Và hiện thời vẫn còn một phong-trào vận động để Phi trở thành tiểu-bang thứ 51 của Hoa-kỳ.

Với ba bốn đợt văn-minh kế tiếp tràn vào, tất nhiên nền văn-hóa Phi phải có tính-cách lai căng. Tại đây người ta thấy những đoàn vũ-nữ mặc quần áo kiểu Tây-ban-nha, nhưng lại múa các vũ khúc Mã-lai theo những điệu nhạc tương tự như dân ca Mỹ. Trung-Tâm Văn-Hóa

Phi là một khối bê-tôn vĩ đại nằm sừng sững giữa thủ-đô. Từ xa ngó lại, tòa nhà này trông như một chiếc hộp bánh nướng trung thu ở Việt-nam, xây cất theo kiến-trúc tiền-phong kiểu Brasilia ở Ba-tây. Bên trong thì là cả một hệ-thống cột, hành-lang, đại-sảnh bằng đá cẩm thạch. Phòng trình-diễn văn-nghe lớn hơn Đại Hí-viện Ba-lê (Opéra) với hàng ngàn chiếc ghế nhung êm ái, với những ngọn đèn trùm vĩ đại vàng son và pha-lê rực rỡ.

Đời sống tại thủ-đô Manila rất tráng lệ huy-hoàng. Dọc đại lộ Roxas chạy theo bờ biển, các đại khách-sạn các tòa Đại-sứ, các hãng buôn lớn, các Nhà Ngân-hàng tràn ngập trong ánh sáng rón chap chồn nhầy múa. Từng đoàn xe Hoa-kỳ sang trọng nhất, bóng loáng, nối đuôi nhau chạy trên đường phố. Ban ngày, những giới cự phú ăn náu trong hơi lạnh của máy điều hòa không khí Họ chỉ xuất hiện khi trời xầm tối. Đàn ông trong bộ lễ phục (smoking) quần đen áo veste đủ mọi màu: xanh, đỏ, tím, vàng, choàng trên áo sơ-mi thêu. Đàn bà trong dạ-phục bản xứ tay phồng, dài sát đất, hột xoàn lấp lánh trên cổ, trên tai. Người ta còn thấy có những bà già đại tư-bản, đi không vững, từ trên những chiếc xe hơi lộng lẫy bước xuống, một đoàn y-tá vây quanh, người xốc nách, kẻ đẩy xe lăn tay, đưa vào dự tiệc tại các tiệm ăn sang nhất hay đến tham dự một phiên họp về công-tác xã-hội, từ-thiện.

Khu Makati thuộc quyền sở-hữu của những người Phi gốc Tây-ban-nha là cả một thành phố nhỏ nổi dài thanh-phố Manila. Đây là một khu cư trú dành riêng cho các giai cấp cao quý nhất của xã-hội Phi. Người ta thấy tại đây các biệt thự đều sang trọng, rộng rãi, khang trang. Gần như biệt thự nào cũng có hồ tắm, có sân cỏ, có vườn hoa. Đường phố rộng thênh thang chẳng khác gì một đô-thị Mỹ. Các Trưởng nhiệm-sở ngoại-giao, các Tổng Bộ-trưởng, các công chức cao cấp và các tay tỷ-phú đều tập trung tại khu này.

Tại Phi-luật-Tân nếu nhìn từ ngoài vào, người ta thấy đời sống hoàn toàn được Mỹ-hóa. Những quán ăn « Drive-in » những « Motels » mọc lên như nấm. Những quán ăn « Drive-in » có đặc điểm là khách hàng lái xe hơi thẳng vào quán, khỏi cần ra khỏi xe. Nhà hàng mắc mâm đồ ăn vào cửa xe và khách chỉ việc ngồi ăn tại chỗ. Các Motel là những khách-sạn dành cho những khách hàng lái xe đi đường trường. Tới khách sạn, khách có thể lái xe vào nhà xe ngay cạnh phòng ngủ vừa tiện lợi lại vừa kín đáo, nhất là cho những cặp tình nhân bất chính.

Kỹ-nghệ du-lịch được phát-triển mạnh. Tại những nơi danh lam thắng cảnh, người ta thấy các khách sạn sang trọng ngự trên những quả đồi, giữa các khu vườn, lớn hơn sở thú Saigon. Trong vườn khách sạn, người ta thấy đủ tiện nghi mà nền văn-minh thế giới có thể phát minh ra được.

Hồ tắm, sân golf, sân banh, sân quần vợt, cửa hàng bán đồ kỷ niệm, nhà bưu điện. Từ trên khách-sạn nhìn xuống là những thung lũng xanh ngát bao la và ở chân trời những ngọn núi lửa còn bốc khói lơ mờ hiện sau màn sương xanh nhạt. Các phòng khách sạn đều có máy lạnh, có điện-thoại, có vô-tuyến truyền-hình, có nhạc đặt đều liên tục, có giường êm, có thảm dày, có phòng tắm với đầy đủ nước nóng lạnh...

Các du khách nếu không dùng xe riêng có thể được chở đi thăm viếng bằng những chiếc xe ca lịch sự có máy lạnh, có ghế ngồi ngả nghiêng tùy theo sở thích. Nói tóm lại, tại Phi-luật-tân người ta có cảm tưởng sống giữa một xã hội đại - tư - bản Mỹ không có nước Á-châu nào sánh kịp.

Khu ăn chơi ở Manila cũng là một nơi lôi cuốn các du khách ngoại-quốc. Các tiệm khiêu vũ, các hộp đêm trình diễn những màn thoát y 100%, là những hiện tượng quá nhảm của đời sống Manila về đêm. Nhiều rạp hát trình diễn những vở tuồng con heo « sống » dưới sự canh phòng cẩn mật của cảnh sát vì những rạp này được một vài vị Thượng-nghị-sĩ bảo trợ.

Nhưng các trò chơi của Phi thiếu vẻ thanh-lịch, nghệ-thuật. Giống tâm tính dân Phi của hải-đảo, các trò chơi có tính cách cuồng nhiệt ồn ào, quá đặt nặng vấn đề tính dục. Dân Phi lại còn ưa trưng diện. Đàn ông con trai mặc đủ mọi kiểu Âu phục,

đủ mọi màu sắc lòe loẹt nhất, cắt theo những kiểu táo bạo nhất. Họ còn ưa đánh móng tay và xức nước hoa như đàn bà. Dân Phi lại thích dùng súng. Tại Phi-luật-tân người ta mua súng dễ như là bên Hoa-kỳ, nên ai ai cũng có súng. Bắn súng là một trò chơi quốc hồn quốc túy. Trước cửa Tối-cao Pháp-viện người ta treo một tấm bảng đề: «Hãy đề khóa an toàn trước khi vào TCPV». Trước các bar, các hộp đêm người ta còn treo những bảng «Cấm đàn bà không có đàn ông đi cùng, chó và súng lục».

Những bộ mặt phong lưu sáng sủa bề ngoài không che giấu nổi những tệ đoan, những nghèo đói của đa số người dân Phi. Bên cạnh những tài sản kếch sù như của gia đình Soriano làm chủ cùng một lúc các mỏ đồng ở Cebu, mỏ sắt ở Samar, ngành nuôi bò và sản xuất sữa ở Mindoro, rừng gỗ lim ở Mindanao và ngành sản xuất rượu bia San Miguel, bên cạnh những đại doanh-nhân thuộc hãng Esso-Caltex, thuộc Công-ty bảo hiểm Phil-Am Life Insurance Co. v.v... người ta thấy đại đa số dân Phi còn chui rúc trong các nhà ổ chuột thiếu vệ sinh thiếu cả không khí.

Trên đường phố Manila người ta ta thường bị một số hành khất vây

quanh đề xin tiền. Du khách từ chối không cho, đôi khi có thể bị những tên hành khất nhỏ tuổi, đánh hoặc trảng trợn cướp giật các đồ cầm trong tay. Buổi tối người nào đi xe hơi đều phải khóa cửa nếu không những tên anh chị có thể lợi dụng lúc đèn đỏ mà nhảy tới uy hiếp cướp xe. Một năm trung bình tại Phi-luật-tân có khoảng 8000 án mạng (hơn cả Nữu-ước!), 5000 vụ hiếp dâm và 6500 vụ ăn cướp.

Hệ-thống giáo-dục của Phi-luật-tân được phát triển lớn nhất Đông-Nam-Á nhưng vẫn còn có từ 40 tới 50% dân chúng bị mù chữ. Phi-luật-tân có tới 27 trường Đại-học tổ chức theo kiểu các Campus của Hoa-kỳ. Tuy nhiên đời sống kinh-tế trong nước không đủ sức đề thu hút các sinh viên tốt nghiệp Đại-học nên hiện thời trên 1 triệu người có bằng Đại-học tại Phi thì có đến 400 ngàn người không kiếm được việc làm.

Cuộc sống xa hoa của một thiểu số đã làm cho Phi có bộ mặt sung túc giả tạo và làm cho dân chúng vô cùng bất mãn. Phe Cộng-sản đã lợi-dụng sự bất mãn này để gia-tăng hoạt-động. Tổng-thống Phi Ferdinand Marcos đã hiểu như vậy nên ngay từ năm 1965, khi đắc cử, ông đã cố gắng tìm cách cải thiện cơ cấu của xã-hội Phi bằng những biện-pháp mà phe đối lập tố cáo là độc-tài.

II.— LỰA CHỌN GIỮA CỘNG SẢN VÀ ĐỘC TÀI

Ngay từ khi Phi-luật-tân được độc-lập vào năm 1946, nước này đã bị Cộng-sản đe dọa. Một tổ-chức

Cộng-sản lấy tên là Hukbong bayan laban sa Hapon (có nghĩa là «Quân đội nhân dân chống Nhật»), gọi tắt là

Huks, đã phát động chiến tranh du-kích chống chính-quyền cùng một lúc với phe Cộng-sản nổi dậy và cướp chính quyền ở Hoa-lục và Đông - Dương. Các vị Tổng Thống đầu tiên của Phi-luật-tân là Roxas và Quirino, tuy cố gắng đương đầu với phe Cộng-sản ở bên ngoài và với nạn tham nhũng ở bên trong nhưng đều không thành công. Tình hình rối loạn kéo dài tới năm 1954 khi Ramon Magsaysay, một "người hùng" của Phi-luật-tân xuất hiện với sự trợ giúp của Đại tá Landsdale (người đã giúp đỡ ông Diệm củng-cố địa-vị vào 2 năm sau). Magsaysay đắc cử Tổng-thống, tiêu diệt quân Huks và ổn định tình-thế. Nhưng Magsaysay chỉ cầm quyền được tới năm 1957 thì bị chết trong một tai nạn phi-cơ khá bí mật. Tình-hình Phi-luật-tân trở lại bất ổn. Năm 1965 Ferdinand Marcos ra tranh cử Tổng-thống và đánh bại đối thủ là đương kim Tổng-thống Macapagal. Từng là cộng-sự-viên của Magsaysay, Marcos muốn nối tiếp công cuộc bỏ dờ của ông thầy cũ, nên khi tranh cử ông đã đưa ra một chương-trình cải cách xã-hội sâu rộng, nhằm bài trừ tham nhũng, tái phân phối lợi tức trong nước, phát huy công bằng xã-hội v.v...

Ferdinand Marcos sinh năm 1918, tại thành phố Sarrat phía Tây Bắc đảo Luzon. Mariano cha của Ferdinand, là một chính-trị-gia chuyên-nghiệp liêu lĩnh và gan dạ. Ông huấn-luyện cho 4 anh em Ferdinand tính tự-tin ngay từ khi còn nhỏ. Ông nội của

Ferdinand cũng dạy cho các cháu nghệ-thuật săn thú rừng. Ngay từ năm 12 tuổi, Ferdinand, hay Ferdie đối với các thân-hữu, đã là một tay thiện xạ. Năm 16 tuổi Ferdie chiếm giải quán quân quốc gia về thi bắn.

Cũng năm 16 tuổi, Ferdie theo học ngành Luật học tại Đại-học Phi-luật-tân (University of the Philippines hay U.P. là trường Đại-học lớn nhất và có tiếng nhất ở Phi, tương tự như Oxford ở Anh hay Harvard ở Mỹ). Tại đây Ferdie đã là một sinh viên hết sức ưu tú nên cậu đã xin được học bổng để khỏi cần phải được gia-đình cấp-dưỡng. Học hành đã luôn luôn đứng đầu lớp, Ferdie lại còn là một lực sĩ hoàn toàn, vô địch trong các môn quyền Anh, bơi lội và nhất là nghề bắn súng, nghề của chàng. Tài thiện-xạ của Ferdie đã mang lại cho cậu nhiều bất lợi. Năm 1935 khi cậu mới 17 tuổi thì một vụ án mạng xảy ra. Cha cậu vừa thất cử trong cuộc bầu cử Quốc hội. Đối thủ của cha cậu là Julio Malundasan, trong cuộc tranh cử, đã hết lời lăng mạ cha Ferdinand, nên khi Malundasan gục ngã với đúng một viên đạn trúng tim thì mọi người đều yên trí là chỉ có Ferdie mới có thể bắn sể một cách chính xác như vậy. Ngoài ra Ferdie lại còn có nhiều lý do hơn ai hết để hạ sát Malundasan, hầu báo thù cho người cha vừa bị hạ nhục, vừa bị thất cử.

Nhưng luật-pháp Phi quá chậm trễ nên đến tận 4 năm sau người ta mới ra lệnh tổng giam Ferdie khi

cậu chỉ còn có 5 tháng nữa thì tốt nghiệp. Vì có tiền đề thể chân Ferdie được tại ngoại hậu cứu và thi ra trường giữa hai nhân viên cảnh sát. Kết quả là Ferdie đậu cao nhất với một điểm trung bình chưa từng có là 98,01%. Hội đồng Giám-khảo tổ là cậu thi gian. Ferdie xin phép được thi thêm một kỳ vấn đáp để chứng minh tài của mình. Kết quả là cậu cũng đoạt được một điểm trung bình chưa ai có được (ngoài cậu ra) là 92,35%. Sau khi thi đậu ra trường Ferdie mặc bộ đồ trắng, đi giày trắng, để tỏ mình bị nghi oan và ra trước Tối-cao Pháp-viện để tự bào chữa. Tài biện hộ của Ferdie xuất sắc đến nỗi Công - tố - viện phải bó tay không buộc tội nổi. Và một lần nữa, Ferdie lại thắng vẻ vang, và được tòa tha bổng.

Nhưng ngược lại tài thiện xạ của Ferdie cũng lại mang cho Ferdie nhiều lợi điểm. Nhờ tài bắn súng này, mà Trung-úy Ferdinand Marcos đã trở thành một anh hùng kháng chiến. Khi Nhật chiếm Phi-luật-tân vào năm 1941, Trung-úy Marcos nhập ngũ, phục vụ trong ngành tình báo và đã lập được rất nhiều chiến công. Ngay 2 tuần sau khi nhập ngũ, Ferdinand Marcos đã được thưởng chiến công bội tinh của Mỹ với ngôi sao bạc. Một lần bị Nhật bắt, ông can đảm chịu tra tấn. Nhưng khi ông bằng lòng khai, thì lính Nhật yêu cầu ông dẫn họ tới chiến khu của quân kháng chiến. Ông ưng thuận và thừa dịp đó dẫn họ tới một ổ phục kích mà ông biết rõ là các bạn

ông vẫn bố trí. Lần đó toán lính Nhật đã bị giết sạch và Marcos được giải thoát. Các sĩ quan Mỹ đề nghị ân thưởng cho ông Danh-dự Bội-tinh (Medal of Honor) nhưng vì đây là một huy-hương cao nhất của Hoa-kỳ nên tại Hoa-thịnh-đốn người ta từ chối không chịu dành cho người ngoại quốc. Dù sao khi tướng Mac Arthur giải phóng Phi-luật-tân vào năm 1945 thì Marcos đã là một sĩ-quan được nhiều huy - chương nhất, (27 huy chương, 2 sao bạc trên chiến-công bội-tinh và Distinguish Service Cross của quân đội Mỹ).

Năm 1950, Marcos nhảy vào võ đài chính trị. Đắc cử vào Hạ-viện năm 22 tuổi, Marcos đã là một dân biểu trẻ nhất trong lịch-sử Phi. Ông đưa ra những dự-luật cải cách, như dự-luật cải cách điền địa dự-luật bảo vệ quyền công dân... Vị dân biểu độc thân này còn được nổi tiếng là một nhà thể-thao và tay hào hoa phong nhã. Khi nào không đi bắn vịt, bắn chim thì dân-biểu Marcos chạy theo săn các bà các cô ở Forbes Park.

Nhưng cuộc sống lang bang này chỉ kéo dài có 4 năm thì Marcos phải lập gia đình. Cuộc hôn nhân của Marcos cũng rất là đặc biệt. Một hôm cô Imelda Romualdez, con gái một nhà đại tư-bản, chủ-nhân kỹ-nghệ đường mía Phi và là cháu gái Chủ-tịch Hạ-viện Daniel Z. Romualdez, tới thăm Hạ-viện. Trong khi Imelda ngồi cần hạt dưa trong hàng

(xem tiếp trang 71)

Nhân việc Lê - Văn - Viễn từ trần

Một vài nhận xét về Cựu Thủ-lãnh Bình-Xuyên

Cựu Thủ-lãnh Bình-Xuyên Lê-văn-Viễn, tục danh là Bảy Viễn, vừa tạ thế tại Ba-lê ngày 27-9-1972. Tin này do Thông-tấn-xã A.F.P. loan ra và được tất cả báo Sài-gòn đăng lại. Nhơn dịp này, có xảy ra nhiều luồng dư luận, khác biệt nhau, khen cũng có, mà chê cũng nhiều, mĩa mai chẳng ít. Những dư luận này chứng minh rằng Bảy Viễn là một « nhân vật », mà sự sống còn cũng như sự ra đi luôn luôn được người ta chú ý và bị người ta lo ngại.

Riêng kẻ viết bài này tiếp nhận cái tin trên một cách rất thản nhiên, chẳng buồn mà cũng không vui, không cười mà cũng chẳng khóc. Nếu chẳng có Ban Giám đốc Bách-Khoa thiết tha yêu cầu, thì chắc chắn là không có bài này. Mà lý do nài nỉ của Bách-Khoa rất là chánh đáng. Lý do ấy như sau :

« Bảy Viễn » là một hiện tượng xuất hiện trong cơn gió lốc của lịch sử Việt-Nam. Từ một tay anh chị giang hồ, khi túng tiền thì đi ăn cướp, mà thời cuộc đưa đẩy đến bình diện nhứt nhĩ của lịch sử, tất nhiên người này phải có những cá tính riêng biệt nào đó. Vậy cần phân tích cho dân hậu tấn thấy rõ những cá tánh nọ, nếu họ cần dẫn thân vào dòng

sử. Và cũng cần phân tích cho kẻ đương muốn làm sử thấy những yếu tố nào khiến cho một « nhân vật » dễ bị đào thải như vậy.

Vấn đề mà Bách - Khoa đặt ra, trước đây, đã có một nhà xuất bản đề nghị với tôi trước tác một quyển sách theo chiều hướng đó. Nhưng tôi đã từ chối. Lẽ thứ nhứt là Lê văn Viễn còn tại thế. Lẽ thứ hai là một tác phẩm như vậy chỉ giúp cho độc giả (người Pháp) « mua vui cũng được một vài trống canh » mà chẳng có công dụng nào khác. Hôm nay, Lê văn Viễn đã qua đời. Mà bài này viết ra cho những người Việt muốn « dẫn thân », thì kẻ « dùng văn » (chớ không phải là « mãi văn » như có thứ gái « mãi dâm ») đành cầm viết vậy.

* * *

Trước nhứt Bảy-Viễn là một người *đam mê*. Con một gia đình giàu có ở Chợ Lớn, lúc còn đi học, vừa đến lớp tư, anh đã *đam mê* với chúng bạn, bỏ học mà hoang phí cả một sự nghiệp to tát do tổ phụ truyền lại. Tuy nhiên, *đam mê* thứ nhứt của anh, vào tuổi đó, vào thời đó, chỉ là sự *chơi bời*. Có điều ngộ là trong « tứ đồ trường », anh chỉ va

đầu vào hai bức mà thôi, là cờ bạc và gái.

Về ma túy, anh rất ghét. Ghét cho anh và ghét giùm cho bạn. Trọn đời, anh ít tin dùng bọn « hút sách ». Về rượu, anh không dùng. Nhưng anh chấp nhận cho bạn bè dùng. Phải chăng hai điều « trung nghĩa » mà, giới giang hồ thời đó nâng lên hàng ý thức hệ, đã khiến anh có thái độ ấy ? Anh thường nói : « Làm anh em với người ghiền rượu còn chắc là có người anh em. Làm anh em với người ghiền á phiện là nuôi ong tay áo ». Chẳng những anh không thích rượu, mà anh cũng không thích ăn cao lương mỹ vị. Nếu không bị nghi lễ ràng buộc, thì trong một bữa ăn với anh em, món ngon vật lạ thì dọn cho anh em, còn trước mặt Bảy Viễn, bắt buộc phải có món rau luộc và một đĩa cá kho khô đặc biệt của nông dân, kho cho ngon mà thôi.

Về gái, không nghe ai thuật lại việc anh đi chơi gái ăn sương. Mà hề thương ai, thì anh lấy làm vợ. Bảy Viễn làm cô-léc-xông vợ cũng như người ta làm cô-léc-xông tem. Hầu hết là con nhà bình dân, lao động, nông dân, tiểu thương. Trong cái cô-léc-xông « chị Bảy », tôi chỉ biết có một người con gái của một thầy Cai Tổng. Hay là bị những « tiểu thơ » chê ?

Mà cái đam mê chánh yếu, mạnh hơn tất cả là cờ bạc. Cờ bạc vì cờ bạc, cũng như người ta làm « nghệ thuật vị nghệ thuật » vậy.



Bởi sự đam mê này, mà từ thuở mười bốn, mười lăm tuổi, anh « dẫn thân » vào giới giang hồ anh chị. Có một chi tiết mà các nhà nghiên cứu « khoa học huyền bí » thích thú lắm. Một hôm, có người nói với tôi : « Anh Bảy nói rằng anh tuổi Dần, chứ thiệt sự, anh tuổi Thìn ». Con rề là Đại tá Nguyễn văn Nhỏ, trong lời cảm ơn, có ghi rằng Lê văn Viễn chết năm 68 tuổi (tức là tuổi Thìn). Còn lời của gia đình bên Pháp khai là 70 tuổi (tức là tuổi Dần).

Tò mò, tôi xem tướng đi, dáng điệu, nên tôi đem nghi vấn ấy mà đặt ngay. Bảy Viễn đáp :

— Tui tuổi Dần. Hồi mới đẻ ra, ông già có xem số họ nói với ông sao không biết, nên ông đợi, đến năm Thìn mới khai sanh. Bởi vậy, tui mới lấy đầu con cạp mà làm phù hiệu cho Bình Xuyên.

Rồi cả một đêm, anh kể cho tôi nghe cái bản tánh « cạp » trong người anh, nhứt là cái thú đi săn. Mà đi săn, bắn gì thì bắn, nhưng không hề khi nào bắn cạp. Một hôm, anh ngồi nơi cháng ba cây, cầm súng mà chờ mồi. Có một con cạp từ dưới đất nhảy lên, vồ trúng nơi chơn (anh chỉ cái thẹo) móng ăn sâu vào thịt, cạp lưng lửng, mà anh ngồi chàng hàng không rớt. Ghim súng mà bắn, thì cạp chết ngay. Nhưng anh không nỡ. Anh chỉ nạt lớn. Cạp hoảng hồn, buông, rớt xuống đất, chạy tuốt.

Và anh kết luận :

— Kỳ quá anh Tường à. Đi kháng chiến, gặp anh hùng tui không nữ giết. Tui tha hết. Vì vậy mà Nguyễn Bình nghịch với tui. Như thằng Thế (Trình Minh Thế) lỗi với tui rất nhiều, tui vẫn tha thứ. Nói gì đến thằng Cụt (Ba Cụt), tui thương nó hơn thương vợ.

* * *

Với cái « tiên thiên » như vậy, Bảy Viễn dẫn thân vào giới giang hồ, anh chị, cho đến năm 1945 (bốn mươi ba tuổi) mà chỉ chịu sự giáo dục của hoàn cảnh, tức là của làng « anh chị », sống ngoài pháp luật, không lo làm ăn, mà chỉ cờ bạc. Trong cái nghiệp này, thua nhiều, ăn ít. Lắm khi thiếu hụt, thì anh em rủ đi ăn cướp. Sẵn có tiềm thức « cướp » trong người, nên trong cái tổ chức nhỏ của một đảng cướp, anh được anh em đề bạt lên làm chúa đảng. Kể khác đi ăn cướp để làm giàu. Bảy Viễn đi ăn cướp để có tiền cờ bạc. Kể đi ăn cướp vì mục đích ít được đàn em tôn trọng, vì chúa đảng thường « ăn cướp » lại đàn em. Trái lại, em út Bảy Viễn thương anh và phục tòng, vì tài vật cướp được, « anh em tính sao thì tính ».

Nhờ vậy, mà khi bị bắt, em út đang tay nhau mà tổ chức cho anh vượt ngục ngay. Cuối năm 1940, độ 600 chánh trị phạm bị đưa ra Côn đảo với độ 20 người thường phạm bị án khổ sai chung thân. Trong số sau này, có người nói lớn cho bè bạn đứng đưa trên bờ ;

— Tụi bây đừng có lo ! Tao sẽ

về ăn Tết với tụi bay !

600 chánh trị phạm, toàn là tay chọc trời khuấy nước, thấy ngạc nhiên vì lời tuyên bố ấy của Bảy Viễn. Mà thật như vậy. Không đầy hai tháng, tù ở Côn Lôn đã tổ chức cho « anh Bảy » vượt ngục về ăn Tết ở đất liền. Cái tài của anh là cái tài « đặc nhân tâm », ít nữa của giới giang hồ, anh chị.

* * *

Năm 1945, toàn dân vùng dậy.

Dĩ nhiên là giới giang hồ, anh chị, trộm cướp, cũng hưởng ứng theo phong trào dân tộc.

Làng Bình Xuyên, trong thời Pháp thuộc vốn là sào huyệt của giới này, đã biến thành « khu kháng chiến » nổi danh hơn hết, chỉ vì giới này coi cái chết như không. Lúc khởi đầu, các lãnh tụ Bình Xuyên là Tư Ty, Ba Dương, Mười Trí... Còn tên tuổi và thế lực của Bảy Viễn còn ở rất xa sau lưng, ít ai biết tên.

Nhưng rồi Tư Ty, Ba Dương sớm lìa trần, Mười Trí bôn ba với đám tàn quân của Bình Xuyên bị tấn công tơi bời. Chỉ còn một nhóm rất nhỏ « Bình Xuyên chánh hiệu » chung quanh Bảy Viễn.

Nhưng nhờ sự « đặc nhân tâm », mà anh hùng tứ phương tụ tập lại chung quanh cựu tướng cướp này. Đề rồi vị thủ lãnh mới của Bình Xuyên được đề bạt lên làm « thành đồng Nam Bộ » và được cử lên làm « Khu bộ phó của Khu bảy », chỉ dưới Nguyễn Bình.

* * *

Cái lẽ thắng của Bảy Viễn cũng là cái lẽ trảm của Bảy Viễn : chính là cái bản lãnh « đặc nhân tâm ». Các tay kháng chiến không Cộng quay mặt nhìn về Bảy Viễn và ước mong có được một khu giải phóng không theo Cộng, mà cũng chẳng bị thực dân chi phối.

Cộng sản không thích dung tha một chủ trương như vậy, mà thực dân tinh ranh, gài cán bộ phòng nhì vào đề khai thác. Nằm vào thế trên đe, dưới búa, Bảy Viễn chỉ có thấy con đường chết. Tại « Hội nghị Nam Bộ », nếu không nhờ « em út » nằm ở các bộ đội bao vây mở vòng cho thoát, thì làm sao mà Bảy Viễn « về thành » nổi ?

Cho hay, sự « đặc nhân tâm » cứu thoát cho vậy.

* * *

Về thành vồn vẹn với 27 người, có thể kể rằng đời của Bảy Viễn đã tàn với bao nhiêu kẻ anh hùng đầu thú khác.

Có lẽ về tội xấu, Bảy Viễn có rất nhiều tội xấu hơn lắm tay anh hùng kia đã mai một. Có lẽ về dốt nát chữ nghĩa và chánh trị, Bảy Viễn dốt nát hơn bất cứ ai. Nhưng Bảy Viễn hơn được họ nơi cái bản lãnh « đặc nhân tâm », mà từ 27 binh sĩ đói rách, lực lượng Bình Xuyên lại vọt lên được bốn tiểu đoàn. Và khi cái gọi là « Mặt Trận Thống Nhứt Toàn Lực Quốc Gia » thành lập, thì tất cả tướng lãnh đều đồng thanh bầu Bảy Viễn làm Tổng tư lệnh. Ấy là nhờ « đặc nhân tâm » vậy.

* * *

Lẽ thành công của Bảy Viễn chính là cái « đặc nhân tâm » đó.

Còn lẽ thất bại của Bảy Viễn là chỉ có cái đó mà thôi. Trong lịch sử nước Tàu, có lẽ đem Bảy Viễn mà so sánh với Lưu Bang được về cá tánh. Nhưng mà Lưu Bang gặp thời, được cả một đám nhân tài (Tiêu Hà, Hàn Tín, Phàn Khoái, Anh Bố, Bành Việt...) phò tá. Còn Bảy Viễn không gặp thuận tiện ấy.

Trong lịch sử Việt-Nam, có những Lê Lợi, Quang Trung cũng là người ít học. Nhưng mà không thể đem Bảy Viễn mà so sánh với hai bậc anh hùng dân tộc này.

Bởi vì Bảy Viễn kháng chiến là do một số kháng chiến có bản tánh giang hồ, đưa đẩy lên hàng đầu. Rồi Bảy Viễn, Thủ lãnh Bình Xuyên cũng do một kết hợp của những thanh niên, không chịu đi với Cộng-sản và cũng không chịu đi với thực dân Pháp, đưa đẩy lên. Đưa đẩy lên là vì Bảy Viễn « đặc nhân tâm » của giới này mà thôi.

Năm 1955, Pháp ra đi, mà Cộng sản cũng tập kết ra Bắc. Cái kết hợp đã đưa đẩy Bảy Viễn lên hàng đầu không còn lý do tồn tại nữa. Và Bảy Viễn phải ra đi. Đề rồi chết ở xứ lạ quê người.

* * *

Con người ấy chỉ phát trong một « đại hạn » mười năm 1945 - 1955. Biết được « số » của anh như vậy, thì không thể có vấn đề « phò tá »

hay « khai thác » cái thể Bình Xuyên được.

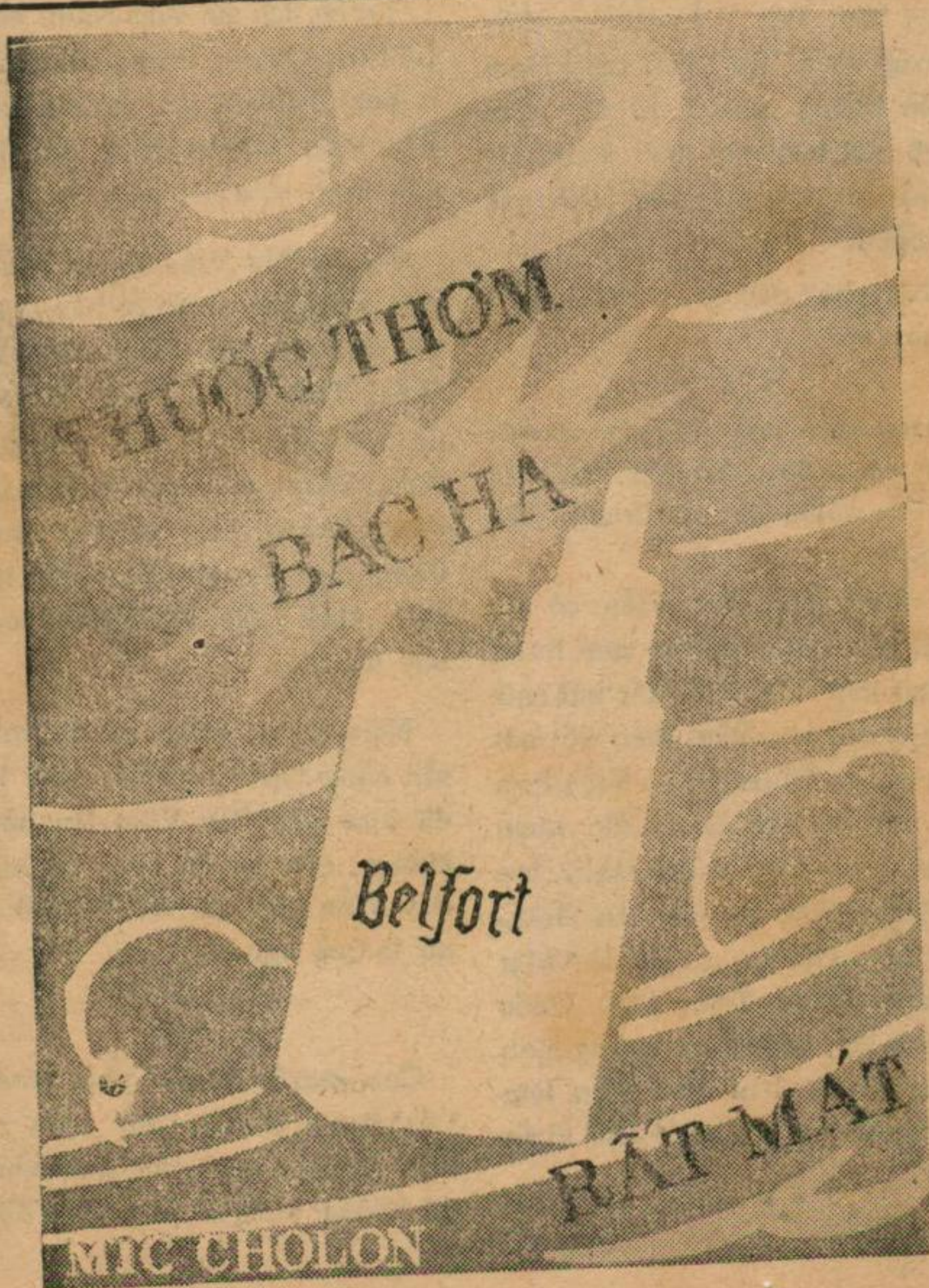
Ví dụ không rõ số ấy ra làm sao, khi đã thấy cái « nhân tâm » đi về đâu, thì cũng đoán được tương lai của con người « đặc nhân tâm » ấy ra sao.

● Trước khi chấm dứt, xin có mấy lời nhắn nhủ đàn hậu tấn. Nên đến thư viện mà đọc lại những bài báo đã tố vị Thủ lĩnh Bình Xuyên này,

do chiến dịch của Ngô Đình Nhu chỉ đạo. Các bạn sẽ ngạc nhiên, sao con người như thế đó lại chen lấn được đến hàng đầu của thời cuộc Nam Việt-Nam?

Nhưng nếu các bạn biết rút cái bài học « đặc nhân tâm », thì với tài trí, sức học của các bạn, các bạn sẽ chọc trời khuấy nước đến thế nào?

HỒ HỮU TƯỜNG



Nhà giáo họ Không TÌNH THẦY TRÒ

Xét chung thì người nào cũng có một điểm (hoặc đức hoặc tài) cho ông khen.

Khi Quí Khương Tử hỏi ông :

— Trọng Do (tức Tử Lộ) có thể dự việc chính trị (tức làm đại phu) được không ?

Ông đáp :

— Do là người quả quyết, dự việc chính trị sao lại không được ?

Lại hỏi về Tử Cống, về Nhiễm Hữu ; ông đều đáp :

— Được hết, vì Tử Cống thông hiểu đạo lí, và Nhiễm Hữu có tài nghệ. (Ung-dã — 6).

Ông nhận người nào cũng có một sở trường.

Tử Lộ có thể điều khiển quân đội của một nước ngàn cỗ xe ; Nhiễm Hữu có thể làm quan tể cho một ấp có ngàn nhà, hoặc một nước có trăm cỗ xe ; Tử Hoa có thể mặc lễ phục đứng ở triều đình mà tiếp tân khách (Công Dã Tràng — 7).

Sở trường của họ có thể hơn ông nữa. Theo Không Tử gia ngữ, một hôm Tử Hạ hỏi ông về Nhan Hồi, Tử Cống, Tử Lộ, Tử Trương, ông đáp Nhan Hồi có đức tin hơn ông, Tử Cống nhanh hơn ông, Tử Lộ dũng cảm hơn ông, Tử Trương trang

ng nghiêm hơn ông.

Tử Hạ ngạc nhiên, đứng dậy hỏi :

— Thế thì tại sao bốn anh ấy lại phải đến học thầy ?

Ông bảo :

— Ở đây, ta bảo cho : Hồi biết tin mà không biết nghĩ [có lẽ là không biết thắc mắc] ; Cống [Tử Cống] biết nhanh mà không biết chậm ; Do [Tử Lộ] có dũng mà không biết có lúc nên nhát ; Sur [Tử Trương] trang nghiêm mà không biết ung dung dễ hòa với mọi người.

Nghĩa là người nào có sở trường thì cũng có sở đoản, sở trường ở đâu thì sở đoản ở đó.

Lần khác ông lại bảo :

Tử Cao thì kém học thức ; Tăng Sâm thì chậm chạp, thật thà ; Tử Trương hay chưng diện ; Tử Lộ thì thô, không nhã. (Tiên-tiến — 17).

Đúng lắm. Tử Lộ quả là cương trực tới thô lỗ, không có ý tứ, đôi khi vô lễ nữa, dám tỏ vẻ không phục thầy.

Lần đó ông đến nước Vệ, vợ vua Linh Công nước Vệ là nàng Nam Tử, nổi tiếng là dâm đãng ; theo phong tục Vệ, ông phải vào ra mả

nàng Nàng ngồi sau một bức màn, ông vào, quay mặt về phương Bắc, quì xuống lạy; nàng xá lại hai xá, tiếng vàng tiếng ngọc ròn rảng. Ông bước ra, mừng quá bảo: Tôi không muốn vào yết kiến, bắt đắc dĩ phải vậy, nhưng cuộc hội kiến này không có gì trái lễ.

Vậy mà khi ông về tới nhà trọ Tử Lộ tỏ vẻ bất bình, khiến ông phải thề độc: “Ta mà có làm điều gì chẳng phải thì Trời hại ta. Trời hại ta,!” (*Dư sở phủ giả. Thiên yểm chi! Thiên yểm chi!* — Ung-đã — 26).

Lần khác, Phất Nhiêu, họ Công Sơn là gia thần họ Quý, làm phản, chiếm đất của chủ, rồi sai người đến mời Không Tử. Ông muốn đi, Tử Lộ tỏ vẻ bất bình, can:

— Không có nơi nào hành đạo được thì thôi, đến với họ Công Sơn làm gì!

Ông đáp:

— Người ta với mình tôi, đâu phải là vô cớ. Nếu có người biết dùng ta thì ta sẽ dựng một nước Chu ở phương Đông được chứ”. (*Dương-hóa — 5*), nghĩa là một nước ở Lỗ, để thay nhà Chu, làm thiên tử (Lỗ ở phương Đông).

Ông nhiệt tâm muốn cứu đời quá, lần đó quả là tính sai. Tử Lộ can ông là phải. Và ông nghe, không đi nữa.

Lần sau, Phất Bật, một quan đại phu nước Tấn, cai quản ấp Trung-

mâu của họ Triệu, cũng phản chủ, rồi cũng sai người mời ông tới. Ông cũng muốn đi nữa. Tử Lộ lại can:

— Xưa kia Do (tên Tử Lộ) nghe thầy dạy: Người quân tử không vào bè với kẻ làm bậy. Nay Phất Bật chiếm ấp Trung-mâu làm phản, mà thầy muốn qua với nó nghĩa là làm sao?

Không Tử đáp:

— Phải, ta có nói như vậy. Nhưng ta chẳng thường nói câu này nữa: “Chỉ sợ không thật cứng, nếu thật cứng thì mài cũng không mòn; chỉ sợ không thật trắng, nếu thật trắng thì nhuộm chàm cũng chẳng đen”. Ta há như cái bầu, chỉ treo thôi chứ không ăn được sao? (*) (*Dương-hóa — 7*)

Thái độ của Không Tử là “vô khả, vô bất khả”; nhưng rồi ông nghe lời can của Tử Lộ mà không đi.

Không một môn đồ nào trực ngôn với ông như Tử Lộ. Chắc ông hiểu như vậy là Tử Lộ yêu quý ông lắm; cho nên ông cũng mến Tử Lộ, khen là người có nhiệt tâm, trung tín, hễ hứa với ai điều gì thì làm ngay, không chần chờ (Nhan Uyên — 12) và có lần ông nói đùa với Tử Lộ nữa:

— Đạo thầy mà không thi hành được, thầy sẽ thả cái bè, lênh đênh

(*) Có sách giảng là: chỉ treo thôi, chứ có miếng mà không ăn sao?

trên mặt biển, lúc đó theo thầy có lẽ chỉ có anh Do chăng ?

Tử Lộ tưởng thật, mừng lắm. Ông liền nói thêm :

— Anh đừng cảm hơn ta, nhưng thiếu óc phán đoán. (Công Dã Tràng — 6)

Ông «hiển» đó — vì Tử Lộ ở trong thất thập nhị hiển — có lần được một lời khen của thầy thì vui như con nít được kẹo. Không Tử báo :

— Anh Do mặc áo xấu rách đen, đứng cạnh bên người mặc áo tốt bằng da con hồ con lạc mà không lấy làm thẹn, đúng như lời kinh Thi : «Chẳng ô kị, chẳng tham lam, thì làm việc gì mà chẳng tốt ?»

Tử Lộ khoái quá, ngâm đi ngâm lại câu đó, e đến trọn đời ; Không Tử phải răn thêm :

— Chẳng ô kị, chẳng tham lam, bấy nhiêu đâu đã đủ là tốt. (Tử-hân — 25).

Tử Cống cũng là một môn sinh rất thân, nhưng trái hẳn với Nhan Hồi, thích làm giàu, thích buôn bán, có tính khoe khoang, một lần tự hào rằng : «Việc gì tôi không muốn người khác làm cho tôi thì tôi cũng không làm cho người khác». Như vậy là tự cho mình đã đạt được đức thứ, đức nhân. Không Tử liền chặn lại :

— Nay Tử, anh chưa đạt được mức đó đâu. (Công Dã Tràng — 11)

Hay xét người, Tử Cống lại còn

muốn được ông khen nữa, hỏi :

— Thầy thấy con là người thế nào ?

Ông hạ một câu, chắc Tử Cống không được vui lắm :

— Anh như một món đồ (nghĩa là chỉ dùng được vào một việc mà thôi).

Tử Cống hỏi tiếp :

— Thừa món đồ gì ?

— Cái hồ liễn.

Hồ liễn là một thứ bát hay liễn đựng xôi để cúng tế ở tôn miếu. Ông nén xuống rồi lại khen đề Tử Cống khỏi buồn. (Công Dã Tràng — 3)

Con người đó thông minh, lanh trí có thể tế nhị nữa.

Lần đó Không Tử đương ở nước Vệ mà vua Vệ bất hiếu, cướp ngôi của cha trong khi cha bị loạn ở nước ngoài ; rồi khi cha về, đem quân ra cự cha. Nhiễm Hữu không hiểu thái độ Không Tử ra sao, hỏi Tử Cống : «Thầy có vị vua Vệ không ?» Tử Cống đáp : «Ừ, chính tôi cũng định hỏi thầy về việc ấy».

Rồi Tử Cống vào hỏi, nhưng không hỏi thẳng về vua Vệ, như vậy Không Tử sẽ khó trả lời : theo đạo lý thì không thể bênh vực vua Vệ được, mà theo phép xử thế, đương làm khách ở Vệ thì không nên bài xích vua Vệ. Cho nên Tử Cống đem việc Bá Di, Thúc Tề ra hỏi.

Bá Di, Thúc Tề là hai anh em ruột, con vua nước Cô-trúc ở cuối

đời Thương, đầu đời Chu. Bá Di là anh cả, Thúc Tề là em út. Vua Cô-rúc yêu Thúc Tề, lập di mệnh cho Thúc Tề nối ngôi. Quốc dân theo di mệnh lập Thúc Tề, Thúc Tề không chịu, nhường lại Bá Di cho phải lẽ. Bá Di cũng không chịu, nhường lại cho Thúc Tề để tuân lệnh cha. Không ai chịu nhận rồi trốn cả vào núi, quốc dân phải lập người con giữa.

Vậy hai người đó lấy nghĩa làm trọng, trái hẳn với vua nước Vệ. Nếu Không Tử khen Bá Di, Thúc Tề, tức là chê vua Vệ rồi. Tử Cống nghĩ vậy rồi vào hỏi :

— Thưa thầy, Bá Di, Thúc Tề là người ra sao ?

Đáp :

— Là người hiền đời xưa.

Tử Cống hỏi thêm :

— Hai ông ấy sau khi nhường ngôi, trốn vào núi, có ân hận gì không ?

— Hai ông ấy cầu được vẹn chữ nhân, và đã làm được điều nhân thì còn ân hận gì nữa ?

Thấy thầy khen Bá Di, Thúc Tề, Tử Cống trở ra đáp Nhiệm Hữu :

— Không, thầy chẳng vị vua Vệ đâu.

Quả nhiên, sau Không Tử dất môn đồ bỏ nước Vệ mà đi. Truyện đó chép trong chương Thuật-nhi bài 14.

Nhưng hình như Tử Cống có hơi nóng lòng muốn thầy trở ra làm quan,

nên hỏi thầy :

— Có thứ ngọc đẹp thì nên cất trong hộp, hay là nên cầu cho được giá mà bán đi ?

Không Tử đáp :

— Bán đi chứ ! Bán đi chứ ! Ta đợi giá đây. (Tử-hân 12)

Lời đó là lời nói đùa. Nhưng có thể hiểu rằng Không Tử vẫn mong có một ông vua biết trọng dụng mình ; và bài 13 kể bài đó, chép rằng có lần ông chán nản bỏ Hoa Hạ mà ra miền Đông ở với chín rợ Di (có lẽ là miền Triều-tiên, tức Đại-hàn ngày nay).

Như vậy ta thấy Tử Cống cũng ngay thẳng, được Không Tử mến. Chính Tử Cống tự xét mình là “ghét kẻ dò xét hành vi của người khác mà tưởng như vậy là trí (khôn) ; ghét kẻ thiếu khiêm tốn mà tự cho mình là dũng ; ghét kẻ công kích người mà tưởng như vậy là ngay thẳng.” (Dương-hóa — 23).

Tử Cống có tính hay so sánh người này với người kia. Một lần đã hỏi thầy (Tiên-tiến — 15) :

— Anh Sur (Tử Trương) và anh Thương (Tử Hạ), hai anh đó, ai hơn ai ?

Ông đáp :

— Sur thì thái quá, Thương thì bất cập.

Tử Cống vẫn chưa thỏa mãn, vì Không Tử vẫn chưa trả lời dứt khoát câu hỏi của mình :

— Vậy thì anh Sư hơn chẳng?

— Thái quá cũng như bất cập.

Câu đáp đó cho ta thấy Không Tử chủ trương trung dung: trong việc học tập, tu thân, thái quá thì dễ mất kiên nhẫn, mà bất cập thì khó mà tiến được.

Chắc Tử Cống chẳng những thường gọi chuyện đề Không Tử so sánh các môn đệ khác, mà còn nhiều khi khen người này, chê người nọ, cho nên ông phải ngăn lại:

— Anh Tứ hiền (có đức cao) nhỉ! Thầy thì tự xét mình để sửa lỗi mà không xong, có đâu rảnh mà xét người. (Hiển-vấn — 31)

Lời mỉa mai nhẹ nhàng mà thâm thúy, có lẽ chỉ có cách đó mới sửa được tật cho Tử Cống.

Lần khác ông mỉa Tử Du, nhưng không phải là trách, chỉ là nói đùa. Nguyên Tử Du cai trị Võ-thành, một ấp ở Lỗ. Tử Du theo đúng chính sách của ông, dùng lễ nhạc để trị dân, dân trong ấp đều tập đàn ca. Một hôm đi ngang qua đó, thấy tiếng đàn ca ở trong nhà dân đưa ra, ông bảo Tử Du:

— Giết gà đâu cần dùng đến dao mổ trâu.

Tử Du đáp:

— Trước con nghe thầy dạy: «Người quân tử học đạo thì yêu người, kẻ tiểu nhân học đạo thì dễ khiến».

Quân tử ở đây rõ hạng cầm

quyền, tiểu nhân trở người dân. Ý Tử Du muốn nói, nước lớn hay ấp nhỏ thì cũng phải dạy cho dân học lễ nhạc.

Không Tử nhận là đúng, quay lại nói với các môn sinh:

— Nay các con, lời anh Yền (Tử Du) đúng đấy. Lời ta nói trước là đùa đấy thôi. (Dương-Hóa — 4)

Trong số các môn đệ, Trọng Cung (tên là Ung) không vào hàng xuất sắc nhất, nhưng riêng được ông khen là có đức độ một ông vua (*Ung dã, khả sư nam diện* — Ung-dã — 1). Trọng Cung nói được một câu ông rất khen: «Tự mình ăn ở thì cung kính, mà trị dân thì thi hành những phép giản tiện — «*cư kính, hành giản*» — như vậy mới là phải chăng? Còn như tự mình cư xử lại xuề xòa, trị dân cũng xuề xòa thì chẳng là quá xuề xòa ư?» Bốn chữ «*cư kính hành giản*» thành bất hủ, tóm tắt được phép cư xử của nhà cầm quyền theo quan niệm nhà Nho.

Nhưng có một môn sinh trẻ ông ít trò chuyện, hình như không nhận định đúng giá trị, không ngờ rằng sau này truyền được đạo của ông. Môn sinh đó là Tăng Sâm (con của Tăng Tích tôi đã có dịp nhắc ở trên), rất có hiếu, khiêm tốn, đôn hậu, ít nói, mà ông chê là «*lỗ*» (Tiên-tiến — 17) tức chậm chạp, gần như ngu đần. Tôi cho rằng, khi ông chỉ nói «*Ngô đạo nhất dĩ quán chi*». (Đạo ta chỉ có một lẽ mà quán thông tất cả), mà Tăng Sâm nhiều được lẽ đó là lẽ trung thứ, (Lí-nhân — 15 — *Phụ tử chi đạo*,

trung thứ nhì dĩ hĩ) thì quả là một đệ tử xuất sắc, hiểu thấu được tư tưởng của thầy, vượt cả Tử Lộ, Tử Cống, chưa chắc Nhan Hồi đã hơn được.

Trong Luận-ngữ có khoảng mười bài chép lời Tăng Sâm, bài nào cũng tỏ ông là một hiền triết, như bài Học-nhi — 4: Mỗi ngày tôi tự xét ba điều này: giúp ai có hết lòng không, giao du với bạn có giữ được đức tin không, có học tập điều thầy dạy cho không; hoặc như bài Nhan Uyên — 23: Người quân tử nhờ văn chương học vấn mà hội họp bạn bè và nhờ bạn bè mà tiến lên đức nhân.

Không Tử yêu quý một số môn sinh, tới cái mức một người tên là Công Dã Tràng, mặc dầu bị bắt giam, mà ông cũng đem con gái gả cho, vì ông biết rằng bị bắt oan (Công Dã Tràng — 1).

Ông lại đem con gái người anh gả cho một môn sinh khác, Nam Dung, vì ông thấy Nam Dung đọc đi đọc lại bài thơ Bạch-khue trong kinh Thi (*) biết Nam Dung thận trọng về ngôn hạnh, (Tiên-tiến — 5), biết giữ mình dù nước yên trị hay loạn lạc (Công Dã Tràng — 1).

Và khi Nhiễm Canh tự là Bá Ngưu mắc một bệnh nan y (tiên nho cho là bệnh cùi), ông đứng ngoài cửa sổ, cầm tay Bá Ngưu mà than:

— Con khó sống được, chẳng qua là số mạng. Ôi! con người như vậy mà phải mang cái bệnh như

vậy! Con người người như vật mà phải mang cái bệnh như vậy! (Ung dã — 8).

Tóm lại ông tận tâm săn sóc từng môn sinh một, tùy khả năng từng người mà dìu dắt, khuyến khích, lúc nào cần thì rất nghiêm, bình thường thì hòa nhã, vui tính, chuyện trò với họ, không chút cách biệt, chấp nhận được lời trách của họ nữa — điều này ít ai kịp được ông — và yêu một số môn sinh hơn cả con ông. Cho nên họ tuy kính ông, sợ ông mà không tới nỗi nhút nhát, có điều gì thắc mắc thì tự nhiên, thẳng thắn hỏi, và ông thẳng thắn trả lời một cách cũng rất tự nhiên, khiến đôi khi tư tưởng của ông có vẻ như mâu thuẫn.

Lớp học của ông đúng là lớp học của một triết nhân: thầy trò cùng bàn luận với nhau để tìm đạo chứ không phải lớp học của một triết gia đem thuyết của mình ra mà bênh vực, đề đả thuyết của người khác, như lớp học của Mặc Tử chẳng hạn.

Tôi thích tưởng tượng ông ngồi ở dưới hiên một buổi chiều đẹp gây từng tưng cây đàn cầm hay cây đàn sắt, có khi cao hứng hát lên một điệu nữa, còn Nhan Hồi, Tử Lộ, Tử Cống, Mẫn Tử Khiên... thì ngồi mỗi người một nơi, chăm chăm nhìn nét mặt ông, lắng tai nghe mà mỉm cười.

Hoặc khi thầy trò lang thang ở

(*) Đại ý của bài thơ đó: Chỗ tí vết của viên ngọc Khuê trắng có thể mài mà bỏ đi được, chứ chỗ xấu xa trong lời nói thì không sao sửa lại được. Cũng như câu: Nhất ngôn ki xuất, tứ mã nan truy.

Trần, ở Thái, ngồi nghỉ trên một bờ suối, dưới bóng mát, môn sinh kẻ đi nấu ăn, người đi giặt áo cho ông, ăn xong rồi người ngâm thơ, người gảy đàn, rồi thỉnh lịnh ông bảo họ :

— Các con kẻ ý chí của mình cho thầy nghe nào.

Tử Lộ thì mong có xe đề đi, có ngựa đề cưỡi, có áo lông cừu mịn đề mặc, và chia xẻ cho bạn. Nhan Uyên khiêm tốn, chỉ mong không khoe khoang những điều thiện của mình (Công Dã Tràng — 25), Tử Cống thì mong buôn bán để làm giàu, Tử Du mong cai trị một ấp nhỏ mà thực hiện được đạo của thầy. Họ đáp xong rồi, Tử Lộ hỏi lại ông :

— Chúng con xin được nghe chỉ nguyện của thầy.

Ông đáp :

— Thầy muốn cho người già cả được an vui, bạn bè tin nhau, còn bọn trẻ được nuôi nấng dạy dỗ. (*) (Công Dã Tràng — 25)

Nghĩa là ông mong xã hội bình trị, mọi người đủ ăn, thân ái với nhau, trẻ con được âu yếm. Thật là bình dị, mà tới nay, non hai ngàn rưỡi năm rồi, vẫn chưa ai thực hiện được. Có sống vào thời này, thấy những ông già bảy chục tuổi phải làm chạt vật để cưu mang con cháu làm quân nhân hay công chức, thấy những đứa trẻ « bụi đời » lang thang ở vỉa hè Saigon vì không nơi nương tựa, còn người lớn thì chia rẽ, chém giết nhau vì đồng tiền, vợ chồng cũng không tin nhau được, chúng ta mới

cảm thấy tất cả sự thâm thúy của lời Khổng Tử.

* * *

Tinh tình, tư cách, tư tưởng của ông như vậy cho nên môn đệ ngưỡng mộ ông vô cùng. Ở trên tôi đã dẫn lời của Nhan Hồi tán phục ông. Dưới đây tôi xin dẫn thêm mấy lời của Tử Cống nữa.

Tử Cống làm quan ở nước Lỗ, nước Vệ, khéo kinh doanh, lại có tài biện thuyết, cho nên được Thúc tôn Võ Thúc, một đại phu nước Lỗ khen là tài giỏi, hiền đức hơn Khổng Tử. Có người kể lại lời đó cho Tử Cống hay, Tử Cống bảo :

— Thúc tôn Võ Thúc nói bậy. Lấy vách tường cung thất ra làm thí dụ. Bức tường của tôi chỉ cao tới vai người, nên đứng ngoài tường trông vào người ta có thể thấy đồ vật tốt đẹp ở bên trong ; còn vách tường của thầy tôi cao mấy nhẫn (**), nếu không được vào, chỉ đứng ngoài tường thì không thấy được những đồ hoa mỹ trong tôn miếu, những đồ trang sức của bá quan. (Tử Trương — 23).

Lần khác cũng Võ Thúc chê Khổng Tử, Tử Cống đáp :

— Không ai có thể hủy báng được thầy tôi. Đức của người khác chỉ như cái gò, cái nòng ; đức của thầy

(*) Có sách giảng là : người già được yên lòng vì ta, bạn bè tin ở ta, trẻ được an ủi ở ta.

(**) Mỗi nhẫn là tám thước thời đó.

tôi cao xa như mặt trời, mặt trăng, không ai vượt qua được. (Tử Trương — 24).

Một người nữa, Trần Tử Cầm (có sách nói là môn đệ Khổng Tử, có sách nói là môn đệ Tử Công, nhưng không dẫn chứng) cũng phục Tử Cống lắm cho rằng Khổng Tử không hơn gì Tử Cống. Tử Cống mắng liền :

— Người quân tử nói một lời được người ta khen là khôn, nói một lời bị người ta chê là ngu, cho nên lời nói không thể không thận trọng.

Thầy chúng ta không ai có thể theo kịp, cũng như trời, không ai bắc thang mà lên tới được. (Tử Trương — 25)

Trong lịch sử nhân loại, tôi không thấy một nhà giáo nào được học trò ca tụng như Khổng Tử. Mà cũng không có nhà giáo nào được học trò thương tiếc như ông (1).

NGUYỄN HIỂN LÊ

(1) L.T.S. Trích trong cuốn « Nhà giáo họ Không » của Nguyễn Hiến Lê, do nhà xuất bản Cáo Thơm sắp phát hành.



Dư-âm cuộc chiến Việt-nam và tương-lai ngành Y-khoa phục-hồi

Người lính đã được cứu sống. Như một phép lạ. Bởi khi khiêng Anh ở rừng ra, đặt vào băng-ca đưa lên trực thăng tản thương về bệnh viện, không ai nghĩ là Anh có thể thoát chết.

Với những phương pháp cấp cứu hồi sinh tối tân của y khoa hiện đại, với đôi bàn tay khéo léo của người y sĩ giải phẫu, sự sống của anh đã được giành lại khỏi lưỡi hái thần chết. Anh đã bị thương quá nặng, vết mổ cùng khắp : đầu, ngực, bụng và tứ chi. Và người ta chỉ còn có thể giữ lại cho anh có một chân và một cánh tay « trái ». Chỉ một thời gian ngắn nằm ở khu hậu giải phẫu, với trụ sinh, dần dà các vết thương sẽ lành. Anh đã sống : điều đó chắc chắn. Tin đó đủ làm vợ con và chiến hữu anh vui mừng, y sĩ mổ cho anh kiêu hãnh. Nhưng lại có những vấn đề khác nảy sinh ra sau đó : anh ta sẽ sống phần còn lại của đời mình như thế nào ? Với những thương tật và mức độ tàn phá như thế. Từ một con người mạnh mẽ, kiêu hãnh và độc lập, bỗng chốc anh như một đứa trẻ — tệ hơn thế nữa, anh sống với từng chút bấu víu, ký sinh và lây lất. Điều này khiến anh bị quan và chán nản, mặc cảm vô dụng và bị bỏ rơi khiến anh bức bối. Anh đâm ra thù hận người đã cứu sống anh — lẽ ra anh phải mang ơn, bất bình vô lý với cả những người

thân chung quanh. Tính khí anh trở nên bất thường, hoặc mồi mết chán chường, hoặc ồn ào nổi loạn phản kháng. Rồi thức tỉnh trở lại với chính mình, anh tự thấy sự sống như vậy còn tệ hại hơn cả chết. Ý nghĩa cái chết không còn là một chọn lựa, mà trở thành một ám ảnh thường trực, không thể tránh. Rồi có lúc anh cho đó như một lối nhẹ nhàng giải thoát...

Trường hợp của anh là một điển hình của muôn ngàn những hoàn cảnh, ở các mức độ nặng nhẹ khác nhau đang diễn ra ngày đêm ở Việt nam.

Bây giờ cứ tạm đặt ra ngoài khía cạnh chánh trị và xã hội mà chỉ giới hạn vấn đề trong lãnh vực Y khoa, thì người ta cũng đã thấy rằng « sự sống » và cả « cái chết », của người lính kia vẫn nằm trong phạm vi trách nhiệm của y sĩ.

Đã tới lúc có sự thay đổi về quan niệm cho rằng bổn phận của y sĩ chấm dứt sau khi đã thành công trong công việc cứu sống bệnh nhân.

Cuộc giải phẫu hoàn tất, người lính được đưa ra từ phòng mổ. Anh đúng là một người mới « trở về từ cõi chết » với đủ mọi thương tật về thể chất cũng như tâm lý. Sự sống của anh bây giờ quả đặt ra nhiều vấn đề mới cho y sĩ. Đó là làm thế nào để giúp anh sớm rời khỏi giường bệnh, có thể trở lại đời sống

xã hội với khả năng hữu dụng.

Bởi đối tượng của Y khoa tiến bộ hiện giờ không phải chỉ là một cố gắng « Cộng thêm năm tháng kéo dài cho đời người mà còn là một nỗ lực đem lại sự sống sinh động cho năm tháng » (Not only to add years to life, but also to add life to years) (1)

« Đem lại sự sống cho năm tháng » đó chính châm ngôn và cũng là mục đích của ngành « Y khoa phục hồi ». Một lãnh vực tương đối mới mẻ và càng trở nên quan trọng trong đời sống y khoa. Tại các nước tân tiến, nó đang có khuynh hướng trở thành một ngành chuyên biệt như các bộ môn chuyên khoa khác.

Vậy một định nghĩa rộng rãi của « Y-khoa phục hồi » là gì ? (2)

Đó là một nỗ lực sáng tạo, giúp cho những bệnh nhân thuộc đủ loại thương tật, tận dụng được những khả năng còn lại (về thể chất, tinh thần, kinh tế và xã hội) để tự giúp mình trở thành hữu dụng, gia nhập trở lại sinh hoạt cộng đồng xã hội, có lao động và sản xuất, sống hạnh phúc và có lại những cơ hội tiến bộ đồng đều với mọi người khác.

Phục hồi một người bệnh, quan niệm này thật ra không có vẻ gì là mới mẻ trên lý thuyết nhưng đó lại chính là một ngành y khoa rất trẻ trung, đang phát triển phong phú và mạnh mẽ tại các trung tâm y khoa tối tân và hợp tác hữu hiệu với các khu chuyên khoa khác (nội khoa, nhi

khoa, thần kinh, giải phẫu thần kinh chỉnh trực, bổ hình...)

Bởi y học dù tiến bộ nhưng chẳng phải là vạn năng. Khi mà y khoa chưa tìm được cách chữa trị thành công dứt khoát với nhiều căn bệnh (xuất huyết óc, nghẽn mạch tim, các chứng phong thấp, tê bại kinh niên...) thì người ta vẫn phải tìm đến với những công thức của vật lý trị liệu và y khoa phục hồi, giúp cho người bệnh biết sống tạm đủ trong giới hạn thương tật của họ cùng tận dụng tối đa những tiềm lực còn lại.

Chẳng hạn với trường hợp bị nghẽn mạch tim, các chuyên viên y khoa phục hồi của Đại học Minnesota đã nghiên cứu cách để bệnh nhân có thể ngồi dậy và tìm ra một số công việc hoạt động nhẹ thích nghi cho loại người này. Với các bệnh nhân bán thân bất toại tại Mayo clinic, họ được các điều dưỡng viên phục hồi tập luyện cho cách làm thế nào để có thể tự mình ra khỏi giường bệnh và tự bước xuống xe tay.

Nói tới « phục hồi người bệnh » là nói tới công việc của cả một « nhóm ». Lấy ví dụ điển hình về lối làm việc theo « teamwork » này tại bệnh viện Letterman, đối với trường hợp một bé gái V.N. 8 tuổi, bị tê liệt từ năm

(1) Krusen F.H, Concepts in Rehabilitation of the Handicapped, WB SAUNDERS Co, 1964.

(2) Rehabilitation: Latin, HABIL: khả năng, có khả năng trở lại.

đầu tiên mới sinh. Sống trong 1 gia đình đông con và nghèo, cha mẹ em quan niệm rằng chẳng thể làm gì hơn được, nên trong suốt 8 năm không ai làm gì cho bé Lan, kể cả những chăm sóc đồng đều như những trẻ khác. Em bị lạc lỏng bỏ rơi giữa một gia đình đông đảo 8 anh em. Chẳng may cách đây một năm Ba em lại bị tử trận trong cuộc hành quân Hạ Lào: bé Lan được đem cho một người chị của ba em và theo gia đình mới này sang Hoa kỳ. Do ý kiến nhiều người, tại đây em được gửi tới khu N-1 khoa Letterman với một tình trạng thật bi quan, hoàn toàn tê liệt, cử động chỉ có thể là lăn và bò, trông em nhỏ hơn một đứa trẻ 4 tuổi — tệ hơn nữa — không cả răng tóc và gần như câm lẳng...

Em là một trường hợp bệnh lý quá hiếm hoi và được đem ra trình bày trước các y sĩ thuộc các ngành chuyên khoa. Thảo luận, cân nhắc, gần như ai cũng đồng ý là tình trạng hiện thời của em là hậu quả của sự bỏ phí 8 năm, trong khi thực ra ở chính em còn nhiều dấu hiệu của «tiềm năng phục hồi». Với sự hợp tác của y sĩ các ngành mà vai trò chính là y sĩ chuyên khoa phục hồi (1), một chương trình trị liệu nhiều giai đoạn được thiết lập sau đó. Đại cương: em sẽ được tăng tiến sức khỏe tổng quát bằng một thay đổi chế độ dinh dưỡng thích nghi (Nhi khoa). Vì em có thêm bệnh ở xương hàm, em sẽ phải qua một cuộc giải phẫu răng miệng (Nha khoa). Tình trạng câm lẳng của em được trải nghiệm nhiều lần (thần

kinh tâm lý, chuyên viên ngôn ngữ). Nhưng giai đoạn chính của em vẫn là ở khu Y khoa phục hồi. Tại đây, một lần nữa trường hợp em lại được đưa ra thảo luận đặc biệt giữa y sĩ và toán chuyên viên phục hồi. Mỗi người được phân phối trách nhiệm và một thời khóa biểu huấn luyện chi tiết từng tuần được dành cho em...

Không phải là không có những khó khăn nhưng rồi với thời gian kiên nhẫn, cuộc đời bé Lan đã bước vào một khúc quanh mới: răng em dần mọc trở lại, tóc em bắt đầu xanh, em đã bập bẹ nói được, tay đã có thể cầm nắm đồ chơi, và bằng đôi giày chỉnh tặc đặc biệt, với những bập bẹ còn lại được tập luyện, em đã có thể đứng trở lại trên hai chân và tập tễnh bước đi nặng... Đầu năm tới, em sẽ được gửi tới trường học. Người dưỡng mẫu đã kiêu hãnh phát biểu về tương lai em như thế. Phải chứng kiến những giai đoạn luyện tập, ở bệnh viện cũng như tại gia đình, mới thấy rằng nếu chỉ có mình người y-sĩ, mọi sự sẽ bị giới hạn và chẳng thể làm gì được nhiều. Đó là thành quả của cả một «ê-kíp» chuyên viên.

Một nhận xét thứ hai từ trường hợp bé Lan là đã có sự tiến bộ trong nội dung hai chữ «phục hồi» theo thời gian năm tháng. Bởi «trước kia, quan niệm chỉ giới hạn trong việc phục hồi chức năng riêng

(1) Physiatrist: y sĩ sử dụng phương pháp vật lý trị liệu. Thực ra vai trò y sĩ phục hồi còn đa hiệu và phong phú hơn thế nữa.

lẽ của mỗi bộ phận bệnh hoạn hay thương tật, nhưng rồi kinh nghiệm cho thấy, không phải chỉ có từng phần mà là toàn thể con người bị tác động, thể chất sinh lý cũng như tâm lý xã hội... » (1)

Kinh nghiệm này càng rõ ràng hơn khi chính « y sĩ là con bệnh » (2) họ thấy thấm tía hơn ai hết rằng đó là một sụp đổ toàn thể, khi mà chính con người của họ phải đương đầu với một căn bệnh hay thương tật hiểm nghèo. Rằng không phải chỉ có « chứng bệnh » mà là « con người bệnh » cần tới một chăm sóc chu đáo và « phục hồi toàn thể ». « Not specific disease approach, but the whole-man approach. »

Bây giờ trở lại với trường hợp người lính « về từ cõi chết kia ». Đề có thể tái nhập đời sống, anh đúng là một con cá vượt vũ môn. Ra khỏi phòng mổ anh mới chỉ qua được ghềnh thác thứ nhất. Kể từ những ngày đầu tiên được đưa về nằm ở khu « Hậu giải phẫu », anh đã là đối tượng săn sóc chính của y sĩ chuyên khoa phục hồi.

Trước tiên sẽ có một đánh giá sơ khởi trên toàn thể về mức độ thương tật của anh (cả thể chất, tâm lý). Đó sẽ là một ước định khá chính xác về tiềm năng phục hồi (rehabilitation potential) để rồi theo đấy có thể phác họa một chương trình phục hồi cho anh như sau :

— Đầu tiên, sẽ rũ bỏ cho anh những tuyệt vọng chán nản, tạo một

không khí lạc quan và tin cậy xung quanh (y sĩ điều trị, cán bộ xã hội ..)

— Giải tỏa mặc cảm bằng cách giúp anh giảm dần sự lệ thuộc trong những nhu cầu sinh lý hàng ngày : ăn uống, tắm rửa, vệ sinh (cán bộ điều dưỡng).

— Duy trì sức mạnh các bộ phận còn lại, tăng tiến và phục hồi các cơ năng thương tật (các khớp, thần kinh và bắp thịt) bằng những luyện tập sơ khởi (cán bộ phục hồi).

— Cùng với những bước thăng tiến về thể chất, trác nghiệm khả năng để dần dà đưa anh vào một chương trình sinh hoạt trở lại thích nghi với tình trạng mới (cán bộ phục hồi và huấn nghệ).

Vấn tất thì như vậy, nhưng đó là cả một nỗ lực sáng tạo công phu luôn luôn đòi hỏi sự linh động và thay đổi để sẵn sàng đáp ứng với những biến chuyển mới. Chính người y sĩ chuyên khoa phục hồi phải tiên liệu và giải quyết mỗi khó khăn đưa tới, bất cứ là bên ngoài hay từ ngay trung tâm. Chẳng hạn, vừa trải qua một trận đánh quá kinh hoàng khiến tinh thần anh lính bị khủng hoảng, phải có một y sĩ thần kinh tâm lý giúp anh vượt qua căn nguyên « thần kinh chiến trận » này. Những vết thương làm anh suy yếu, bệnh sốt rét rừng kinh niên lại tái phát hành hạ khiến lá lách anh bị

(1) Britannica book of the year (1946)

(2) When Doctors are patients (Pinner and Miller N.Y. 1952).

xung, người y sĩ nội khoa lại được gọi đến. Tới giai đoạn sắp có thể rời cấp nặng thì máu chân còn lại của anh luôn luôn đau nhức, không thể chịu được chiếc cẳng chân giả: anh được giữ lại phòng mổ để trải qua một cuộc giải phẫu chỉnh trực... Chưa kể bao nhiêu những trở ngại hàng ngày tại khu phục hồi, chẳng hạn anh có thể trở nên bất hợp tác và chống đối với cán bộ và chương trình luyện tập vì yếu đuối và thiếu kiên nhẫn: bằng mọi cách y sĩ và toán chuyên viên phải đem lại cho anh sự kiên nhẫn ấy. Và tới bao giờ thì nhiệm vụ phục hồi được coi như chấm dứt? Có thể đó là lúc mà anh đã đi lại được vững vàng trên hai chân, cánh tay «trái» của anh được huấn luyện xử dụng khéo léo, vốn là một thợ sửa xe hơi lành nghề, tình trạng anh không còn thích nghi với nghề này nhưng bù lại khi trắc nghiệm, chuyên viên huấn nghệ thấy anh có khiếu về mỹ thuật, hội họa, anh có hoa tay viết chữ đẹp, dù là tay «trái», anh được giới thiệu vào làm ở một hãng vẽ quang cáo... Anh trở lại mái gia đình vợ con với tự tin, anh bước vào cộng đồng xã hội với khả năng hữu dụng và niềm kiêu hãnh. Ngày tháng cuộc đời anh lại trở nên có ý nghĩa và tương lai lại mở ra trước mắt anh như một vận hội mới.

Bây giờ mới đích thật Y-khoa đã cứu sống anh. «Sự sống» với đầy đủ tất cả ý nghĩa của danh từ. Chỉ lúc đó «dưới mắt quần chúng, y sĩ không còn là thuần túy một nhà khoa học,

xem con bệnh như một đơn vị sinh vật khách quan, mà là một cái nhìn nhân bản» (1) và «Y-khoa đã trở thành một khoa học xã hội» (2).

Trở lại hoàn cảnh của Việt-nam, cũng với quan niệm về một nền Y khoa tiến bộ nói trên, đặc biệt là ngành «Y khoa phục hồi», chỗ đứng của nó ra sao trong hiện tại và đâu là những dự phóng tương lai để đương đầu với «dư âm» của cuộc chiến?

Ở một quốc gia không chiến tranh, đối tượng của những trung tâm phục hồi tối tân là những bệnh nhân thương tật vì tai nạn hay bệnh hoạn. Mặc dù con số này không nhỏ ở Việt nam nhưng chúng ta cũng tạm xếp ra ngoài phạm vi bài viết. Nếu chỉ kể tới số những «chiến nạn» không thôi, do ảnh hưởng trực tiếp của các trận đánh khốc liệt diễn ra hàng ngày — dù chưa có một thống kê đích xác, nhưng chắc chắn là khủng khiếp. Không phải là quá đáng nếu cứ cho một tỉ lệ là 3 chiến thương trên 1 tử thương (tỉ lệ 3/1 này chắc chắn vẫn làm nhán mặt các y sĩ tiền tuyến), chỉ việc nhân ba con số tử vong trên báo chí (!) Chúng ta không thể ngờ rằng đã có một tỉ lệ tạt nguyên — mà đa số là tuổi trẻ, thanh niên — cao đến thế so với toàn thể dân số.

Sau khi «giã từ vũ khí», rời khỏi

(1) Youmans J. B, Medical World News 1964

(2) Allen, R. B, Medical education and the changing order, N.Y, the Commonwealth, Fund, 1946

bệnh viện, ngoài số tiền hưởng trợ cấp theo mức độ tàn phế mỗi tháng, những người này hiện đang sống ra sao? Liệu có bao nhiêu người được cứu sống và phục hồi thành công như người lính may mắn kể trên?

Chắc chắn là rất ít. Câu trả lời nằm ngay trong sự chênh lệch quá lớn giữa «cung» và «cầu» của thực tế. Mặc dầu trên hình thức chúng ta đã có phòng vật lý trị liệu ở các bệnh viện lớn, trung tâm hồi lực ở các quân y viện và cao hơn nữa là các bệnh viện tê liệt, viện quốc gia phục hồi... Nhưng với nhân sự và phương tiện hiện hữu, đó không phải là một «đáp số» cho nhu cầu «phục hồi» lớn lao hiện tại. Và hậu quả như ta đã thấy, họ vẫn phải sống «bên lề» xã hội và là nguồn bất an thường trực cho đời sống cộng đồng. Như vậy sẽ không còn là khó hiểu để phải hỏi tại sao có những trường hợp chống đối liều mạng của một số bệnh nhân trong bệnh viện tê liệt, hay rộng lớn hơn là cả một «hiện tượng vùng dậy» của đông đảo anh em thương phế binh gần đây. Dĩ nhiên có thể giải thích những hiện tượng đó bằng những hoàn cảnh kinh tế và xã hội phức tạp nhưng rồi cũng phải kể đến trách nhiệm thiếu sót của ngành «Y-khoa phục hồi» trong tình cảnh bị tràn ngập như hiện tại.

Trải qua bao nhiêu những biến chuyển lớn lao, nền Y-tế Việt-nam đã tỏ ra có khả năng đáp ứng được những nhu cầu cấp thời của chiến

trường, nhưng đồng thời cũng để lại những vấn đề dài hạn cần giải quyết: việc phục hồi hữu hiệu cho hàng triệu người thương tật — đa số còn trẻ tuổi trên toàn quốc. Thực ra đây phải là một công trình qui mô của quốc gia, chiếm một chương quan trọng trong kế hoạch phát triển kinh tế hậu chiến, đòi hỏi sự giúp sức và đóng góp của nhiều Bộ, nhiều ngành công cộng cũng như dân chính — mà riêng Y-khoa là bộ môn có trách nhiệm điều hành trực tiếp về nhân sự kỹ thuật chuyên môn. Nó phải được đặt vào mức độ ưu tiên một vi quan niệm nhân bản và tính cách xã hội. «Đó cũng là một công cuộc đầu tư có giá trị lớn lao nhất: Sự duy trì và bảo toàn nguồn nhân lực» (1).

Thử nhìn vào một nước giàu có như Hoa-kỳ, không có chiến tranh trên lãnh thổ, với sẵn nhiều Trung tâm phục hồi tối tân, tất cả chỉ để cung ứng nhu cầu phục hồi cho các bệnh nhân và thương nạn (tai nạn lửa thông, thể thao...) Vậy mà họ vẫn than phiền điều mà Krusen gọi là «Rehabilitation Gap», đó là sự thiếu thốn về nhân sự: Y-sĩ và chuyên viên phục hồi có khả năng, thiếu phương tiện trang bị và tài chánh... (2) Đó là thực trạng chứ không phải điều hài hước.

Dĩ nhiên, trong hoàn cảnh của Việt-nam, chúng ta không thể, và cũng

(1) Bernard Baruch.

(2) Krusen FH. Concepts in R. of the Handicapped, WB Saunders 64.

không cần đòi hỏi những phương tiện quá đáng như một « xa xỉ » về nhân sự cũng như về trang bị, rằng phải có những toán chuyên viên bao nhiêu người để săn sóc một bệnh nhân.

Nhưng bằng những « phương-thức-ngheò » chúng ta vẫn có thể thiết lập và phát triển thêm những Trung tâm phục hồi, hoạt động được hữu hiệu với những trang bị dụng cụ thiết yếu, với y sĩ và toán chuyên viên có lương tâm và khả năng.

Tuy gọi là « phương-thức-ngheò » nhưng không phải là không đòi hỏi một nguồn tài chánh phong phú dài hạn khi kế hoạch được áp dụng trên một qui mô quốc gia.

Đề cập tới vấn đề tài chánh, người viết không thể không nghĩ tới việc sử dụng một số tiền khổng lồ do những đóng góp của người lính, Quĩ Tiết kiệm quân đội. Phải chi một phần số tiền này được đầu tư vào công tác phục hồi cho hàng triệu người lính hữu công tàn phế, chứ không phải để mở thêm những ngân hàng hay đổ dốc vào những công ty

quốc doanh.

Có nguồn tài chánh rồi, vấn đề nhân sự sẽ được giải quyết bằng một kế hoạch huấn luyện đặc biệt và sự phối trí hợp lý các chuyên viên.

Đến lúc đó, nền Y khoa Việt nam lại tiến thêm một chặng đường dài, mà trong đó vai trò đa hiệu của người y sĩ phục hồi là có khả năng gây cảm hứng và niềm tin cho những người tàn phế, giúp cho họ thấy rằng « với kiên nhẫn và can đảm, họ vẫn có thể biến những sở đoản của tật nguyên trở thành sở trường ở lãnh vực khác ».

Đó chính là giai đoạn thứ ba trong quá trình liên tục săn sóc người bệnh của Y khoa — sau Y khoa phòng ngừa và Y khoa điều trị. Và « Y khoa phục hồi, sẽ trở thành một nhịp cầu chấm dứt sự chia lìa giữa giới hạn của khả năng và vô dụng, giữa niềm tin và thất vọng, giữa sầu thảm và hạnh phúc. »

NGÔ-THẾ-VINH

San Francisco 9/72

Đã phát hành trên toàn quốc :

ĐƯỜNG THI

của Trường Xuân PHẠM LIỄU

Tựa của BỬU CẦM Giáo sư các trường Đại học Văn khoa Saigon và Huế.

Một quyển sách đẹp, từ nội dung đến hình thức, không thể nào thiếu trong mọi tủ sách gia đình. Giá 400đ.

do nhà xuất bản Lá Bối

lô O 121 — Chung cư Minh Mạng — Saigon — Tổng phát hành

THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

THUỐC THƠM BẠC HẠ (Menthol)



BẦU LỘC BIỂU DÃI
Thượng hảo hạng

Thông mũi - mát cổ - thơm dịu



TẮC - KÈ

Tắc-kè — miền Trung và miền Nam gọi là cắc-kè — là một dược-liệu động-vật quý báu của y-lý cổ-truyền, mà giá trị xuất khẩu có thể rất lớn (vì dân Trung-hoa rất ham chuộng tắc-kè Việt-nam) và là một phẩm-vật địa-phương phổ-thông của nước ta.

Trước kháng chiến, ở Hà-nội và Đáp-cầu có những gia đình Trung-hoa chỉ chuyên mưu sinh bằng «nghề» thu mua tắc-kè để xuất cảng hoặc ngâm rượu bán lại cho đồng bào ta. Số lượng tắc-kè tiêu thụ hằng năm chắc phải rất lớn, nhưng không thấy có tài liệu thống kê. Thị-trường tiêu-thụ chính của tắc-kè Việt-nam trong quá khứ là Hương-cảng và mỗi năm ta xuất cảng sang Cảng-Thơm vài trăm ngàn tắc-kè chứ không ít. Từ Hương-cảng, số lượng tắc-kè không lồ này lại bán đi các nơi khác, mà số lớn là bán cho lục địa Trung-hoa. Ngoài ra, cũng phải kể đến một số lượng không nhỏ tắc-kè tiêu thụ trong nước và xuất cảng đi những nơi khác, không phải Hồng-Kông.

Các tỉnh miền Thượng-du Bắc-Việt (Tuyên-quang, Thái-nguyên, Bắc-cạn, Lào-cai, Lạng-sơn) có lẽ là những vùng sản-xuất tắc-kè nhiều nhất Việt-nam. Ở miền Trung, các quận miền bắc Quảng trị (Vĩnh-linh, Gio-linh) cũng là quê hương yêu dấu của tắc-kè. Đối với các tỉnh miền

Nam, người viết không rõ vùng nào có nhiều.

Bắt tắc-kè

Bắt tắc-kè là một thú vui vừa hồn nhiên vừa sinh lợi của thiếu-nhi những vùng có nhiều giống bò sát này, trong đó có quê-hương của người viết.

Con tắc-kè trông giống như con mối vách, hay thạch sùng, nhưng to và dài hơn. Có người lầm lẫn tắc-kè với thằn lằn, rắn mối, nhưng giống sau này da và vảy láng bóng, màu xanh lá cây sẫm, hơi nâu. Chiều dài tắc-kè, đo từ đầu đến tận đuôi vào khoảng từ 15 đến 25 cm, bề ngang thân mình đo được 2, 3 cm. Nếu bắt tắc-kè dạng chân để đo bề ngang thì có thể đạt được 5, 7 cm. Da tắc-kè sần sùi, xù xì, xò xáp, nhám, có rất nhiều vảy nhỏ óng ánh màu xanh hay vàng, đuôi nhỏ, cứng, trông bên ngoài có vẻ như, gồm rất nhiều đốt nhỏ kết-hợp lại mà thành. Đuôi luôn luôn dài hơn thân. Dọc sống lưng có bờm nhỏ.

Giang-sơn của tắc-kè thường là những rặng núi đá, những khoảnh đất khô-cằn, những hốc đá, những hốc cây to. Ban đêm thường hay mò ra khỏi chỗ trú-àn, kiếm ăn bằng cách bắt muỗi. Về mùa hè, tháng 6, tháng 7, tắc-kè thường hay kêu : tiếng kêu ngắn, gọn, sắc, rất đặc-biệt, nghe như tạo thành hai âm tắc, kè,

tắc, kè, do đó thành tên. Tài-liệu Trung-hoa cho rằng tiếng kêu con đực tạo thành âm-thanh « cáp », và khi nghe chàng đánh tiếng, nàng tắc-kè dịu-dàng, uyển-chuyển, khoan-thai hòa tiếng tơ lòng, nghe ra như âm-thanh « giới », nên tên Trung-quốc của tắc-kè là cáp-giới. Trong thực-tế, tắc-kè là tiếng kêu của một con, tắc xong rồi kè, có khi khoan, có khi nhặt, chứng tỏ dường như « dương-sự » cũng có khả-năng thâm âm khá cao, không muốn kẻ nghe mình thưởng-thức mãi một âm đậm chán. Nhất là trẻ con quê tôi, nghe tắc kè kêu là thấy mê.

Vì tiếng kêu của tắc-kè là một trong trăm ngàn âm thanh thân yêu của mùa hè, mùa hè của lứa tuổi học-trò, mùa hè với hoa phượng, với trời xanh, với đồng quê, với mây ngàn gió nội.. Cho nên tiếng tắc-kè luôn luôn quyến-rũ chúng tôi, nhất là khi chúng tôi phải sống xa gia-đình, xa làng xóm đẳng-đẳng tám, chín tháng và chỉ đợi-chờ đón « mùa xuân trong mùa hạ » để trở về với làng mạc thân yêu, trải qua « chín mươi ngày nhảy nhót ở đồng quê ». Khi hết mùa hè, tiếng kêu tắc-kè cũng im bật, con vật chui sâu vào trong hang hốc và không hòa âm cùng vũ-trụ nữa.

Công việc bắt tắc-kè thường là công việc của đàn-bà, người già và nhất là trẻ mục đồng. Đây là những tay thợ săn tắc-kè chuyên-nghiep. Họ trang bị rất giản-dị : một vại cần câu và một cái giỏ (tiếng địa-phương gọi là oi). Riêng đối với học-sinh nghỉ

hè thì chỉ cần một cái que dài. Tuy đi săn tài-tử nhưng số tắc-kè bắt được nhiều khi cũng khá bộn.

Cần câu câu tắc-kè dài khoảng một mét, đường kính chỉ bằng một nửa hay một phần tư chiếc đũa tre, thông thường chuốt bằng tre cật cho dễ uốn, không sợ gãy. Có người cần-thận còn hơ qua vào lửa hay gác trên giàn bếp hong khói cho thêm bền. Vắn-minh hơn thì người ta làm cần câu bằng một sợi dây thép cỡ hơi lớn. Ở một đầu cần câu có thể là một lưỡi câu hay dẫn dẹt hơn, chỉ buộc một mớ tóc rối hoặc một sợi móc. Thợ săn luôn luôn điều-nghiên cần-thận, biết rõ những chỗ nào tắc-kè thường trú-ẩn, lui tới rồi tìm các hang hốc và chọc sâu những cần câu vào. Tắc-kè sẽ ngoạm lấy và chỉ việc kéo ra. Có hang bắt được tới mười con hay hơn. Mỗi lần một chú bị kéo ra là có tiếng hoan-hô vang dội của các khán giả nhóc tỳ. Cảnh-tượng còn náo nhiệt hơn nữa khi có tắc-kè vừa ra khỏi lỗ đã buông cần câu và cắm đầu chạy. Quần hùng lập tức ào lên, quyết thi đua đuổi bắt cho kỳ được kẻ địch. Cái cảnh con tắc-kè đang chạy bay biến qua những đám cỏ úa xơ-xác bỗng đứng dừng lại, nghênh ngang ngóng cao đầu như khiêu-khích những gã thợ săn tài-tử vây bắt mình, rồi tự đứng lại vùn vụt lao đi, kéo theo một đoàn dững-sĩ diệt tắc-kè, là một cảnh mà ngày nay hồi-tưởng lại tôi vẫn thấy như hiện rõ trước mắt. Cũng có khi bắt được tắc-kè, chúng tôi, thay vì cho người ta mang về chế-biến để làm thuốc, lại bắt tắc-kè ăn thuốc lá để

xem «tuồng» tắc-kè say thuốc ngắt-ngư. Nhưng đây lại là chuyện khác.

Mùa bắt tắc-kè ở quê tôi là các tháng sáu, tháng bảy cho đến hết tháng chín, tức là trong khoảng từ tháng năm đến cuối tháng tám âm-lịch.

Chế-biến tắc-kè

Thời Pháp-thuộc, tôi nghe kể lại là tắc-kè có thể được xuất-cảng sống, đưa thẳng từ các tỉnh cực — Bắc Việt-Nam qua nội-địa Trung-hoa. Nhưng phần lớn số lượng tắc-kè bắt được phải chế biến và bảo-quản một thời-gian có khi hàng năm trước khi sử-dụng.

Sau mỗi buổi đi săn về, tắc-kè lần-lượt được kéo từng chú ra khỏi oi và các chuyên-viên bắt đầu công-tác chế biến. Có người cho rằng khi gần bị bắt hay khi đã lâm vòng lao-ly, tắc-kè rất hay tự cắn đứt mất đuôi. Nhưng dường như đây chỉ là truyền-thuyết.

Thoạt tiên, người ta kẹp chặt bằng tay, giữ cho con vật bất-động rồi dùng một cái vồ gỗ bé tí (nếu không sẵn vồ thì dùng búa sắt nhỏ) đập nhẹ vào chỗ ót, phía đằng sau mắt, tắc-kè chết ngay đơ.

Rồi lấy một tấm gỗ nhỏ, cỡ 10 × 30cm, bề dày chừng vài ly, trên mặt có đóng xuyên một cây đinh, cho chia mũi nhọn của đinh ra ngoài. Tắc-kè bị lật ngửa, lưng ở dưới, bụng ở trên, nằm tênh hênh trên tấm gỗ. Ấn đầu tắc-kè lên cây đinh oan nghiệt để giữ lấy đầu. Hai chân sau bị kéo căng ra. Rồi mổ

tắc-kè : vết mổ là một đường rạch thẳng từ giữa bụng xuống gần hậu môn, ngang chỗ đùi nối với thân thì ngừng lại. Dao mổ là một loại dao nhỏ, nhọn, sắc bén. Ruột lòng bị vớt bỏ sạch, máu ứ ở đầu cũng phải bóp cho ra hết. Rồi dùng giấy bản hoặc giấy mỏng chùi lau sạch máu. Vậy là xong công việc giải-phẫu.

Bây giờ đến giai-đoạn xuyên nẹp, với mục đích trình bày xuất phẩm cho hợp nhãn khách mua và dễ bảo-quản. Hai chân trước và hai chân sau được vuốt nhẹ nhàng, cho duỗi thẳng ngang ra hai bên, rồi úm nẹp tre, đo bề ngang từ đầu chân bên này đến đầu chân bên kia để chặt nẹp cho vừa. Xong khâu hai nẹp vào, mỗi cặp chân một nẹp, lấy tay kéo nhẹ cho hai chân trước và hai chân sau cùng căng thẳng ra hai bên.

Bụng cũng phải được phanh rộng. Thông thường người ta dùng lối kẹp nẹp kiểu bắt chéo chữ X, bằng cách căng một cái nẹp từ chân phải phía trước chéo sang chân trái phía sau và một nẹp thứ hai, chéo từ chân trái phía trước ngang qua chân phải phía sau. Một lối căng bụng khác tương đối cầu kỳ hơn, nhưng thẩm mỹ hơn, là cách dùng nẹp song song : người ta chia phòng chừng bụng tắc-kè làm hai phần, phần trên ngực căng một nẹp rộng bản, hình chữ-nhật, đặt gần phía dưới hai chân trước, phần dưới bụng căng một nẹp thứ hai, cũng rộng bản, hình parabol, đỉnh quay xuống dưới, đến gần hai chân sau, vì lẽ bụng thắt dần.

Cuối cùng, một nẹp dài, nhỏ, cứng, hình trụ và bé hơn chiếc đũa, được xuyên luồn dưới các nẹp bụng và nẹp chân, dọc theo xương sống, suốt từ đầu đến hết đuôi.

Tất cả các nẹp đều chuốt bằng tre cật già, đã ngâm, sấy, hay hong trên giàn bếp lâu ngày, cho khỏi ẩm, đề đề-phòng mối, mọt. Nếu không có tre, có thể dùng nẹp nứa, nhưng không được tốt bằng.

Sau đó, lấy giấy mỏng, loại viết thư hay giấy bản cắt thành từng dải hẹp như cuộn băng, cuốn chặt đuôi, bó cho thẳng, ép sát vào nẹp để khi sấy khô đuôi khỏi bị cong và nhất là khỏi đứt.

Khi căng xong là phải tiến-hành ngay công-tác hơ than củi hay sấy toàn thân tắc-kè, sấy từ từ, lửa nhỏ, cho đến khô. Khi toàn thân con vật đã khô, người ta chóc đầu tắc-kè xuống dưới, đuôi chổng lên trên, để sấy riêng đầu. Sấy cho đến khi nào vùng hai mắt thấy khô, bóp thấy cứng, chứ không còn mềm nhũn như lúc tươi, là được. Nhưng thường thì mùa thu bắt tắc-kè là mùa nắng lớn, nên chỉ cần đem phơi vài nắng là được.

Bảo-quản tắc-kè

Vì là loại dược-liệu động-vật, có nhiều chất béo, nên tắc-kè rất dễ bị hư hỏng, do đó, công-tác săn-sóc tắc-kè trong lúc cất-giữ đòi-hỏi nhiều công-phu và chuyên cần. Sự bảo-quản tắc-kè thay-đổi tùy theo mùa.

Mùa xuân, mùa hạ, tắc-kè khô rất dễ bị sâu mọt. Loài sâu phá-hoại tắc-

kè thường gặp nhất là một loại sâu đen, dài cỡ một, hai phân, đường kính thân mình ước độ ba, bốn ly, rất nhiều lông, lờm chờm, khá dài trông phảng-phất giống con sâu róm. Để chống lại sâu, cứ cách mười ngày phải đem phẩm-vật ra sấy nhẹ toàn thân qua than củi một lần, chủ-yếu phải lo sấy đầu cho kỹ, vì đầu to, dày, lâu khô. Để chóc đầu xuống trong lúc sấy, đuôi vênh lên trời, vì đuôi là bộ-phận chủ-yếu, lại chứa rất nhiều chất béo nên phải tránh sức nóng quá độ có thể làm chất béo chảy rơi rớt xuống.

Qua thu đông, cứ cách nửa tháng phải sấy qua than củi một lần, đồng thời sửa-sang, vuốt ve lại cho ngay ngắn.

Thường người ta cất giữ tắc-kè trong những hòm gỗ kín có lót giấy mỏng hay giấy bản. Trong hòm có khi còn sắp thêm một ít Tế-tân, Hoa-tiên hoặc Long-não. Nắp hòm phải đập thực kín, thực khít. Có gia-đình cần-thận còn dùng sơn ta pha cám hay một loại hồ đặc-biệt chế bằng máu heo pha với vôi, trộn thật đều rồi trát lên mép nắp hay cạnh hòm và bên ngoài lớp keo còn dán phủ lên một lớp giấy bản. Hòm được để nơi khô ráo, thoáng gió, không bao giờ xếp vào góc nhà, xó bếp, vì sợ chuột phá, bởi chuột rất thích nhậu tắc-kè khô, mà quái ác hơn nữa, lại ưa nhấm-nháp đuôi tắc-kè vô-cùng.

Trong khi một số dược-liệu khác của Đông-Y vẫn được bảo-quản bằng cách xông diêm-sinh cho khỏi mọt, mốc thì người ta tuyệt-đối không dùng

diêm-sinh đề sấy tắc-kè, vì diêm-sinh làm biến-chất dược-liệu, khiến màu sắc bên ngoài từ bóng-bầy trở thành nhợt-nhạt, thân mình hóa mốc nát, nhiều khi vỡ vụn.

Một con tắc-kè dùng làm thuốc lý-tưởng là một con đã được mổ bụng, phơi sấy khô, ép thực thẳng, thịt trắng, mùi thơm, không sâu mọt và nhất là còn nguyên đuôi. Làm thuốc, người ta không bao giờ dùng con đã mất đuôi hoặc đứt đuôi, vì giới Đông-Y và quần-chúng Việt-nam Trung-Hoa tin rằng hiệu-lực của con tắc-kè tập-trung ở đuôi, và đuôi phải còn dính nguyên vào thân mới tốt. Vì vậy, có những kẻ lường gạt người mua bằng cách chấp nối đuôi vào những con tắc-kè bị gãy đuôi.

Tắc-kè, một vị thuốc quý

Đông-Y gọi tắc-kè là *cáp-giới*, là *cáp-giải*, cũng có khi đặt tên là *tiên-thiềm*. Tên khoa-học của tắc-kè là *Gekko gekko* (1) Lin... thuộc họ Tắc-kè (*Gekkonidae*), trong bộ Thằn-lằn (*Lacertilla*).

Theo Đông-Y, cáp-giới vị hàn (mặn), tính bình, vào hai kinh phế và thận, là một vị ích âm huyết, trợ dương kinh, bổ phế thận, thường dùng làm thuốc tư dưỡng cường tráng, trị ho suyễn, ho rá máu, ho dai dẳng, điều-hòa kinh nguyệt, chữa chứng liệt dương, suy yếu gầy còm,

Lý-Thời-Trân, trong bộ *Bản-thảo cương-mục*, viết từ thế-kỷ thứ 16, trình-bầy rằng đất Lĩnh-Nam (tức là vùng Quảng-Đông, Quảng-Tây và Việt-Nam) được coi là lãnh-thò chủ-

yếu sản-xuất tắc-kè, vượt xa các quốc-gia địa-phương khác.

Lôi-Hiệu (2) cho rằng tắc-kè có độc ở mắt, nên phải chặt bỏ đi, đồng-thời cũng cần cạo bỏ lớp lông con trên vảy, tẩm rượu cho thấm, gói vào hai lần giấy bản, sấy cho khô, treo lên hiên nhà về hướng Đông một đêm rồi mới dùng. Tác giả cũng ghi nhận đừng làm tổn-thương đến đuôi con vật.

Nhật-Hoa bản-thảo khuyên bỏ đầu và bốn bàn chân (vì có độc), tẩm mỡ hay mật ong nướng vàng mà dùng.

Đồng-bào ta ở vùng quê thường khi bắt được tắc-kè toàn cả đuôi thì nhúng vào nước nóng, cạo sạch lông vảy ở lưng, chặt bỏ đầu từ hai u mắt trở lên và các bàn chân, lột da, mổ bụng bỏ ruột gan, chỉ lấy dạ dày, rồi tùy theo khẩu-vị, soạn thành hai món nhắm độc đáo: hoặc nấu cháo ăn ngay, hoặc nướng thật vàng thơm, ngâm rượu trong chín tháng mười ngày (hai con trong một lít rượu). Cũng có khi ngâm chung với các vị thuốc bổ phế như Bách bộ, Thiên môn, Mạch môn, bổ thận như Thục địa, Nhục thung dung, hoặc bổ khí như Nhân sâm thì càng tốt nữa.

(1) Cũng được định-danh theo lối tượng-thanh, giống như "tắc-kè" của ta, "cáp-giới" của Trung-Hoa.

(2) Cờ-thư về bào-chế Đông-dược xưa nhất còn truyền lại có lẽ là *Bào chế luận* của Lôi-Hiệu (420-479 sau T.C.G.S.). Bộ sách này về sau đổi tên là *Lôi-công bào-chế* và vẫn còn có giá-trị đến bây giờ.

Trên đây là cách dùng tươi. Người Tàu cũng ưa dùng lối này, và họ nấu cháo hay nấu canh tắc-kè ăn như ta ăn canh cá. Cũng có khi dùng khô thì chế-biến như đã trình bày ở mục «Chế biến tắc-kè». Nhưng lại có địa-phương nhân-dân tắm mật tắm rượu nướng ròn, xong tán bột để dùng trong các loại thuốc hoàn tán.

Đồng-bào ta rất tin tưởng rằng tắc-kè là một vị thuốc bổ thận, do ở tác-dụng cường dương, giúp nam giới giao hợp thêm bền bỉ, và nếu bào chế đúng cách thì không có độc.

Rượu tắc-kè là một vị thuốc giúp người lao động nơi sản đã đỡ mệt nhọc, thêm tỉnh táo.

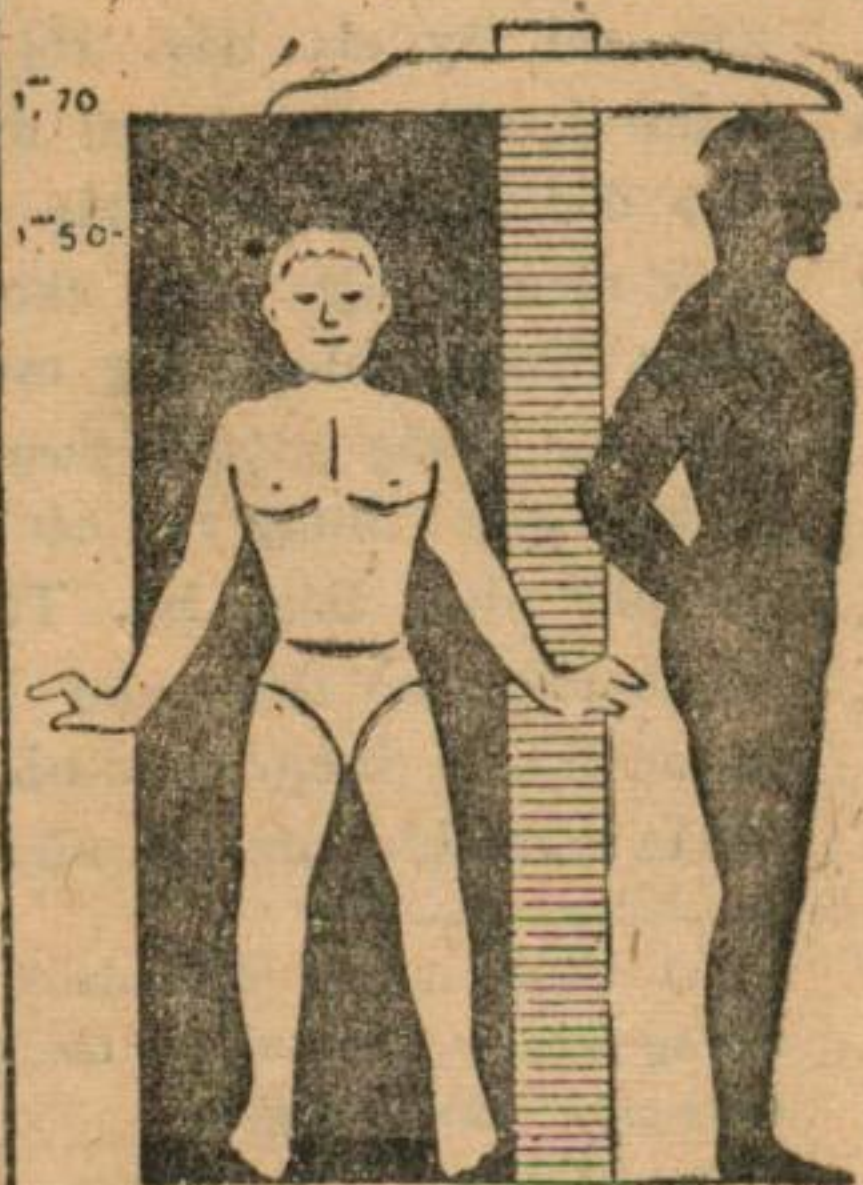
Nhìn dưới nhãn quan khoa-học, tắc-kè, và nhất là đuôi tắc-kè, vì có nhiều chất béo, nên chắc chắn phải chứa nhiều acid amin là những chất cần-thiết cho sự hoạt-động điều-hòa của cơ-thể. Nhưng cho đến nay, chúng tôi vẫn chưa tìm được tài-liệu nghiên-cứu khoa-học chi-tiết nào về tắc-kè.

*Thủ-đô những ngày mất
quê hương tắc-kè-1972*

B. S. TRẦN VĂN TÍCH

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



CON NÍT MAU
BIẾT ĐI
CÙNG XƯƠNG.
MẠNH KHOẺ.
NGƯỜI LỚN
CÙNG RĂNG.
ÍT ĐAU RĂNG.
YẾU PHÔI.
MỆT MỎI.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

Phan - Châu - Trinh

và tiếng tơ lòng

« **Giai thoại một thời** » ghi lại những sự-kiện lịch-sử đã được sưu tầm để giải trí và đồng thời để giúp những sử gia có thêm tài liệu khi cần nghiên cứu về một vùng Thuận Quảng.

Đề mở đầu loạt bài này và cũng nhân kỷ niệm 100 năm sinh Phan Châu Trinh, chúng tôi xin giới thiệu một vài giai thoại về cụ Phan và chung quanh cụ Phan, để độc giả thấy thêm những khía cạnh khác bên cạnh những gì quen thuộc thường được nhắc tới, khi nói về nhà ái quốc này.

Có lần một nữ ký giả hỏi Huỳnh Thúc Kháng :

— Xin cụ cho biết qua tình yêu trong đời cụ.

— Tình yêu của tôi là con zéro.

Quả thật, ông già khô khan này, trải 13 năm Côn Đảo, đã không biết tình yêu là gì. Lúc trẻ, ông lấy vợ theo lễ giáo. Lớn lên không có con trai, bà vợ lớn cưới cho ông một cô vợ nhỏ. Ông không phản đối cũng chẳng hân hoan.

Nhưng ông Phan Châu Trinh có quan niệm tình yêu giản dị như thế không ? Ai đọc qua tập thơ của ông, cũng phải thấy ngay là ông rất ứt át. (Tôi sẽ có dịp trình bày trong tập « Nhà thơ Phan Châu Trinh »). Ông hay nói tới các cô gái tơ, các cặp vợ chồng trẻ, những thứ tình yêu giản dị ở nông thôn. Sự thật, phải

nói chắc lúc trẻ, ông cũng đã là một tay ăn chơi nhậu nhẹt có hạng. Theo trong gia đình cho biết : ông đánh bạc rất cừ khôi, thua bạc nhẵn túi, phải bán cả ruộng nương mà trả nợ. Con người ông gần như không biết sợ một thứ gì mà không nhảy vào xem chơi, rồi nếu muốn thì hãy chơi đã, « cho lăn lóc đá, cho mê mẩn đời ». Và khi cần sẽ lập tức dừng chân, xóa bỏ hết đam mê như vứt một cái khăn tay rách.

* * *

Khi ông từ nhà quê Quảng Nam ra Huế thì ông không còn là chàng thanh niên liễu lĩnh, mà đã là một vị phó bảng tài hoa, danh sắc, nổi tiếng một thời. Chàng thanh niên Phan Châu Trinh không như những tay khoa mục tầm thường khác là chuyên đi đi lạy chào các đại quan có nhiều thế lực triều đình. Chàng chỉ đi tìm

những nơi nào có tư tưởng chống Pháp hay tư tưởng Duy Tân. Chắc là chàng đã toại nguyện.

Nhưng người thanh niên duyên dáng ấy có phải vì lý tưởng cao đẹp kia mà quên hẳn những chuyện tình cảm riêng tư? Huống chi:

Học trò trong Quảng ra thi

Thấy cô gái Huế bỏ đi không đành!

Trai Quảng Nam có những khả năng đáng kể. Gái Quảng Nam có tài có chí không thua bất kỳ phụ nữ nơi nào, nhưng nhan sắc, tiếc thay, lại không thể sánh kịp với gái kinh đô. Cho nên có lắm chàng trai xứ Quảng, tự cho « trai anh hùng » thì phải « gái thuyền duyên » mới đáng sánh đôi. Như thế, những người chưa vợ đành là dễ tính chuyện:

Tới đây hãy ở lại đây,

Ở cho bén rễ xanh cây hãy về.

Nhưng còn những người đã lỡ nên gia, nên thất, vợ con đùm đề thì sao? Đối với xứ nào có nền kinh tế tự túc vững còn khó trả lời chớ xứ Huế, vốn chỉ có nền kinh tế *phí* kinh tế thì một số cô tìm thấy cách giải quyết thật giản dị: không ngại gì mà chẳng chịu làm lẽ mọn. Nhưng lẽ kia « cũng có ba bảy đường ». Người ta làm lẽ thì ở nhà dưới ăn cơm hầm. Các cô làm lẽ lại ở nhà trên, đường đường chính chính thay ngôi bậc cho bà chị lớn đã được đưa về ở thôn quê, quản thủ mấy mẫu ruộng để thay chồng trọn chữ hiếu tử, phụng thờ cha mẹ, hương khói ông bà, chết queo lạnh lẽo giữa

những vinh dự hão huyền. Kinh đô quả có lắm đàn bà thơm tho tài giỏi về đủ mọi ngón cầm, kỳ, thi, tửu, để làm say lòng những chàng trai trẻ còn hôi mùi đất cát, ngớ ngẩn, vụng về. Họ không chỉ được đào tạo để lấy những trai tân mà cả những trai hết tân từ thuở các nàng mới... oe oe ba tiếng chào đời. Thời phong kiến quả có những ngón ái tình riêng của thời phong kiến.

oOo

Phan Châu Trinh, con người tuy thẳng như ruột ngựa, gan như sư tử, có tránh được vết xe mòn đó hay không?

Tại sao ông quen Xuân Lan nữ sĩ? Tại sao người con gái kín cổng cao tường, em ông Ngô đình Kh., một trọng thần, lại để ông vào cặp mắt xanh.

Tôi có thể thử đoán lý do. Thời đó chắc ông Kh. đang có tiếng là người có tâm huyết (như sẽ chứng minh khi ông không chịu đày vua Thành Thái sau này) và Phan Châu Trinh chắc phải tìm tới viếng thăm. Từ sự kiện này, viên quan trẻ, có tinh thần ái quốc nồng nhiệt chắc không thể nào không được gia đình nhắc nhở, tán tụng. Có thể do đó Xuân Lan nữ sĩ đã có thiện cảm hay cảm tình với họ Phan.

Rồi hai bên đã có những cuộc hội ngộ và xướng họa với nhau khiến

(1) In lại trong Giai Nhân Kỳ Ngộ — Lê văn Siêu bình chú. Hương Dương xuất bản 1958.

cho mỗi tình ngày càng thêm khẩn
khít. Huỳnh Thúc Kháng viết trong
Phan Tây Hồ tiên sinh dật sự (!)

« Ở kinh ông Hầu nọ có một con
gái, có tư sắc, biết nghề đờn, nghề
thơ, tuổi độ vài mươi, chưa chồng,
tường đông ông bướm đi về xông
xao. Một ngày nọ, tiên sinh cùng anh
em đến chơi, nàng ấy thấy tiên sinh
dung mạo khác thường, có lòng ái
tài như Trác văn Quân với Trương
Như cật người ngổ ý, tiên sinh cũng
nhận lời, song hẹn rằng đề cáo với
phu nhân nhà đã. Thờ từ thi văn
qua lại hơn vài tháng, có ý triển miên
(trong tập thơ có mấy bài tuyệt cú,
có câu rằng :

Biết đấng danh lưu giữa bụi hồng

Gặp nhau há lẽ một cười không ?
tức làm hồi đó). »

Như thế thì phải có nhiều thi
xướng họa lắm, chớ không phải ít.

Những bài thơ còn lưu lại trong
Tây Hồ và Santé thi tập (Lê Ẩm
xuất bản) có thể cho chúng ta biết
qua vài điểm nhỏ về mối tình đó.

Thử vận họa Xuân-Lan nữ-sĩ

Bài I

*Nức tiếng hương quê đã mấy năm,
Xa xôi chi đó nữa mà lăm*

*Trái mai hồi tiết vừa ba, bảy ;
Tơ liễu so tài đặng bốn, năm. (1)*

*Khép cửa còn chờ trang bán sê,
Cách tường chưa gặp buổi rơi trâm.
Chim xanh khéo mở đường qua lại,*

Văng vẳng bên sông mấy tiếng cầm.

Do bài này, ta biết Xuân-Lan
không còn trẻ lắm « *Quả mai ba, bảy
đang vừa* », có thể nàng đã xa tuổi
20 như Huỳnh - Thúc - Kháng nói
chăng? Nàng chưa có chồng « *Khép
cửa còn chờ trang bán sê* », nhưng nàng
Kiều chưa rơi trâm nên Kim-Trọng
chưa có cơ hội nhặt trâm. Nhưng
« *Chim xanh khéo mở đường qua lại* »
thì dù không có trâm, chàng cũng
tìm cách lại qua. Buổi đầu chàng
chưa đi vào tâm sự được với nàng
song vẫn lắng nghe « *Văng vẳng bên
sông mấy tiếng cầm* ». Đó chắc là tiếng
đờn của nàng vì nàng có tài cầm
thi và nhà ở gần sông.

Qua bài I, ta biết thêm một điều
đáng biết : Phan-Châu-Trình cũng
thuộc Kiều như chúng ta ngày nay.
Và ông cũng rất thuộc ca dao :

*Xa xôi chi nữa mà lăm,
Phải hương hương bén, phải trâm
trâm thơm.*

Đó là lời thúc dục Xuân-Lan hãy
mở lòng đón chờ hiền sĩ.

Bài II

*Trải kiếp tro Tần sáu chục năm,
Khôn trang nữ kiệt chỉ không lăm.
Vấn chương canh cửi tài nên một;
Ý chỉ mảy râu đạo vẹn năm.
Thêu dệt chưa nhường tay vẽ phụng,
Kén lựa còn đợi khách trao trâm.*

(1) Tác giả viết ba bảy, bốn năm ; tôi
đoán như trên nên thêm các dấu phẩy vì
nếu không e lăm : 4 năm.

*Dầu ai sẵn có lòng tri kỷ,
Nghe thử Tương-Như mấy khúc cầm.*

Bài này như có ý muốn ca tụng chí hướng tài năng của Xuân-Lan. Câu thứ nhất, chữ *tro* Tần không rõ ám chỉ việc gì. Nếu là sự kiện Pháp đô hộ thì mới trên 40 năm (1862-1903), tác giả bấy giờ còn trẻ lắm, mới ba mươi tuổi mà « *Ý chí mây râu đạo vẹn năm* » và Xuân-Lan phải biết điều đó nên « *Khôn trang nữ kiệt chí không lầm* » trong lúc nàng đang mở lòng đón « *đội khách trao trâm* ».

Tuy nhiên, họ chưa có sự ràng buộc nào đáng kể với nhau tuy chàng đã bày tỏ tâm sự với nàng :

*Dầu ai có sẵn lòng tri kỷ
Nghe thử Tương Như mấy khúc
cầm*

Lần này, chính chàng đánh đàn cho nàng Trác Văn Quân của chàng nghe để bày tỏ ruột gan của mình.

Bài III

*Non sông một gánh nặng quanh năm.
Giữ chặt mình ta dám lỗi lầm.
Đất khách ngõ ngang cơn gởi chiếc.
Lòng quê bận bịu lúc canh năm.
Ngự Cầu gieo lá tình hòa mực,
Bạch Tuyết xem thi bút bén trâm.
Tâm sự đôi lời xin nhắn hỏi :
« Biết ai chẳng nhẽ bạn nghe cầm ».*

Bài này cho thấy rõ là hai bên đã có nhiều khăn khít với nhau. Chàng vẫn theo đuổi lý tưởng cứu nước, vẫn giữ vững tình yêu trong sạch với nàng chứ không dám làm chuyện lỗi

lầm (câu 1,2) nhưng nếu những lúc buồn ngồn ngang vì nỗi chán đơn, gởi chiếc quê người thì vẫn không quên được vợ con trông chờ ở nhà (câu 3,4). Tuy nhiên, mối tình nơi cầu bến Ngự bằng thư từ trao đổi (tình hòa mực) đã không phải không được đáp ứng (bút bén trâm) và qua hai câu cuối, đã thấy rõ là họ đã hòa tâm sự cùng nhau một cách mặn nồng :

*Tâm sự đôi lời xin nhắn hỏi :
« Biết ai chẳng nhẽ bạn nghe cầm ».*

Bài IV

*Biền trời lừng lẫy bấy nhiều năm,
Son phấn ham chi sự lỗi lầm.
Tiếc đưng tài tình còn lẽ chẻ,
Xui lòng thiết thạch bạn ba năm.
Mắt xanh vẫn biết trang đề lá,
Tay trắng khôn toan nổi chịu trâm.
Vĩ dẫu thuyền tình chưa phải bến,
Gặp nhau thôi cũng bạn thi cầm.*

Chàng thanh niên Phan Châu Trinh giạt mình vì tiếng gọi của non sông và bôn phận, chàng không thể cùng nàng « *Son phấn ham chi sự lỗi lầm* ». Dù hiểu nhau, quyến luyến nhau tới đâu thì tới đây cũng đành phải cắt đứt mối tình vô hy vọng đó :

Vĩ dẫu thuyền tình chưa phải bến.

Thì chỉ còn phương cách duy nhất khi không thể lấy nhau làm vợ, làm chồng được là :

Gặp nhau thôi cũng bạn thi cầm.

Mối tình đó đã bắt đầu và đã kết thúc. Những bài thơ trên đây hé

cho chúng ta thấy chuyện lòng của chàng Trương-Như thế kỷ XX. Nhưng tại sao nó kết thúc ?

Huỳnh Thúc Kháng kể tiếp (sđd) :

« Ít lối tiên sinh về thăm nhà, nàng ấy sắm tiền vật đưa lên đồ, tiên sinh không nhận, rằng đợi về, cáo với phu nhân đã. Về đến nhà hồi lâu, thấy phu nhân ở ngoài đi vào, quần áo lang thang, tay chân bần lấm, hỏi ra thì đi coi cấy ngoài ruộng về nấu cơm trưa, đặt đem cho bọn cấy. Tiên sinh thấy thế, như nước lạnh xối sau lưng, nghĩ thầm trong bụng rằng : cái người trong mắt mình với cái người trong ý mình khác nhau xa lắm, một mai mang người ấy về, biết đặt vào chỗ nào ? Ngẫm nghĩ một hồi, cái cáo húng mấy lối đeo đuôi và hăm hờ mang về đó, biến đi đâu mất, không hờ một điều gì ; cái giây tình dăng dít bấy lâu, chỉ một lưỡi dao giứt hẳn như không có vậy. Nàng ấy lấy làm lạ, gởi thơ oán trách, tiên sinh không trả lời, chỉ viết một câu rằng : *Đừng lấy có ta mà lấm* ».

Tôi ngờ Phan Châu Trinh không phải chỉ trả lời nàng ấy gọn gàng, cục mịch đến thế đâu. Những bài thơ còn được chép lại trong Tây Hồ và Santé thi tập cho chúng ta biết rõ điều ấy. Không phải Phan Châu Trinh đã hết quyến luyến khi đành phải đoạn tuyệt kẻ mà « một mai mang người ấy về, biết đặt vào chỗ nào ». Phải, Xuân Lan là con một vị Hầu, chỉ quen đàn, thơ. Rồi đây, về nhà này, trong khi bà vợ lớn áo quần

lấm lem, lấm luốt, còn nàng sẽ làm gì ? Ngồi ở đâu ?

Bề nào thì cũng không xong bề nào !
Lương tâm, lương tri quá mạnh của Phan Châu Trinh đã dẫn ông tới quyết định hợp lý.

Nhưng tình cảm ông chắc không dễ dàng bị khuất phục. Vì ngoài những bài thơ trên, còn thấy bài sau đây :

Phụ lục nguyên vận

*Đất trời lủi thủi thảng rồi năm,
Nghieu Thuấn người xưa mới khỏi
lấm.*

*Trương liễu mơ màng câu đức bốn;
Cửa quê lần lựa cái hằng năm.*

*Sấm ra bến Ngự dòng gieo lá,
Hồ với sân rồng kẻ gõ trâm.*

*Thảng mảng sách sy theo bốn phận,
Nghênh tai đâu hẳn khúc hoang
cầm.*

Toàn bài nói về lẽ phải, đạo lý, những tứ đức, những ngũ thường và viện cả đến Nghieu Thuấn để tự biện minh lỗi lầm của mình đã gieo ra khiến nàng buồn tủi. Nhưng tình cảm tác giả chưa hết. Câu đầu « *Đất trời lủi thủi thảng rồi năm* » cho ta thấy từ đây ông trở lại kiếp sống cô đơn như trước khi biết nàng và « *Nghênh tai đâu hẳn khúc hoang cầm* » gây cho ta cái cảm tưởng không bao giờ ông quên tiếng đàn xưa đâu có cảm tưởng như đã từng nghe nó qua một thứ truyện Liêu Trai.

*
* *

Huỳnh-Thức-Kháng nhận xét về chính-trị-gia họ Phan và tôi mượn đề kết thúc giai-thoại này:

« Tiên sinh là người thích thắng, không có cách cần thủ, mực thước như bọn hủ đạo đức, bình sinh trong trường quan, côi sắc, dám bạc, cuộc say chỗ nào cũng chui mình vào, không thêm trố tránh chi cả, song đã biết là lụy, thì tức thì gò ngựa, không bước vào nữa, không có chút gì là quyến luyến. Thường bảo ông Nghè Trần (Trần quý Cáp, tiến sĩ trong tỉnh, bạn thiết với tiên sinh) cùng tôi rằng: Người ta lâm vào cái

cảnh tình dục ham muốn, vào trong ấy mà lại ra được, mới là hào kiệt mới là không nịch (chìm đắm), như các anh là đứng ngoài xa trông vào mà đã sinh lòng sợ không dám lại gần đó mà thôi, nhất đán vào trong, biết đâu không mê mà bị nó làm lụy mình như các người khác. Ông Nghè Trần thâm phục câu nói ấy, song trả lời rằng: Đề cho đến vào trong mà không ra được, thà không vào là hơn, Một đời tiên sinh hẳn đã làm được như lời nói».

NGUYỄN-VĂN-XUÂN

Hãy tìm đọc một tác phẩm xuất hiện rực rỡ vào đầu tháng 11-1972

RỪNG DẬY MEN MÙA

Thơ ĐÔNG - TRINH

ĐỖ-TOÀN vẽ, TRẦN-ĐÌNH-QUÂN, TÔN-THẮT-LAN phổ nhạc

- Những bài thơ mạnh khỏe và trong sáng của một tác giả thường xuất hiện lẻ loi trên các Tạp chí:

VIỆT — ĐỐI DIỆN — BÁCH KHOA — Ý THỨC,

- Giữa một bối cảnh văn hóa mà hầu hết các tập thơ được in ra thường chỉ là những tiếng thở dài sườn mướt, phản ánh những tâm hồn quái đản, sa đọa, bạc nhược và bệnh hoạn,

RỪNG DẬY MEN MÙA

có tham vọng phục hồi sứ mệnh cao cả của Thi ca trong truyền thống đấu tranh của lịch sử Dân tộc.

Muốn có tập thơ với giá đặc biệt, xin liên lạc với:

Ông NGUYỄN-ĐÌNH-TRỌNG, GS Phan-Châu-Trinh, Đà-nẵng.

ĐẠI-Á NGÂN HÀNG

TRỤ-SỞ CHÍNH : 61-65, Đại-Lộ Hàm-Nghi SAIGON

Điện thoại : 98.700 — 98.460

Trương Mục

TIẾT KIÊM ĐỊNH KỲ

Lãi Xuất 24% 1 Năm

Kể từ ngày 01-08-1972, ĐẠI-Á NGÂN-HÀNG sẽ dành **LÃI XUẤT ĐẶC-BIỆT** cho loại Ký Thác Tiết-Kiểm Định-Kỳ, tương-ứng với thời gian ký-thác như sau :

— dưới sáu tháng	19%
— đã đủ hay trên 6 tháng	21%
— đã đủ hay trên 9 tháng	22%
— từ 12 tháng	24%

Gửi tiền vào Trương Mục Tiết-Kiểm Định-Kỳ « CON PHƯỢNG VÀNG » Quý vị sẽ hài lòng vì :

- TIỀN LỜI TÍNH HÀNG NGÀY TỪ KHI GỬI ĐẾN KHI LẤY RA
- MUỐN RÚT VỐN RA BẤT CỨ LÚC NÀO CŨNG ĐƯỢC

* *

KÝ THÁC TIẾT KIỂM THƯỜNG : LÃI XUẤT 19% MỘT NĂM (THAY VÌ 17% MỘT NĂM).

CÁC CHI NHÁNH

— Chi-Nhánh Cholon, 47 Tổng Đốc Phương	ĐT : 51.047	— Chi - Nhánh Banmêthuôt, 80-82 Quang Trung	ĐT : 148.083
— Chi-Nhánh Cầu Ông Lãnh, 21 Yersin	ĐT : 99.386	— Chi-Nhánh Sađéc, 139-141 Tổng Phước Hòa	ĐT : 24
— Chi-Nhánh Gia-Long, 121-123 Gia-Long	ĐT : 96.827	— Chi-Nhánh Vĩnh Bình, Gia Long	ĐT : 92
— Chi-Nhánh Thị-Nghè, 22 Hùng Vương	ĐT : 96.251	— Chi-Nhánh Long An, Thống Nhất	ĐT : 20
— Chi-Nhánh Biên Hòa, 10 Nguyễn Hữu Cánh	ĐT : 36	— Chi-Nhánh Vĩnh Long, Phan Thanh Giản	ĐT : 93
		— Chi-Nhánh Đà Nẵng, Độc Lập	ĐT : 21.077

BNP

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

Cuộc Hoa-du của Thủ-tướng Nhật Kakuei Tanaka



Thủ tướng Nhật Tanaka

Cuối thế-kỷ thứ 19, khi Nhật-bản xuất hiện trên trường quốc tế với tư cách một đại-cường, nước Trung-hoa đã đương nhiên trở thành con mồi ngon của đế-quốc mới. Lợi dụng bước suy tàn của Triều đình Mãn-Thanh, chính-phủ Nhật cũng nhẩy vào Hoa-lục tiếp tay với các cường quốc thực-dân Âu-châu để sâu xé lãnh thổ Trung-hoa. Đòi nhượng địa, thiết lập chế-độ tài-phán lãnh-sự, đề xứ người bản-xứ tại các nhượng-địa. Các tài-nguyên Trung-hoa được các giới tài-phiệt Nhật coi là những phương-tiện để yểm trợ cho công cuộc phát-triển kinh-tế Nhật. Vì vậy mà hoạt động xâm lăng đầu tiên của một nước Nhật hùng mạnh đã hướng ngay về phía Trung-hoa. Chính sách xâm lăng này đã tạo nên một hố sâu thù hận giữa hai quốc gia Hoa-Nhật từ 80 năm qua.

Nếu người ta cho rằng cuộc Hoa

du của Tổng-thống Hoa-kỳ Richard Nixon vào tháng 1-1972 vừa qua có một tầm quan trọng đặc-biệt thì cuộc Hoa-du của Thủ-tướng Nhật-bản Tanaka còn có mức quan trọng hơn nữa. Thật vậy, tuy gián đoạn bằng giao trên $\frac{1}{4}$ thế-kỷ, nhưng người dân Mỹ không bao giờ có một mối hận thù đối với dân Trung-hoa. Trong lịch-sử thế-giới, chính Mỹ đã nhiều lần can thiệp để bảo vệ Trung-hoa trước mưu đồ xâm-lăng của các đế quốc thực dân. Trong khi đó thì đối với chính thể quân phiệt Nhật, thống trị Trung-hoa lại là một sự cần thiết cho đời sống quốc-gia Nhật. Vì vậy mà cuộc viếng thăm Hoa-lục của Thủ-tướng Tanaka từ ngày 25 đến ngày 30-9 vừa qua đã đánh dấu một giai đoạn lịch-sử mới. Cuộc viếng thăm này đã chính thức biến cải Trung-hoa từ qui-chế một con mồi thiên nhiên trở thành một người bạn bất đắc dĩ của Nhật. Sự thay đổi này đã được thực hiện sau cuộc gặp gỡ giữa hai nhân vật dị biệt nhất là Chu-ân-Lai và Tanaka.

**Từ con mồi thiên nhiên tới
người bạn bất đắc dĩ.**

Vào thế-kỷ thứ 19, Nhật-bản cũng như các quốc-gia lân cận đã ngủ kỹ trong đời sống chính-trị thế-giới. Nhưng may mắn hơn các quốc gia lân cận, Nhật đã bừng tỉnh vào năm 1867 khi một nhóm võ-sĩ-đạo làm

cách-mạng, phục hồi quyền-hành cho Nhật-Hoàng. Triều đại « Minh-Trị » bắt đầu từ đó và đã lần lần đưa Nhật tới phát-triển kỹ nghệ.

Cùng một lúc Hải-quân Đại-tá Perry cầm đầu một hạm đội Mỹ đến buộc chính-phủ Nhật phải bỏ chính-sách bế-quan tỏa-cảng, ký hiệp-ước Kanagawa năm 1854, cho phép người Mỹ được tới lập nghiệp ở Shimoda. Người ta nói rằng cái mũi lõ của Perry đã là nguồn gốc của công cuộc kỹ-nghệ-hóa Nhật. Thật vậy Mitsui, một tay đại-phú Nhật, chỉ vì tò mò muốn biết có phải mọi người da trắng đều có cái mũi dài như Perry hay không nên đã gửi người sang Âu-châu và Hoa-kỳ. Những người này thay vì sang quan sát mũi của người da trắng thì lại học các kỹ-thuật tân tiến trở về giúp Mitsui hoạt động kinh-tế ! Cuộc phát triển kỹ-nghệ Nhật bắt đầu từ năm 1872. Nhưng một nước Nhật kỹ-nghệ phải đối phó với các vấn đề mới là thiếu tư bản, thừa nhân công, thiếu nguyên-liệu, tìm kiếm thị-trường. Ngay lập tức, cặp mắt người dân Nhật đã hướng về phía Trung-hoa. Dưới ảnh hưởng của giới tài-phiệt Nhật, chính phủ Đông-kinh đã bắt đầu coi Trung-hoa như là một « con mồi thiên nhiên » của Nhật. Trước mắt các giới tài-phiệt liên-kết với quân-phiệt Nhật, Trung-hoa có nhiệm vụ cung cấp nguyên-liệu (như sắt Cao-ly), các nguồn tinh-lực (như than Mãn-châu) cho kỹ nghệ Nhật. Sau đó Trung-hoa phải tiêu thụ sản phẩm của kỹ-nghệ Nhật. Ngoài ra lãnh thổ Trung-

hoa còn được coi là có nhiệm vụ đón nhận những người dân Nhật thất nghiệp.

Năm 1885, Nhật làm áp lực buộc Trung-hoa phải cho Nhật đồng bảo-hộ (Co-protectorat) Cao-ly. Năm 1894 lợi dụng các vụ lộn xộn ở Cao-ly quân đội Nhật đổ bộ lên Hoa-lục, tuyên chiến với triều đình nhà Thanh chiếm Cao-ly và tiến về Bắc-kinh. Trung-hoa đại bại phải ký hiệp ước Shimonoseki (1895) nhường cho Nhật Cao-ly, Đài-loan, bán đảo Liêu-đông, cửa bể Lữ-thuận và cho phép Nhật được buôn bán trên lãnh thổ Trung-hoa.

Năm 1914, lợi dụng cuộc Đệ-nhất Thế-chiến Nhật chiếm bán đảo Chấn-Đông của Đức ở trên lãnh thổ Trung-hoa và đưa ra 21 điều yêu sách. Chính phủ Bắc-kinh phải thỏa mãn 17 trên 21 điều yêu sách này bằng cách cho Nhật quyền khai thác các mỏ than và sắt, cho phép dân Nhật lập nghiệp ở Mãn-châu v.v...

Từ năm 1915 tới năm 1927 chính phủ Nhật lường lự trước một chính-sách đầy mạnh xâm lăng ở Trung-hoa và một chính sách tạm nghỉ để « tiêu-hóa » các quyền lợi đã chiếm được ở nước này. Năm 1927, khi Nam-tước Tanaka (không có bà con gì với đương kim Thủ-tướng) lên làm Thủ-tướng chính-phủ Nhật, dưới áp-lực của giới quân-phiệt, quyết định mở rộng cuộc xâm nhập vào Mãn-châu. Bắt đầu từ năm 1931 « chính sách gặm nhấm » được áp dụng. Không tuyên chiến nhưng cứ

nay chiếm một vùng, mai chiếm một vùng khiến cho chỉ trong vòng vài tháng cả Mãn-châu đã rơi vào tay quân đội Nhật. Tại đây Nhật thiết-lập một Mãn-châu-quốc tách rời khỏi lãnh-thổ Trung-hoa và đưa Hoàng-thân Phò Nghi lên ngôi Hoàng-đế Mãn-châu. Phò Nghi là vị Hoàng-đế Trung-hoa cuối cùng, và bị Cách-mạng lật đổ vào năm 1912 khi mới lên 3 tuổi.

Chính sách «gặm nhấm» kéo dài tới năm 1937 thì chấm dứt. Nhật mở đầu một cuộc chiến-tranh thực sự để chiếm vùng Hoa-Bắc. Lợi dụng một cuộc đụng độ nhỏ với quân Trung-hoa tại Lư-cầu-kiều vào đêm hôm 7 rạng ngày 8-7-1937, quân đội Nhật ồ ạt tấn công về phía Hoa-Nam và cuộc chiến tranh này kéo dài tới năm 1945 mới chấm dứt cùng một lúc với cuộc Đại Thế-chiến.

Trong trận chiến tranh Trung-Nhật người ta đã thấy các nhân vật Tưởng - Giới - Thạch, Mao - Trạch Đông, Chu - Ân - Lai và cả Tanaka xuất hiện. Trong khi Mao làm lãnh tụ đảng Cộng - sản tổ chức kháng Nhật với Chu-Ân-Lai trong chức vụ Ủy-viên chính-trị của quân đội ở Mãn-châu, thì Tưởng - Giới - Thạch làm Tổng-Thống Trung-quốc phải đối phó cùng một lúc với 2 mặt trận, một chống Cộng và một chống Nhật. Kakuei Tanaka khi đó mới 20 tuổi được gửi sang mặt trận Mãn-châu vào năm 1938 với tư cách một tân binh quân dịch. Nhưng chỉ một vài tháng sau vì bị bệnh sưng phổi nên Tanaka được giải ngũ và trở về nguyên quán. Chỉ vì Tưởng - Giới -

Thạch dồn mọi nỗ lực vào việc tấn công Cộng-sản hơn là đánh Nhật nên một bộ hạ của Tưởng là Thống-chế Trương-Học-Lương đã ra lệnh bắt giữ họ Tưởng. Ngày 12-12-1936 tại Tổng-hành-dinh Tây-an-phủ một viên sĩ quan đã quỳ trước mặt Tưởng-Giới-Thạch, nước mắt đầm đìa, đề năn nỉ xin Tưởng đi vào nhà giam. Sau đó Chu-Ân-Lai đã được Mao-Trạch-Đông gọi tới can thiệp đề thả họ Tưởng, chỉ yêu cầu là Tưởng sẽ đánh Nhật chớ đừng đánh Cộng-sản.

Coi Trung - hoa là một con mồi ngon, chính sách xâm lược của Nhật lại còn gieo mầm chia rẽ vào trong nội bộ Trung-hoa, nên hố sâu giữa hai nước càng ngày càng mở rộng.

Hơn một phần tư thế kỷ đã trôi qua, tình hình thế-giới đã thay đổi toàn diện. Nước Trung-hoa yếu đuối lộn xộn ngày trước đã trở thành một đại cường, khép mình dưới kỷ luật sắt của đảng Cộng-sản. Mao-Trạch-Đông ngự trị ở trong cấm thành Bắc-kinh, Hoàng-đế Phò-Nghi trở thành anh làm vườn, coi sóc vườn ngự uyển, Chu-Ân-Lai làm Thủ-tướng, Tưởng-Giới-Thạch lãnh chúa ở đảo Đài-loan và Tanaka chú lính phế thải năm nào trở thành Thủ-tướng đang tìm cách xóa bỏ hận thù giữa Trung-hoa và Nhật trong một cuộc gặp gỡ thượng đỉnh với các lãnh tụ Cộng-sản Trung-hoa.

**Cuộc gặp gỡ giữa con láis trâu
và con địa chủ**

Vì Trung Cộng trở nên hùng mạnh, vì ngay cả Hoa-kỳ cũng xích

lại gần nước này, Nhật không thể tiếp tục chính sách làm lơ coi Trung Cộng như không có trên bản-đồ thế-giới. Nếu tiếp tục chính sách này thì Nhật sẽ bị mất thị-trường Hoa-lục với gần một tỷ người. Vì vậy mà khi quyết định xích lại gần Trung-Cộng, mục tiêu của Nhật đối với nước Trung-hoa không thay đổi về nội dung. Khi thiết lập bang giao với Trung-Cộng, Nhật vẫn tiếp tục coi nước này là một giải pháp cho nền kinh tế Nhật. Nhật vẫn tiếp tục muốn được xử dụng nhiên-liệu Trung-hoa và vẫn tiếp tục hy vọng Trung-hoa tiêu thụ sản phẩm của mình. Nếu chính-sách Trung-hoa của Nhật có khác xưa chỉ là ở phương-pháp thực hiện. Thay vì gửi quân ào ạt đến bắt Trung-hoa phải cộng tác với mình, nước Nhật, vào thời hậu chiến chủ trương một chính-sách mềm dẻo hơn và tế-nhị hơn để đi tới cùng một mục tiêu.

Chính-sách tế-nhị này được trao cho ông Tanaka để thi hành. Ông Tanaka đã tới Bắc-kinh trong 5 ngày để hội đàm với các lãnh tụ Trung-Cộng. Trong lịch-sử thế-giới người ta thấy chưa có sự-kiện nào lý thú hơn là cuộc gặp gỡ của một Kakuei Tanaka, còn một anh lái trâu cục mịch với một Chu Ân Lai, con một địa-chủ suốt đời chỉ chạy theo mộng thì đậu làm quan (1). Nhưng cuộc đời Tanaka đã biến chuyển theo một chiều hướng khác hẳn cuộc đời Chu Ân Lai. Thật vậy, ông lái trâu chết sớm để lại cậu con Kakuei sống vất vưởng tự lập. Tự lập sớm như vậy

mà Kakuei đã bước được tới tột đỉnh danh vọng và sang giàu trong hệ-thống tư-bản. Trong khi đó Chu Ân Lai được người cha địa-chủ chăm sóc học hành thật sớm và chu đáo thì lại đi theo hàng ngũ vô sản... Một Chu Ân Lai xuất thân địa-chủ biến thành Cộng sản và một Kakuei Tanaka xuất thân nông dân vô sản lại biến thành đại-tư-bản, khi gặp nhau đã dùng đủ mọi duyên dáng để quyến rũ nhau.

Ngày 25-9 hồi 11 giờ 30 khi Tanaka đặt chân lên phi trường Bắc-kinh ông đã được Chu Ân Lai niềm nở tiếp đón. Phó Thủ-tướng Lý-Tiên-Niệm. Ngoại-trưởng Cơ-Băng-Phi và một số đông các nhân vật Trung-Cộng đã túc trực sẵn để chào mừng Tanaka. Sự nồng-hậu này đã khiến Tanaka quên được phần nào nỗi khổ tâm của ông khi ông rời đất Nhật ra đi, với sự hộ tống của 3.000 cảnh sát để phòng ngừa các hành động bạo lực của các phần-tử chống đối sự xích lại gần Trung-Cộng. Sau khi duyệt đoàn quân danh dự, Tanaka được họ Chu đưa lên ngồi chiếc xe hơi nhãn hiệu « Hồng-kỳ » đồ sộ để về Dinh Quốc-khách. Dinh này trước kia có tên là Điều Ngự-đài được đặt trong Lâm-Viên Ngọc-Ba-trị. Điều Ngự-đài kiến trúc theo kiểu cổ thời, soi mình trên hồ sen nước biếc với những chiếc cầu đỏ cong cong thấp thoáng sau hàng dương liễu. Trước cảnh thơ mộng này, Tanaka, vị Thủ-

(1) Xin xem bài « Tề tướng Chu Ân Lai » của Như Phong trên BK. 359 (15-12-71) trang 15.

tướng tuy là đại tư-bản mà lại văn nghệ, nên đã ứng khẩu đọc một bài thơ ca ngợi trời xanh lấp lánh trong ánh mắt vị chủ nhân Trung-hoa.

Vào buổi chiều, khi đến phòng họp tại Nhân-dân Đại-sảnh chậm mất nửa giờ, Tanaka đã giải thích là vì chưa đã rượu Mao-toại ! Trong khi đó người ta chắt đầy sữa đậu nành từ Nhật chở sang để Tanaka uống cho đỡ nhớ nhà. Trong bữa dạ yến do Chu Ân Lai khoản đãi, Tanaka đã suýt xoa khen món ăn Tàu nhưng khi về tới Dinh Quốc-khách thì lại chỉ dùng gạo do chính mẹ ông cấy ở vùng Niigeta. Cũng trong buổi dạ yến này, Tanaka ngồi phe phẩy chiếc quạt lụa thêu hoa như một nhà hiền-triết Trung-hoa thời cổ. Ngoài ra phái đoàn Nhật còn loan tin là Tanaka sẽ đến trước Lư-Cầu-Kiểu để tạ lỗi trước nhân dân Trung-hoa về tội Nhật đã xâm lăng Trung-hoa ngày trước.

Các quà tặng mà Tanaka mang sang cũng mang nặng màu sắc Nho phong. Tanaka tặng họ Mao một bức họa trên lụa quý có tên là « Xuân minh » Chu Ân Lai thì nhận được cùng một lúc một bức thêu đôi chim uyên-trong trên nền lụa và cả một bài thơ tứ tuyệt mà tác giả là Tanaka. Riêng Ngoại-trưởng Nhật Ohira thì lại tặng cho Cơ-Băng-Phi đồ sứ Giang-tây, có lẽ để đền bù lại phần nào những quý vật mà quân đội Nhật đã tháo gỡ trong Hoàng cung Trung-hoa ngày trước. Dân chúng Trung-hoa cũng không bị bỏ quên, vì 1000 cây anh đào và 1000 cây tùng cũng được Nhật chở sang

để đem cho họ bóng mát tại các công viên.

Khác với cuộc viếng thăm của ông Nixon, 3 ngày sau khi Tanaka tới Bắc-kinh ông mới được Mao-Trạch-Đông tiếp kiến. Vừa gặp Tanaka họ Mao đã hỏi móc : « Thế nào cuộc chiến tranh Trung-Nhật diễn tiến ra sao ». Nhưng Tanaka cũng đã lanh lẹ đối đáp : « Nhờ tài kinh-bang tế-thế của Thủ-tướng Chu-ân-Lai cuộc chiến tranh này đang đi tới hồi kết-thúc ». Biết Tanaka thích chơi chữ, họ Mao đã tặng Tanaka một bộ 6 cuốn sách do Châu-Nguyên, một văn hào đời Xuân-Thu, trứ tác.

Những nụ cười duyên, những câu nói tăng bốc chỉ là ngoại cảnh của các cuộc hội-đàm giữa hai chính-khách thủ đoạn Chu-Ân-Lai và Tanaka. Cả hai lãnh-tụ đã phải trải qua những thử thách gay go, những trả giá đắt gao. Vấn đề khó giải-quyết nhất là vấn đề Đài-loan. Trung-Cộng đòi Nhật phải chánh thức đoạn giao với Tưởng-Giới-Thạch và công nhận Đài-loan là một phần của lãnh thổ Trung-hoa. Trong khi Nhật, tuy muốn lập bang-giao với Bắc-kinh, nhưng vẫn muốn duy trì liên lạc kinh-tế với Đài Bắc, nơi mà Nhật đã đầu tư trên 1 tỷ Mỹ-kim.

Giữa Cơ-Băng-Phi và Ohira các cuộc thảo luận đã hết sức sôi nổi để đi tới một Thông-cáo chung dung hòa quan-diểm đôi bên. Ngày 29-9 tức là 5 ngày sau khi tới Bắc-kinh, Tanaka đã hạ bút ký Thông-cáo chung loan báo sẽ thiết-lập ngoại-giao và trao đổi Đại-sứ với Trung-

Cộng và rút Đại-sứ ở Đài-Bắc về. Hai bên tuyên bố sống chung trên căn-bản 5 nguyên-tắc của Hội-nghị Bangdung. Chu-Ân-Lai phải dùng bút máy đề ký vì từ khi bị ngã ngựa trong cuộc « Vạn lý trường chinh » tay phải của họ Chu gần như bị yếu hẳn. Sau khi ký, Chu còn quay sang hỏi Tanaka có « ứng khẩu » ra bài thơ nào đề vịnh Hội-nghị thượng-đỉnh Trung-Nhật hay không ? Tanaka đã khiêm tốn trả lời là không dám mùa riu qua mắt thợ và đứng dậy cáo từ đi Thượng-hải. Tại phi-trường Chu-Ân-Lai đã ân cần tiễn đưa Tanaka giữa một rừng khăn tay của 3.000 nữ cán bộ Trung-Cộng vẫy chào.

**

Với cuộc Hoa-du, Thủ-tướng Kakuei Tanaka đã giở một trang sử

mới trong bang giao Nhật-Hoa. Tuy nhiên ta vẫn thấy các diễn-viên chính như Chu-Ân-Lai, Mao-Trạch-Đông và Tưởng-Giới-Thạch tái xuất hiện trong tấn bi hài kịch Trung-hoa. Nếu trước kia Tưởng chủ trương chống Cộng-sản của Mao quan trọng hơn là chống Nhật thì giờ đây Mao cũng đang có một hành động tương tự là bắt tay với Nhật hầu cô - lập - hóa chính-thề quốc-gia của Tưởng ở Á-châu. Tuy trang sử mới đã được lật qua nhưng Nhật, dù dưới quyền lãnh đạo của Nam-tước Tanaka hay của Kakuei Tanaka, vẫn nhằm cùng một mục tiêu là kiểm tiêu trường Trung-hoa cho kỹ nghệ trong nước. Vì vậy mà trong lịch sử Trung-hoa, Nhật-bản vẫn còn tiếp tục đóng vai trò trọng tài giữa hai phe Quốc-Cộng.

TỪ-MINH

thuốc ho viên

Pectal FORT



trị các chứng **HO**



*ho gà, ho khan
ho từng cơn
ho ra đàm
cảm-suyễn
sưng cuống phổi*

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

thuốc ho viên

PECTAL FORT*trị các chứng* **HO**

ho gà ho khan

ho từng cơn

ho ra đàm

cảm suyễn

sưng cuống phổi

Bán tại các nhà thuốc tây

VÀO ĐỜI

Chương 13

Ở sau nhà, Thương đề Titi ngồi một mình trên giường đề ra phía sau bếp. Quang liếc nhìn thấy Thương mặc áo cụt màu tím than và quần trắng. Tiếng nước đổ róc rách và tiếng cái ca nhôm va vào thành thùng thiếc nghe thật vui tai. Đằng trước đường, phía bên cạnh cửa sò, đám con nít cười nói hồn nhiên. Năng nhảy múa đây đó. Bất giác, Quang nói với bạn :

— Rồi cái gì cũng quen đi. Ban đầu còn hơi ngờ ngợ, ngỡ ngàng, nhột nhột. Về sau, tiếng trẻ đùa, tiếng còi xe, mùi khói xăng trở nên một thành phần cần thiết cho đời sống mình, chẳng khác nào bát cơm, mảnh áo, giấc ngủ, hơi thở. Mà lắng nghe thử coi : Tiếng trẻ con vui biết mấy...

Trong buồng, Titi lại khóc thét lên nữa, Thương quăng ca chạy vào, gọi Vân hốt hoảng :

— Trời ơi, anh Vân. Mau lên. Chi mà khổ vậy trời.

Cả Quang lẫn Vân sợ hãi chạy nhanh vào trong. Thương không dám đến gần Titi trong khi con bé chơi với đưa tay đòi bông. Có một mùi gì hơi tanh tanh tràn ngập trong không khí. Quang e ngại không dám tiến tới, còn Vân thì mạnh dạn tiến tới xốc Titi lên. Vân cười :

— Cái con này thiệt ! Cút chứ gì đâu mà kêu trời. Titi xấu nhé. Chờ mẹ đi làm, mới ị ra tùm lum để làm khổ mấy dì mấy cậu nhé.

Vân đem Titi ra ngoài thùng nước, Thương bịt mũi tránh thật xa, tỏ vẻ khó chịu. Vân thả cháu đứng vịn vào thùng nước, gọi với vào :

— Thương, ra xối anh rửa Titi cho rồi.

Thương không trả lời anh, cố chặn cò cho khỏi buồn nôn. Chờ lâu không thấy em ra, Vân gọi bạn :

— Con Thương thật là... Thôi. Ra dội cho tao chút Quang.

Quang bước ra cửa hông, liếc nhìn lại bắt gặp ánh mắt vừa cầu khẩn vừa chế giễu khinh thị của Thương. Vân chờ cho Quang xối hai ba lần cho phân trôi đi khá nhiều, mới mạnh dạn đưa tay rửa dít cho Titi. Quang cười rân, Vân cũng cười, bắt chước giọng ông giáo sư Việt văn hai năm trước, ngâm nga :

— Sĩ khả... khả bách... vi.

Vân bồng Titi vào nhà. Thương chạy theo cố mím môi lại để khỏi cười rộ, xách Titi như xách một con mèo con chạy ra phòng trước. Vân hỏi với theo :

— Từ sáng đến giờ đã cho Titi bú chưa ?

— Chưa.

— Trời đất. Chị Lý về biết được, rầy rà không ít. Cho cháu nó bú đi. 11 giờ rồi còn gì nữa. Con nhỏ đi ỉa mà làm rối lên.

Thương phụng phịu phân trần :

— Em chịu dờ không nôi. Hôm trước nhận được điện tín, em thuê con Na đi thay, hứa cho luôn hai bộ quần áo cũ và 1.000 đồng. Nó ngần ngừ, chắc cũng ham tiền. Nhưng sau nghĩ sao, không đi nữa. Thế mới khổ.

Quang cảm thấy nhột nhột, cơn giận vu vơ vô cớ bốc lên. Quang nhớ ánh mắt đam mê của Na, và sự lạc lõng của cô gái nhỏ trong một khung cảnh lạ hoặc không thuộc về mình. Quang không muốn Thương xúc phạm đến một người vắng mặt, một người vắng mặt nghèo hèn. Vân vẫn trách em :

— Con gái mà như vậy, sau này có con có cái, ai lo cho Thương. Phải tập khổ cho quen chứ.

Thương không nói gì, Quang nhìn đôi má phính phụng phịu làm dáng một cách kịch cỡm, lỗ bịch. Chị Lý đầy công vào nhà lúc nào không ai hay. Quang thấy chị Lý trước tiên, lí nhí đứng dậy chào không thành câu. Chị còn ốm và xanh hơn lúc còn ở Qui-nhon, đôi vai vuông nhô lên trong cái áo dài trắng rộng thùng thình. Chị không nhớ ra Quang, e ngại nhìn Vân dò hỏi, Vân bảo :

— Quang, bạn của em đó. Con Titi vừa thường cho tụi này một “chầu”

Titi bỏ bình sữa, khóc đòi mẹ.

Thương xốc cháu lên chạy theo chị vào nhà trong, chỉ cái giường bản bảo :

— Em lợm không dọn nôi. Còn đề đó chờ chị về.

Chị Lý quăng cái nón và xách tay vào xó nhà, bực tức cau có :

— Gì mà sang trọng quá vậy, làm như là công chúa không bằng. Hồi nhỏ ai lo rửa ráy cho mày, ai khổ cực vì mày ?

Thương bị mắng bất ngờ, có lẽ chưa hết ngỡ ngàng. Một lúc sau, mới nghe Thương cãi lại :

— Tôi công chúa thân kệ tôi. Tôi sang trọng thân kệ tôi. Ai mượn chị xỉa xối. Ai đánh điện tín cầu khẩn người ta vào đây coi giùm nhà, rồi bây giờ tiếng nặng tiếng nhẹ. Tôi không cần ở lại đây. Mai tôi về, cho chị khỏi bực mình.

Chị Lý cũng không vừa :

— Về thì về. Không ai cầu.

Có tiếng Thương khóc. Rồi cả chị Lý, cả con Titi cũng khóc.

Anh Vinh bước vào nhà ngơ ngác không hiểu ắt giáp gì hết, cũng không để ý đến Quang, quăng cặp chạy ra sau. Giọng anh đầy lo âu :

— Cái gì thế ? Sao mà khóc như ri thế này ?

Không ai trả lời, nhưng chỉ còn có Titi khóc mà thôi. Vinh bỗng con lên hỏi vợ :

— Sao không mở cái cửa sổ bên

kia cho sáng một chút. Đề nhà cửa âm mốc hôi hám quá.

Chị Lý bây giờ mới lên tiếng can chồng :

— Thôi anh ơi. Đóng luôn cửa đó đừng mở chi rắc rối. Họ cứ phơi quần áo ngay chỗ cửa sổ mình, mấy lần em bảo phơi chỗ khác, họ lớn tiếng xía xói : Cái hẻm này là của chung, ai phơi đồ cũng được hết. Muốn ở lâu cao gác tía, hãy đi chỗ khác mà ở. Anh có can đảm, đem kềm ra cắt quách cái dây 'hép cho em coi.

Vinh biết mình không thể làm được theo lời đề nghị của vợ, bỗng con lên phòng trước. Thấy Quang, anh ngạc nhiên vồn vã hỏi :

— Ủa, vào đây hồi nào ? Chuyện sư phạm của em, tôi không ngờ xử Trương xử tệ quá. Thà lủi từ chối phắt ngay từ đầu.

Quang hơi se lòng khi nghĩ đến chuyện cũ, nghĩ đến hơn một tháng khổ nhọc xách nước trộn hồ. Quang nói :

— Chuyện cũ mà anh. Dù sao, em vẫn không quên ơn anh.

Ông Vinh ngồi xuống một thùng giấy gần Quang, phân trần :

— Tôi mới vừa dọn vào đây được nửa tháng. Tim muốn chết mới được cái nhà giá tương đối rẻ này. Chưa có thì giờ dọn đồ đạc ra nữa. May có Vân với Thương trông nhà hộ, nếu không, chúng tôi đành bó tay mà thôi. Quang ở lại ăn cơm trưa với chúng tôi nhé.

Vân cười, bảo anh Vinh :

— Quang nó ở lại là cái chắc. Ăn đề trù vào tiền công tác hiem nghèo khi nãy. Ông Vinh không hiểu ý em. Quang giải thích :

— Cháu Titi ị ra đây giường. Hai đứa em hợp tác nhau dọn vệ sinh công cộng.

Cả ba người đều cười lớn. Phía nhà sau, hình như hai chị em cũng đã làm hòa với nhau, nên cười nói tíu tít tự nhiên, dễ dàng như gây gổ với nhau lúc trước.

* * *

Ăn cơm xong thì đã một giờ ruối trưa. Anh Vinh lại lo đi làm sợ nặn kẹt xe đến trường trễ. Anh hỏi Quang :

— Đề chỉ huy kiến hiệu

— Đề lãnh đạo tuyệt vời

Cần tìm đọc cho bằng được

NGHỆ THUẬT LÃNH ĐẠO CHỈ HUY

của NGUYỄN-CẢ và LÊ-SƠN-CƯƠNG

Sách mới phát hành, trình bày tuyệt đẹp

Giá rất dễ mua.

— Em ở đây chơi tới chiều không? Thật tiếc. Anh phải lo đi liền không nói chuyện nhiều với em được. Vào đây, nhờ người này người nọ giới thiệu, chạy đi chạy về không biết bao nhiêu bận, mới xin được vài giờ Sử Địa ở trường tư. Chiều nay là buổi ra mắt với quý vị học trò. Còn hồi hộp hơn cả lúc mới ra trường dạy giờ đầu tiên nữa.

Anh Vinh đi rồi, Vân lấy chiếu trải xuống nền xi măng phòng trước, rồi trở vào buồng đem ra hai cái gối bao may bằng vải hoa xanh đỏ. Vân bảo Quang:

— Lại đây nghỉ một chút. Chiều tao mượn xe đò đi xuống phố chơi.

Nói vậy, nhưng cả Quang lẫn Vân kê gối ở ngay chân tường, rồi ngồi dựa lên đó nói chuyện chứ không ai ngủ hết. Vân rút bao thuốc lá mời bạn. Quang từ chối:

— Tao không hút. Từ ngày vào đây, mỗi lần hút thuốc lá và uống cà phê hơi nhiều một chút là chắc chắn buổi tối không tài nào chợp mắt.

Vân không nói gì, rút một điếu châm lửa, hít một hơi dài rồi lim dim nhìn làn khói tỏa trước mặt. Khói tỏa che bớt ánh sáng chiếu từ khe cửa hông, khiến khoảng không gian trước mặt Quang trở nên mờ hồ, huyền ảo. Chìm đắm trong một chút yên lặng lặng động này, nghe sự thanh bình lan nhẹ trên làn da, sờ thịt, đường gân, Quang cảm cái gợn gợn ngây ngây được kể bên một hạnh phúc, một hân hoan lớn lao nào đó, trước mặt, bên phải, bên

trái, trong phòng này, bên kia vách? Quang nghĩ đến những thoáng hạnh phúc quá sức đơn sơ mà cũng quá sức mong manh, có đó nhưng hư hư thực thực, như một làn khói, tuy tan đi mà vẫn lảng đãng lưu luyến. Vân khà một hơi khói mờ khác, lần này, gió đưa tạt ngay sang phía phải của Vân. Ánh sáng chói hơn, căn phòng trở trên lộ liễu. Nền loang lổ xám nguệch và trên vách tường, bụi còn bám vào những mảng xi măng do một người thợ vụng tô trét cầu thả. Quang lấy hơi định nói, nhưng nghĩ sao, lại giữ im lặng. Vân quay sang phía bạn, đưa mắt dò hỏi. Quang không thể đứng lại, chậm rãi nói:

— Phải. Vào đây, tao hết khoái cà phê như lúc trước. Có lẽ vì loại cà phê bit tất chua chua khét khét chẳng ra làm sao cả. Mất hết cái thú ngồi nhìn từng giọt đặc quánh nhỏ đều nhỏ đều, như giọt đời, như giọt ngày giọt tháng. Và lại...

Quang không nói nữa. Vân lại quay nhìn bạn. Quang hỏi Vân:

— Mày có nhớ hôm đi thi, mày bảo tao gì không?

Vân nhủ mày cố nhớ chuyện đã qua. Sau một lúc cố gắng vô ích, Vân nói:

— Chìu. Tao vô tâm, hay quên lắm. Tao đã nói gì?

— Mày đèo tao đi uống cà phê trước khi vào thi triết. Mày nói đùa, bảo rằng trong khi mày ăn điểm tâm, và tao uống cà phê, Claude Bernard

sẽ hầu bên trái, Platon hầu bên phải, còn Bergson thì vừa cười vừa hỏi : Uống gì nữa không cậu ?

Vân cười sung sướng, không ngờ mình tếu như vậy. Quang vẫn nói, như trong cơn mơ :

— Tao đã lắc đầu từ chối. Tao bảo : Cảm ơn Ngài. Nhưng Bergson cứ rót cà phê cho tao. Bắt tao phải uống. Uống toàn một thứ cà phê chua lét, lại không có chút đường nào. Đến bây giờ, vị đắng ấy vẫn còn trên môi trên lưỡi. Nghe mùi cà phê, tao thấy lợm...

Vân vội vã sửa lại thế ngồi cho thẳng hơn. Vân nhìn Quang thật lâu, mà Quang vẫn nhìn thẳng tới khoảng không phía trước chứ không quay lại. Vân chạm nhẹ vào vai Quang, hỏi một cách nghiêm trang :

— Mà nói như người mơ. Mà sao cay đắng quá vậy ? Đến bây giờ, tao vẫn chưa hiểu tại sao mà mày không đậu thứ gì hết. Cả cái Nông lâm súc lẫn Phú thọ.

Quang không cho Vân nói hết, trả lời một cách hững hờ :

— Người ta thi đông quá. Minh

học trường tình lẻ, thiếu thốn sách vở, nên chen chân không lọt.

— Không phải thế. Có nhiều đứa học kém hơn mày vẫn đậu vào Nông lâm súc hay Y khoa, Dược khoa. Dù thế nào chẳng nữa, các kỳ thi tuyển vẫn còn giữ được sự công bằng tối thiểu. Hạng kha khá hay tạm được như tao có thể may rủi. Nhưng hạng giỏi phải đậu. Có đứa còn đậu cả hai ba cái một lượt.

Quang hỏi bạn :

— Còn cái hạng thi xong tú tài, vớt bài vở trong xó, khơi khơi không học hành gì cho đến ngày vác bút đi thi, có thể đậu được không ?

Vân không biết trả lời thế nào, bối rối phát âm những tiếng vô nghĩa để kéo dài thời gian suy nghĩ và đủ thì giờ tránh trước những cái bẫy nguy hiểm. Quang chờ không thấy Vân trả lời, bảo bạn :

— Tao ở vào cái hạng ấy. Từ ngày không vào được sư phạm, bỏ vào đây, tao không học được lấy một chữ.

— Thế mà làm cái thứ gì ? Lêu bêu tà tà ngoài phố à ?

PHÂN ƯU

Được tin **NỘI TỔ MÀU** anh ĐỖ-HẢI-MINH (DOHAMIDE) đã thất lạc tại Châu-Đốc ngày 02-10-1972.

Xin trân trọng phân ưu cùng anh Đỗ-Hải-Minh và tang quyến và xin cầu nguyện hương hồn Cụ sớm về an nghỉ nơi Thiên Đàng.

LÊ-NGỘ-CHÂU và Tòa soạn BÁCH-KHOA

Hơi nghẹn chặn nơi cổ làm mặt Quang nóng bừng, đôi môi run run cô mím lại. Cánh mũi Quang phập phồng. Đến lúc không thể dần được nữa, Quang nói một mạch :

— Tiền đâu mà tà tà. Mà biết vào đến Sài-gòn, tìm nha Hiền và trả xong tiền cơm đến cuối tháng 9, tao còn bao nhiêu không ? Chấn chồi 150 đồng. Cho cả cuộc đời. Túng quá không biết phải làm thế nào, mấy đêm tao không ngủ được. May gặp được ông cai thợ hồ. Tao múc nước trộn xi-măng trộn cát từ đó đến nay, để lấy tiền trả tiền cơm tiền nhà tiền ghi danh. Tối về mệt quá lăn ra ngủ, bài vở vứt hết. Lại thêm...

Quang e ngại không dám nói tiếp chuyện chị Phú. Vân không dám hỏi thêm, chỉ lấy dép Nhật dẫm lên cái tàn thuốc cho tắt hẳn.

Trong buồng, không biết hai chị em Thương và Lý thú vị điều gì, đột nhiên phá lên cười. Rồi hai chị em tiếp tục râm rì nói chuyện gì đó. Thương cười to, chị Lý mắng em :

— Vô duyên. Cười đó rồi khéc đó. Như đồ con nít. Có gì đâu mà cười.

Vân nhìn Quang ái ngại. Quang quay lại hỏi :

— Thuốc lá còn không ? Cho tao một điếu.

Vân đưa cả gói và diêm cho bạn, nói nhỏ :

— Mà nên tìm việc gì ít nặng

nhọc hơn. Précepteur chẳng hạn. Hoặc làm thầy cò sửa morasse. Để tao hỏi thử bên phía bà con anh Vinh xem sao. Anh ấy có người anh em thúc bá làm thầu khoán, ở đường Trần Quý Cáp. G.ầu lắm.

Quang không trả lời bạn, tiếp tục đánh đến cây diêm thứ ba mà vẫn chưa mồi được điếu thuốc. Bàn tay cầm diêm của Quang hơi run run khi đưa đến gần đầu thuốc, còn đôi hàm răng thì cắn mạnh đến dẹp lép gần đứt lia đầu thuốc bên kia.

* * *

Từ đường Nguyễn Trãi, Quang và Hiền phải đi bộ dọc theo đường Cộng hòa để đến Đại học Khoa học. Tới gần ngã tư, dây thép gai đã giăng đầy ngang đường và nhiều cảnh sát vũ trang đầy đủ đứng hàng ngang soi mọi nhìn nai người. Hiền rụt rè dừng lại, nhưng thấy Quang tiến tới, đành chậm rãi theo bạn. Cả hai rẽ vào bờ lẽ, cố bước nhanh để vào hẻm bên trong khuôn viên trường.

Mấy dãy lầu phía trước có vẻ cũ kỹ lạc lõng như ông thầy già còn mặc áo lương giữa đám học trò ngỗ nghịch bất kính. Tầng đám đông sinh viên ngồi la liệt trên thềm trường, mắt dán vào trang giấy ronéo để mở trên gối. Các nữ sinh viên mặt mày xanh xao hốc hác, mắt thất thần, miệng lẩm bầm nhảm bai. Hiền ngạc nhiên hỏi bạn :

— Sao mới khai giảng họ đã có bài học rồi ?

Quang phỏng đoán trả lời bừa :

— Chắc họ đang thi kỳ hai. Lâu nay lộn xộn hoài, các kỳ thi hoãn liên miên, đến nay vẫn chưa xong.

Hai người đi phát phơ đây đó, chờ giờ vào học. Quang đến bảng lưới, đọc mấy thông cáo phổ biến thể lệ xin hoãn dịch in trên giấy ronéo đã vàng nhờ gì thời gian, mấy danh sách thí sinh trúng tuyển kỳ thi viết và được phép vào văn đáp. Một hai mảnh giấy khác thông báo giáo sư bị bệnh cho sinh viên nghỉ học bằng nét chữ nguệch ngoạc cầu thả. Hiền nóng ruột nhắc :

— Thôi. Còn mười phút nữa. Vào giảng đường cho rồi.

Quang hỏi :

— Giảng đường phía nào ?

— Kia kia.

Nói xong, Hiền xăm xăm đi trước. Hai người vòng lên phía trên, định ngồi cho gần bảng để ghi chép, nhưng vừa dõm vào cửa đã khựng lại. Cả giảng đường chật ních, không còn một chỗ trống. Sinh viên đã đi học một hai giờ trước, chiếm hết tất cả các ghế tốt. Nhiều người phải

đứng dọc theo hành lang, hay nhón gót kiễng chân tận dưới cuối phòng. Hiền nhìn quanh, thất vọng không biết nói gì nữa. Nhiều người tự biết không thể tìm được chỗ nào thuận tiện đã bằng lòng ngồi bó gối ngay trước dãy ghế đầu. Phía trái giảng đường, chỗ gần chỗ ra vào, còn có hai ghế trống. Hiền kéo Quang băng ngang qua giảng đường. Quang dùng dằng e ngại, vì không lý gì ngay trước đó có nhiều người ngồi bệt dưới đất, mà hai ghế ấy chưa có chủ. Đến gần, Quang mới thấy mình không lầm. Ai đó đã dùng một cái mũ và một quyền võ giữ chỗ trước. Hai người dờ đi dờ về, lo sợ bị trở thành đề tài châm biếm cho đám đông, phải đi nhanh nhập vào đám sinh viên đứng sát vách.

Một sinh viên cao lớn vạm vỡ từ ngoài sân bước vào, ngó quanh tìm chỗ, rồi ngang nhiên đến cái ghế có đặt quyền võ. Anh ta lấy quyền võ bỏ sang ghế bên cạnh, ngồi xuống, lấy thuốc lá châm lửa hút. Người ngồi bên này chiếc ghế trống đứng dậy, đến trước mặt anh sinh viên cao lớn, hất hàm bảo :

CHÚC MỪNG

Nhân ngày Vu-quy 18-9-1972 của :

PHẠM - KỶ - HUÊ

cùng bạn NGUYỄN - VĂN - THÀNH

Thân chúc tân giai nhân và tân lang được Hạnh phúc mãi mãi.

PHẠM - NGỌC - LƯU và bạn hữu

— Ghế này có người rồi. Anh không thấy cuốn vở à?

— Người nào đâu!

— Bạn tôi đặt cuốn vở này giữ chỗ, ra ngoài có chút việc.

— Vở không phải là người.

— Tôi thay mặt bạn tôi trông chừng chỗ ghế này. Anh không được giành.

— Mỗi người chỉ được quyền giữ một chỗ. Anh không được quyền giữ một lần ba chỗ.

Vừa lúc đó, hai người khác từ phía sau đi tới, có lẽ là chủ nhân của cái mũ và quyền vở. Một người đến lấy quyền vở len, cầm đến hỏi anh sinh viên cao lớn:

— Ài cho phép anh quăng quyền vở của tôi?

— Cái ghế này trống. Tôi có quyền ngồi. Quyền vở của ai, tôi chẳng cần biết.

— Anh có đứng dậy trả ghế cho tôi không?

Tiếng cãi vã của hai người làm cả giảng đường xôn xao. Nhiều người tò mò chạy lên xem. Nhân cơ hội, những sinh viên đang đứng đọc hành lang chạy đến chiếm chỗ. Do đó, cảnh ồn ào tranh cãi ngày càng lan rộng. Không ai nghe thấy ai nói gì. Trước mặt Quang, hai sinh viên khởi xướng cuộc tranh chấp đang quơ tay múa chân, miệng la hét, mắt phừng phừng phần nộ. Rồi, không báo trước, sinh viên cao lớn tiện tay

tổng luôn một quả thoi sơn vào hàm chủ nhân cuốn vở. Thế là cuộc hỗn loạn bắt đầu. Bàn ghế xô đẩy gãy đổ, trong khi nhiều người yếu bóng vía sợ vạ lây tủa chạy ra sân. Ngoài đường Cộng hòa, có nhiều tiếng huýt còi, gọi nhau ơ ới.

Hiện rõ địa thế hơn, kéo Quang chạy về phía trường Sư phạm. Đến trước cổng trường Sư phạm, thì mắt Quang đỡ xốn hơn. Hiện cứ tiếp tục chạy xuống phía Chợ-lớn, Quang bắt buộc phải chạy theo. Chạy được một quãng, thì gặp Vân cưỡi Honda chạy ngược lên. Vân mừng rỡ khi thấy Quang, lái xe đèn phann trước mặt bạn, báo tin:

— Tao tìm được chỗ làm cho mày rồi. Précepteur một tuần 8 giờ. Toán lý hóa đệ tứ. Một tháng 2000 đồng.

Quang không tin ở tai mình, hỏi lại:

— Cái gì?

— Mỗi tháng 2000, làm Précepteur dạy thẳng cháu anh Vinh học đệ tứ.

Hiện thấy Quang dừng lại nói chuyện với Vân, nên cũng quay lại. Hiện can Vân:

— Đừng đi về phía đó. Đang lộn xộn ở trường Khoa học.

BÁCH KHOA

đóng tập

Đã có: bộ Bách-Khoa từ 1957 đến 1971 gồm 44 tập (thiếu các 1, 9, 12, 28, 64, 70, 81, 88, 92, 95).

Giá 23.000đ.

Hỏi tại Tòa soạn Bách-Khoa

Vân ngạc nhiên hỏi :

— Có việc gì thế ? Biểu tình hả ?

— Không. Tụi nó giành ghế nhau, đập lộn tung bưng.

Quang muốn bạn nhắc lại lần nữa đề tận hưởng niềm vui mới mẻ, hỏi Vân :

— Dạy Toán-lý-hóa đệ tứ hả ?

— Ừ. Chiều mai tao đèo mày xuống giới thiệu, và chiều mốt bắt đầu. Giờ giấc tùy mày định. Hoặc chiều hoặc tối vì thằng nhỏ đi học trường công buổi sáng. Mà mày định học Khoa học hay Văn khoa ?

Câu hỏi đột ngột đó làm cho Quang ngần ngừ, không biết trả lời thế nào, Khoa học ? Văn khoa ? Quang tưởng tượng những vất vả nhọc nhằn lặn lội từ Khánh hội qua đây, đôi không biết bao nhiêu chuyến xe, đi bộ một khoảng đường dài, đề có mặt trước giảng đường còn

kín cửa một hai giờ trước. Rồi cảnh giành giật ồn ào của cái chợ chửi, giành giật đấm đá nhau đề chiếm một chỗ ngồi nghe được, viết được. Đề hy vọng mong manh là sẽ tìm một chỗ đứng an thân giữa xã hội mai sau.

Nhưng với số tiền 2000, liệu Quang có thể đủ trả tiền xe tiền cơm tiền nhà ? Quang ngờ ngợ khám phá ra rằng mình chỉ còn một lối. Quang nói :

— Tao định rồi. Học Văn khoa.

Vân đưa mắt ngẫm hỏi lý do, trong cái nhìn có sự ngạc nhiên che giấu kín đáo, tỏ vẻ nhấn nhục tôn trọng quyết định riêng tư của kẻ khác. Quang không tiện nói ra lý do đơn giản của một lựa chọn quan trọng : Quang chọn Văn khoa, chỉ vì Thông có chiếc Lambretta có thể đèo Quang theo mỗi buổi học. Thế thôi.

NGUYỄN MỘNG GIÁC

SẮP PHÁT HÀNH :

HƯƠNG RỪNG CÀ MAU

của SƠN NAM

TRÍ ĐĂNG tái bản và phát hành

19-21, Nguyễn-Thiện-Thuật Saigon 3

TRỞ VỀ

Thơ TẠ-TỰ

Quảng Trị hồi, miền địa đầu yêu dấu
Ta trở về trong đồ vỡ tan hoang
Vùng đất chết cánh chim buồn không đậu
Cả khung trời xuống thấp xám màu tang

Ta về đó, trùng trùng cơn pháo địch
Nhìn xác thù, xác bạn lút vây quanh
Mỗi vết đạn như một niềm khiêu khích
Mở hư vô, xương trộn máu xây thành

Ba-lô nặng hành trang, còng năm tháng
Và tuổi đời cùng lớn với quê hương
Ta trở về theo mặt trời ló rạng
Vào mộng xanh mở hội buổi lên đường

Dòng Thạch Hãn dâng dâng mùa nước lũ
Giọt đời bờ lay lắt mảnh tình quê
Chiều hiu hắt phủ mờ thương nhớ cũ
Cỏ Thành ơi, gạch ngói đón ta về

Tay ghi súng, mắt bùng tia lửa giận
Dây tường xưa lở lói sắc hồng pha
Cúi mặt xuống cắn răng vào thù hận
Quảng Trị đây, từng thước đất mặn mà

Ta đứng trơ, giữa điêu tàn hưng phế
Giọt mưa buồn như lệ nhỏ trên môi
Lòng vắng vẻ chợt thêm ly rượu để
Uống cho say, quên ân oán cuộc đời.

(9-1972)

*Thư gửi vị hôn thê
không cưới được*

Thơ HOÀNG LỘC

thuở đó em yêu ta một thầy giáo trẻ
tinh như cây xanh cửa lớp, sân trường
khi ta giảng đoạn kiều mê kim-trọng
tim học trò em cũng biết rung chuông

em đâu ngờ bây giờ ta làm lính
ngày tháng trên lưng từng vết đạn thù
chút thi thơ xưa cũng đành thất lạc
ngó lại mình mới biết đời đã hư...

bây giờ em chê ta thằng đãng trí
hồn mù sương không thấy nỗi tình em
nếu ta được như một thằng đãng trí
sẽ quên đời cho nhẹ bớt oan khiên

la bây giờ chẳng còn ham sự nghiệp
những lúc buồn tình mắt ngó hư không
riết cũng quen đi với niềm tịch mịch
(đứa tài hoa xưa lạc dấu muôn trùng)

em bây giờ cười khinh ta lỗ vắn
chí cả, tin yêu mục nát lâu rồi
quá đổi thương thân tập tành uống rượu
lòng yếu mềm ta khóc tuổi ba mươi

bây giờ chắc em quên thầy giáo trẻ
lời cầu hôn ta gửi được bao năm ?
em có nhớ đoạn kiều mê kim-trọng
a giảng thế nào tình cũng vẫn mù lăm

Bạn đọc hãy tìm mua ngay :

NHỮNG TẬT BỆNH THÔNG THƯỜNG TRONG LÚA TUỔI HỌC TRÒ

Bác-sĩ ĐỖ-HỒNG-NGỌC viết cho các em về :

*Cận thị — Viễn thị — Loạn thị — Sưng má ông địa
— Nhức đầu — Mụn — Lang ben — Bón — Trĩ — Thủ
dâm — Kinh nguyệt — Mệt mỏi — Nghi ngại — Giấc
ngủ — Bệnh mau quên — Bệnh biếng học — Đi «khám»
bác sĩ v.v...*

Một cuốn sách thật cần cho các em muốn sự học
của mình tiến bộ.

LA NGÀ xuất bản... 270 trang... giá 300đ.

- *Tập thơ tái bản lần III của Hoài-Khanh*

THÂN PHẬN

In toàn giấy tốt. Ca-Dao xuất bản. Giá 350đ.

- CHOPIN, nhà thơ của Âm-nhạc
của GUY DE POURTALÈS, VŨ ĐÌNH LƯU dịch

- ĐƯỜNG THI

của Trường Xuân PHẠM LIỄU

Bốn cuốn sách trên do

LÁ BỐI TÔNG PHÁT HÀNH

đến tại LÁ BỐI mua sách được trừ hoa hồng.

Phi-luật-tân giữa Cộng-sản và Tư-bản

(tiếp theo trang 17)

ghế quan khách thì Ferdinand lên diễn-đàn đọc một bài diễn-văn này lửa. Với sự hiện-diện của Imelda, Ferdinand nổi hứng lại còn hùng hồn hơn mọi bữa. Diễn-văn vừa chấm dứt, dân-biểu trẻ tuổi Ferdinand đã chạy tới chỗ Imelda nói: «Xin cô vui lòng đứng dậy để tôi xem cô có cao hơn tôi không». Imelda tủm tỉm cười đứng dậy. Thấy Imelda chỉ cao có 1 thước 65 (5 ft. 6 in.) tức là kém Ferdinand 1 phân Anh (2,4 cm) nên Ferdinand chịu liền và xin cưới Imelda 11 ngày sau đó.

Lấy Imelda, Ferdinand Marcos vừa được liên kết với giới tài-phiệt Phi lại vừa bắt tay chặt chẽ với các lãnh-tụ chính-trị cao cấp trong nước. Chú Imelda là Daniel Q. Romualdez là Chủ-tịch Hạ-viện nên có thể giúp cho Marcos rất nhiều trên bậc thang sự nghiệp. Hơn nữa Imelda lại là một cô gái kiêu diễm, được bầu làm Hoa-hậu Phi-luật-tân năm 1954 (với vòng ngực 86cm vòng bụng 55cm và vòng mông 84cm). Từ đó đời Marcos lên như điều gặp gió. Ông đắc cử Thượng Nghị-sĩ và hy-vọng được đảng Tự-do chỉ-định làm ứng-cử-viên Phó Tổng-thống năm 1957. Nhưng đảng Tự-do lại chỉ-định Macapagal nên Marcos bỏ đảng Tự-do gia nhập đảng Quốc-gia. Macapagal đắc cử Tổng-thống năm 1961 và bị Marcos chống đối hết sức mãnh liệt tại Thượng-viện.

Năm 1965 khi Tổng-thống Macapagal tái ứng-cử thì Marcos nhay vào vòng chiến để tranh-cử với ông. Trong cuộc cử-động bầu cử này, cả hai đối thủ đã tung ra những phươ-

tiện tài-chánh lớn lao nhất, đã vận dụng đến cùng trí não và sức lực để kiếm phiếu. Marcos được coi là hình ảnh của một xã-hội Phi cải thiện, lành mạnh, trong khi Macapagal bị cử-trị coi là tượng-trưng cho một xã-hội thối nát, do nhóm đại-tư-bản chi-phối. 60 người đã bị thiệt mạng trong cuộc bầu-cử này. Nhưng con số này lại là tương đối nhỏ so với các cuộc bầu-cử trước. Vì trung bình thường có tới 80 người chết trong các cuộc bầu-cử Tổng-thống ở Phi-luật-tân. Cả Macapagal và Marcos đã tung ra tới 8 triệu Mỹ-kim (gần 35 tỷ bạc V.N.) để cò động.

Marcos được cả giới tài-phiệt bên vợ ủng-hộ. Hai vợ chồng Ferdinand và Imelda Marcos lại còn kiếm phiếu bằng cách song ca các bản nhạc dân-tộc mà cử-trị ưa thích nhất, nên rút cục lại là Marcos hơn Macapagal tới 600.000 phiếu. Năm 1969 Marcos tái ứng cử Tổng-thống và lại đắc cử. Đây là lần đầu tiên mà một vị Tổng-thống Phi được tái đắc cử.

Nhưng khi lên làm Tổng-thống Ferdinand Marcos đã bắt đầu gặp những khó khăn khó vượt nổi. Muốn lành-mạnh-hóa xã-hội Phi ông phải tận diệt nạn tham-những hối-lộ trong nước, phải cải-cách điền-địa, phải quân phân lợi tức. Nhưng những hoạt động đầy thiện-chí của Marcos lại đi ngược với quyền lợi của các thành phần địa-chủ, tư-bản từ trước tới nay nắm độc quyền và thực quyền kinh tế trong tay. Tại Thượng-

viện có 20 ông Thượng Nghị-sĩ, mỗi ông đại diện một ngành hoạt động trong kinh tế quốc gia. Mỗi ông có một số cảnh-sát tư, trang bị vũ khí tối tân. Các dự-án luật của Hành-pháp đưa ra hơi có tính cách cải cách là bị bác liền. Ngay trong gia đình nhà vợ, Marcos cũng gặp sự chống đối của các tay tài phiệt. Và chính Marcos sau khi lấy Imelda, cũng trở thành một trong những người giàu có nhất tại Á-châu. Phó Tổng-thống Lopez cũng là một tay đại tư-bản. Ông có cở-phần trong khách-sạn Savoy, nơi người ta thường tổ chức các hội-nghị quốc-tế. Sát cạnh Savoy người ta thấy có cơ-sở của Phó Tổng-thống với hàng chữ lớn Lopez Compound. Tờ Manila-Times mỗi ngày đăng một bức hí-họa, hôm thì vẽ đôi hoa tai, hôm thì vẽ chiếc vòng cổ của bà Tổng-thống.

Phe Cộng-sản thừa dịp hoạt động tuyên truyền để thu hút dân chúng và được một số phần-tử trí-thức thất nghiệp nghe theo. Nếu quân Huks không còn nữa thì một tổ-chức mới, mệnh danh là « Tân quân-đội nhân-dân » (New People's Army hay NPA), theo khuynh hướng Mao-Trạch-Đông và được Bắc-kinh yểm-trợ, đã mở đầu phong trào khủng bố !

● Phải đối phó cùng một lúc với Tư-bản và Cộng-sản, Marcos muốn được ở lại chính quyền để tiếp tục cải-tạo xã-hội. Nhiệm-kỳ của ông chấm dứt vào năm tới nên ông muốn tu-chính Hiến-pháp để ở lại chính-quyền. Lợi dụng cuộc mưu sát Bộ-trưởng Quốc-

phòng Enrile, Marcos ra lệnh thiết-quân-luật, bắt giam Thượng Nghị-sĩ Aquino, lãnh-tụ đảng Tự do của Marcos ngày trước, đóng cửa báo-chí và đưa quân tiêu trừ các phần-tử của tổ-chức N.P.A.

Làm như vậy Marcos vừa đánh cả phe Tả lẫn phe Hữu để tạo ra một tình trạng hoang mang trong dân chúng, mà nhờ đó ông sẽ tu chính được Hiến-pháp dễ dàng. Ông dự định nếu Quốc-hội không cho phép ông ứng cử lần thứ ba, ông sẽ đưa vợ ra ứng cử Tổng-thống và tìm cách biến chính-thề Phi hiện tại thành một chính-thề đại-nghị để ông giữ chức vụ Thủ-tướng, không ấn định giới-hạn thời-gian. Giữa độc-tài của Marcos và độc-tài của Cộng-sản, dân Phi sắp phải lựa chọn.

Trong khối Đệ-tam thế-giới khiếm khai, Phi-luật-tân có một tình-trạng đặc biệt. Bên cạnh những khu vực kỹ-nghệ phát triển tiên phong, người ta thấy có những khu vực kinh tế chậm tiến. Cạnh một thiểu số gốc Tây-ban-nha giàu có kiều xa người ta thấy một đại đa-số nghèo đói, cơ-cực. Tại Phi-luật-tân, thế-kỷ thứ 21 chung sông với thời Trung-Cổ. Giải quyết được vấn đề của Phi-luật-tân có nghĩa là dung hòa được hai thời-đại lịch-sử khác biệt cũng như là dung hòa hai thế-giới tư-bản và khiếm-khai. Liệu Ferdinand Marcos có làm nổi việc đó không ?

TỪ MINH

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Hội họa hiện đại

Nhà nước bên Pháp muốn biết thái độ của quần chúng đối với nghệ thuật hiện đại, tức nghệ thuật mới, tức nghệ thuật hôm nay, tức nghệ thuật trừu tượng, vô hình dung v.v...

Bộ Văn hóa bên nhờ tổ chức Sofres tiến hành những cuộc thăm dò ý kiến, bằng nhiều cách.

Cách thứ nhất đưa đến những con số :

71% người ở đô thị chưa hề vào một phòng tranh hiện đại,

84% người ở thôn quê chưa hề biết đến tranh hiện đại,

56% có biết Picasso,

25% người pháp có nghe nói tới Buffet và Dalí,

6% có biết tên Chagall,

2% biết Léger,

1% có nghe tên Matisse và Braque

Cách thứ hai là phỏng vấn. Một chủ tiệm nọ ở Nice được hỏi về việc bức tranh *Arlequin* của Picasso được đưa vào trưng bày ở viện bảo tàng Louvre. Ông chủ tiệm bèn đáp : « Tôi đồng ý : đưa Picasso và Louvre, không sao cả. Nhưng xin đừng đưa của nọ ấy vào nhà tôi. »

Cách thứ ba là xem những cảm tưởng phát biểu trong cuốn sổ vàng ở các phòng tranh hiện đại, như phòng tranh « Expo — Pompidou, » phòng tranh « 72 — 72 ». Nhờ cách ấy, người ta ghi nhận được cái cảm tưởng như sau :

— « Hãy đập phá các viện bảo tàng, hãy cướp sạch, vét sạch, nhưng xin đừng ngó đến các bức tranh ».

— « Merde ».

A. Soljenitsyne

Lần đầu tiên Alexandre Soljenitsyne viết về một thời kỳ trước Staline, trước chế độ xô-viết mà ông ta đã trải qua những kinh nghiệm bản thân đau đớn. Lần này, ông viết về cuộc đệ nhất thế chiến. Nói cho rõ hơn là về cuộc thất trận của Nga ở Tanneberg.

Tác phẩm tên là *Aout 14*, gồm hai trăm nhân vật. Và đây mới chỉ là cuốn thứ nhất trong một bộ ba cuốn.

Tiểu thuyết gia nước Nga vẫn ưa những công trình đồ sộ. Và giải Nobel năm trước quả đã không chọn làm một tay mơ.

Biết dư luận đang nóng lòng chờ đợi tác phẩm này từ lâu, giới xuất bản tung cuốn *Aout 14* ra một loạt tại năm nước ở Âu châu (Tại Pháp, sách do nhà Le Seuil ấn hành).

Văn A. Soljenitsyne :
một sứ điệp
gửi văn giới toàn cầu.



Nhà văn A. Soljenitsyne

Năm 1970, do sự đề cử của một văn hào Pháp quá cố là François Mauriac, do sự chọn lựa của Hàn lâm viện Thụy điển, A. Soljenitsyne được giải Nobel về văn chương. Nhưng sự chống đối kịch liệt của nhà cầm quyền khiến cho rốt cuộc A. Soljenitsyne không sao lãnh được giải thưởng.

Muốn lãnh giải, lẽ ra ông phải theo thông lệ : Sang Stockholm trực tiếp nhận lãnh từ tay quốc vương Thụy-điển. Thái độ gay gắt của điện Cầm-linh đặt ông trước một sự chọn lựa : hoặc tiếp tục ở lại sinh sống tại Nga-xô và từ chối giải thưởng, hoặc xuất ngoại lãnh thưởng rồi không được trở về. Nhà văn đành chọn quê hương.

Trước tình cảnh ấy, Hàn lâm viện Thụy điển đã biểu lộ một thiện chí đặc biệt, quyết định trao giải thưởng tận tay Soljenitsyne, tại một căn nhà ở Mạc-tư-khoa. Vị Tổng thư ký Hàn lâm viện Thụy-điển đã sẵn sàng lên đường, nhưng nhà cầm quyền Nga-xô không chịu chiếu khán thông hành cho nhập cảnh !

Vẫn theo thông lệ, nhà văn nhận giải Nobel đọc một diễn từ tại buổi lễ trao tặng giải thưởng. Lễ đã không tổ chức được, diễn từ đã không đọc được; nhưng có điều may mắn là tài liệu quý báu nọ đã được bí mật chuyển ra khỏi biên giới Nga-sô. Và đầu tháng 9 năm 1972 vừa rồi, nhiều tạp chí Tây-phương đã đăng tải bài diễn văn của giải Nobel 1970.

Đây là một lời kêu gọi khẩn thiết

của A. Soljenitsyne gửi đến toàn thể văn giới quốc tế, kêu gọi nhận lãnh trách nhiệm trước hiện tình nguy ngập của nhân loại.

Thoạt tiên, nhà văn Nga-xô nhận định về Nghệ-thuật. Biết bao nhiêu người, bao nhiêu lớp người, đã trau dồi nghệ thuật, sử dụng nghệ thuật, lợi dụng nghệ thuật, dùng nó để mua vui, dùng nó để hưởng đạt giàu sang, dùng nó để tranh đoạt quyền hành v.v., nhưng đã mấy ai thấu triệt trọn vẹn bản chất của nghệ thuật, giới hạn khả năng của nó, cứu cánh đích thực của nó ? Quả thực không khác gì một người hoang dã ngày kia nhặt được một vật lạ chiếu sáng óng ánh cực kỳ đẹp đẽ ; hẳn ta mê tới ngấm nghĩa, nhưng hoàn toàn không biết vật nọ từ đâu tới, từ ngoài khơi dạt vào hay từ trên trời rơi xuống, không biết công dụng của nó là gì.

Có lần Dostoievski từng nói : «Cái đẹp rồi sẽ cứu độ thế gian». Chính A. Soljenitsyne từ lâu vẫn nghĩ rằng chẳng qua đó là lời nói khơi khơi. Trong lịch sử, đã có bao giờ cái đẹp cứu được người nào, lúc nào đâu ?

Nhưng dần dà A. Soljenitsyne đã nhận thực được điều này : là một tác phẩm nghệ thuật thành công có một khả năng thuyết phục vô cùng sâu xa, là một sự thực khi đã thể hiện vào tác phẩm nghệ thuật thì nó có sức tác động vào tâm hồn con người không cách gì cưỡng lại nổi. Do đó, Dostoievski đã không nói vu vơ khi nói về sự cứu độ của Nghệ-thuật : Dostoievski

thực ra đã nói lời tiên tri.

Và bây giờ đến lượt A. Soljenitsyne, trên diễn đàn dành cho người đoạt giải Nobel, ông muốn trình bày về cái sứ mệnh cứu độ ấy của Nghệ thuật. Ông nói thay cho bao nhiêu người đồng cảnh tài ba lỗi lạc nhưng xấu số hơn ông đã gục ngã âm thầm trong những trại khổ sai. Chính trong khung cảnh hãi hùng của những trại giam ấy, trong những đêm dài khủng khiếp, trong tuyết giá mịt mù, đã dần dà phát sinh nơi ông và nơi những người đồng cảnh bất hạnh của ông những ý tưởng mà bao lần ông cùng họ muốn hét to lên cho thế giới nghe thấy,

Thế rồi số mệnh đã bắt những người lỗi lạc khác phải bỏ mình trong xiềng xích và khiến A. Soljenitsyne được sống sót, được trở về với xã hội, được hé mắt nhìn ra thế giới bên ngoài. Và ông bàng hoàng kinh ngạc: thế giới bên ngoài không đúng như dự đoán, như tưởng tượng của ông cùng các bạn trong lao tù. Thế giới bên ngoài sống trong ảo tưởng, sống với những lầm lạc, ngộ nhận lớn lao, tai hại: chỗ bề khổ nhận lầm là thiên đường, đem tội ác suy lầm ra thiện cử để ngợi khen v.v. Ô hay! Sao cùng một sự việc mà người mỗi nơi có một cái nhìn khác biệt nhau đến thế nhỉ?

Thì ra xưa nay vẫn thế, đối với sự việc ở đời, con người không bao giờ có một nhận định nhất trí. Mỗi người nhận định tùy theo kinh nghiệm bản thân của riêng mình, tùy

theo kinh nghiệm tập thể của cộng đồng mình đang sống: cho nên mỗi xã hội, mỗi quốc gia có một bản thang giá trị riêng. Thỉnh thoảng, những nhà du lịch đã chẳng từng nêu ra trong các tập phiêu lưu ký các mâu thuẫn ngộ nghĩnh giữa phong tục, tập quán, luật lệ v.v... ở các nước xa xôi đó sao?

Nhưng trong cái thế giới tàn mác xưa kia, giao thông khó khăn, sơn xuyên cách trở, xứ xứ cách biệt, thì những mâu thuẫn nọ chỉ gây thích thú cho các tay phiêu lưu chứ không đến nỗi tai hại. Ngày nay thì trái lại. Các phương tiện vận chuyển và truyền tin đã thu hẹp thế giới, nhưng lại không thể thống nhất được cách sinh sống và quan điểm nhận thức của các dân tộc. Ngày nay, tin tức thì truyền bá nhanh chóng khắp hoàn cầu, nhưng đối với tin tức ấy mỗi dân tộc nhận định một cách khác và phản ứng một cách khác nhau: rồi thì sự phản ứng của mỗi dân tộc — trong cái thế giới thu hẹp hiện tại — đều có ảnh hưởng đến cuộc sống, đến các dân tộc khác. Các mâu thuẫn quan điểm không còn là ngộ ng'ĩnh mà hóa thành xung khắc nguy hiểm.

Cùng một sự việc mà kẻ này xem là phúc người kia xem là họa, cùng một bản án mà kẻ xem là nặng người xem là nhẹ, cùng một vụ thanh trừng khủng bố tàn sát mà nơi này xót xa nơi kia hờ hững v.v..., một trong những lý do đưa tới hai thái độ khác biệt ấy là vì kẻ trong cuộc thấy khác người ngoại cuộc, kẻ ở gần thấy

khác hẳn người ở xa — Vậy làm sao xóa bỏ sự cách biệt ấy : tuyên truyền chẳng ? bằng chứng khoa học chẳng ? Vô ích ! Tất cả những cái đó chỉ làm cho người ngoài cuộc hiểu biết sự việc, chứ không làm cho họ cảm thấy được như kẻ trong cuộc. Chỉ có tác phẩm nghệ thuật mới có khả năng khiến họ sống được cuộc sống của kẻ trong cuộc, cảm xúc được cái cảm xúc của kẻ trong cuộc. Nghệ thuật tạo được sự cảm thông, bắt chắp mọi dị biệt về ngôn ngữ, phong tục, chế độ v.v... Cảm thông, chẳng những qua không gian mà còn cảm thông qua thời gian nữa.

Thật vậy, tác phẩm văn chương nghệ thuật truyền kinh nghiệm và cảm nghĩ của thế hệ này lại cho các thế hệ sau, từ nghìn xưa đến nghìn sau. Không có kho tàng văn chương nghệ thuật thì thử hỏi còn đâu là quốc hồn ? Bởi vậy một khi chính quyền dùng uy lực để can thiệp vào việc sáng tác của văn nghệ sĩ thì đó không phải chỉ là sự vi phạm quyền tự do trước tác mà thôi, đó là sự bóp nghẹt con tim của một quốc gia, là sự phá hủy kỷ ức của một dân tộc : từng thế hệ sẽ tàn lụi trong im lặng không gửi lại được một tiếng nói trung thực cho thế hệ đến sau, thành ra xứ sở có một ngôn ngữ chung mà mất đi sự nhất trí về tinh thần.

Vai trò của nghệ thuật đã quan trọng, nhiệm vụ của nghệ sĩ phải nặng nề. Soljenitsyne nhắc đến ý kiến mà Albert Camus từng tuyên bố, cũng trong diễn từ nhận giải Nobel.

Nhưng tiếp đó, Soljenitsyne lại có lời tuyên bố càng quyết liệt hơn : *nghệ sĩ mà rút lui vào tháp ngà tức là phó mặc thế gian này vào tay quân chém thuê giết mướn, phường cha căng chú kiết, nếu không phải là vào tay một lũ điên rồ.*

Thái độ vô trách nhiệm của người nghệ sĩ vào lúc này nguy hiểm hơn lúc nào hết, bởi vì thế kỷ XX có chỗ đặc biệt : nó tàn nhẫn hơn mọi thế kỷ trước, nó chất chứa đầy những thù hận, bạo động (ăn núp dưới những danh từ lòe loẹt, đẹp đẽ). Thời đại này sống với cái tin tưởng rằng bạo lực nhất định sẽ thắng. Một lớp tuổi trẻ, trong đời chưa từng có thứ kinh nghiệm nào ngoài chút kinh nghiệm về đục tình, nổi lên say sưa ca tụng những sai lầm thảm hại của nước Nga lỗi thời, làm như chúng đang khám phá ra một cái gì mới mẻ ; nổi lên tung hô bọn vệ binh đỏ, đòi noi gương theo cái trò phá phách nọ, đòi đập đồ lung tung. Nếu hạng người từng sống từng hiểu việc đời tỏ ý muốn ngăn cản lớp trẻ điên rồ nọ, họ liền bị buộc tội «bảo thủ».

Ở Nga hồi thế kỷ thứ XIX cũng có hiện tượng ấy, và Dostoievsky bảo đó là cái hiện tượng làm nô lệ cho những trò bịp cấp tiến.

Vừa rồi có nói đến sự tàn bạo ở thế kỷ XX. Chưa hết đâu ! Thế kỷ XX còn một điều nổi bật nữa, là cái tinh thần Munich : tức nhân nhượng, tránh né, khiếp nhược trước bạo lực. Những kẻ hèn nhát mong được yên thân để thụ hưởng,

nhưng lịch sử đã cho thấy chẳng bao giờ họ được yên thân.

Hơn nữa, thế giới ngày nay còn bị đe dọa bởi cái nạn bùng nổ tin tức. Khi tình thế đang căng thẳng, ngột ngạt, mà con người sống ở phần đất này còn bị cấm đoán không được biết gì về tình hình tư tưởng ở phần kia thì thật là cực kỳ nguy hiểm. Có thể nói ở một xã hội bùng nổ không hề có con người địa cầu sinh sống, ở đó chỉ có một đoàn quân viễn chinh của loài người từ Hỏa tinh đổ bộ xuống : họ không biết gì về những kẻ ở xã hội bên ngoài, và sẵn sàng lăn xả đến tàn sát thẳng tay với niềm tin cao cả là thực hiện sứ mạng giải phóng.

Trước tình trạng như thế biết trông cậy vào đâu ? Chúng ta có tổ chức Liên - hiệp - quốc. Nhưng hỡi ôi ! Trong một thế giới vô luân, nó cũng thành ra tổ chức vô luân. Nó thực ra không phải là cái tổ chức liên hiệp của những quốc gia mà là tổ chức liên hiệp của những chính quyền : Chính quyền dân chủ cũng như chính quyền độc tài, chính quyền do dân cử cũng như chính quyền cướp đoạt bằng vũ lực súng đạn. Nó phản bội đám quần chúng yếu kém, phó mặc quần chúng cho những chính quyền mà họ không hề lựa chọn tha hồ đày đoạ.

● Chúng ta cũng có cái lực lượng các nhà bác học — Những vị này nắm trong tay cái chìa khóa của khoa học, của kỹ thuật, cho nên tưởng chừng họ có phần nào định đoạt tương lai

nhân loại. Nhưng về vấn đề này cũng xin đừng nuôi những hi vọng hảo huyền : tinh thần Munich cũng đã lan tràn đến cả giới bác học rồi.

Bây giờ đến lượt những nhà văn. Nhà văn không liên can đến việc phóng hỏa tiễn, không có một quyền lực vật chất gì, vậy có thể xoa tay đứng ngoài, thốt ra dăm ba tiếng thở than, trách móc cay đắng cuộc đời chẳng ?

Không, nhà văn không chọn sự trốn tránh ấy : *“ Nhà văn không phải là quan tòa bàng quan xét xử kẻ đồng bào và đồng thời với mình. Hắn tự xem là đồng lõa với mọi tội ác đã xảy ra trên đất nước hắn hay do đồng bào hắn gây nên. Nếu chiến xa của nước hắn làm đổ máu trên đường phố một đô thành ngoại quốc, vết máu sẽ in trên mặt hắn mãi mãi. Nếu trong một đêm tai họa người ta đến siết cổ người bạn của hắn đang yên giấc trong sự tin cậy, thì dấu vết sợi dây giết người sẽ hắn mãi trong lòng bàn tay hắn. Nếu lớp người trẻ tuổi trong nước của hắn mà hớn hờ tuyên bố hủ bại thắng căn lao, mà say sưa ma túy, thì hơi thở hôi thối của bọn người nọ cũng sẽ chan hòa vào hơi thở của hắn. ”*

Về phương diện này, A. Soljenit-syne phần khởi cảm thấy, khắp bốn phương trời, các văn hữu của ông trên thế giới hiện nay đang tỏ ra xứng đáng. Ông có những kinh nghiệm bản thân cho thấy rằng ngày nay giữa các nhà văn và độc giả ở nước này nước khác có sự giao tiếp nhanh chóng. Ngày nay quả thật là

có một nền văn nghệ toàn cầu, và nền văn nghệ ấy đang chống lại một cách hữu hiệu những chủ trương chia rẽ, thù hận, những công cuộc nhồi sọ, những hoạt động xâu xé giữa các giai cấp, các đảng phái phe nhóm v.v., đang làm một công cụ hữu hiệu giúp các dân tộc hiểu biết nhau, giúp xóa bỏ sự sai biệt giữa các bậc thang giá trị ở đó đây...

Nhưng còn đối với bạo lực, người ta sẽ bảo : Văn chương thì chống sao nổi với bạo lực ? Làm gì được đối với bạo lực ? A. Soljenitsyne không nghĩ thế. Ông cho rằng văn chương có thể thắng bạo lực, và chỉ văn chương nghệ thuật mới thắng được bạo lực.

Thật vậy, đừng quên rằng bạo lực không thể hoành hành riêng rẽ một mình, nó phải dựa vào sự dối trá, phỉnh gạt. Bạo lực, nó tung những luận điệu dối trá ra như hỏa mù, để có thể ẩn hình trong đó mà hoạt động. Thổi sạch cái làn khói hỏa mù dối trá ấy đi thì bạo lực bị phơi

trần trơ trẽn, nó sẽ khựng lại. « Trong cuộc chiến đấu chống dối trá, nghệ thuật luôn luôn thắng lợi, và nó sẽ thắng lợi mãi mãi, công khai, dứt khoát, trên khắp hoàn cầu. Sự dối trá có thể chống lại nhiều chuyện. Nhưng không thể chống nổi nghệ thuật.

Và một khi dối trá đã bị hạ, thì bạo lực sẽ hiện nguyên hình trần trụi và xấu xí. Và bấy giờ bạo lực sẽ gục.

Hỡi các văn hữu, vì lẽ đó mà tôi tin rằng chúng ta có thể giúp đời trong giờ phút nguy hiểm này. Không phải bằng cách viện cớ chúng ta không được vũ trang để thoái thác, không phải bằng cách tự buông mình vào một đời sống lãng phí, nhưng bằng cách lên đường chiến đấu.

Người Nga ưa thích những câu tục ngữ liên quan đến chân lý. Những câu ấy luôn luôn diễn tả cái kinh nghiệm gian khổ của đất nước chúng tôi, đôi khi một cách hiển nhiên : « Một lời nói lên sự thực còn nặng hơn cả thế gian ».

TRÀNG THIÊN

Đón đọc :

VƯỢT THOÁT

- Đề tìm thấy khuôn dung mình và khuôn dung dân tộc.
- Đề cảm nhận TÌNH YÊU say đắm, tuyệt vời.
- Đề tìm ra CON ĐƯỜNG SỐNG của dân tộc Việt Nam,

Do Văn Hóa Xã Hội Sống-Việt thực hiện.

Giai phẩm I phát hành ngày **20-10-1972**

Một phương pháp trắc nghiệm mới:

Tình dục đã được dùng như một phương pháp trắc nghiệm mới mẻ và tỏ ra rất lý thú. Người ta dựa vào phản ứng của cá nhân trước, các hình ảnh có tính cách gợi dục và so sánh với các phản ứng của những kẻ khác để tìm ra những điều khác thường. Những phản ứng được ghi lại nhờ những dụng cụ đã được dùng để đo điện-não-đồ, một phương pháp đã được áp dụng từ lâu trong lãnh vực y-học. Đường biểu diễn mới được mệnh danh là « sóng E ».

Người tìm ra phương pháp trắc nghiệm này là bác sĩ chuyên môn về tâm-lý-học ở đại-học-đường Stanford. Để thiết lập một « sóng E mẫu » họ đã nhờ đến các người tình nguyện được lựa chọn từ những sinh viên ở đại học Stanford. Họ gồm 12 nam sinh viên và 12 nữ sinh viên được coi như bình thường về phương diện tình dục. Mỗi người trắc nghiệm đều được đặt trước những hình ảnh khoả thân đàn ông và đàn bà khác nhau, mặc dầu các hình ảnh không có tính cách khiêu dâm rõ rệt, các cơ quan sinh dục đều được phơi bày rõ ràng.

Kết quả tỏ ra rất phù hợp với những điều mà các nhà nghiên cứu đang trông chờ. « Sóng E » của các nữ sinh viên đã mạnh hơn khi đứng trước các hình ảnh khoả thân của phái nam và ở các nam sinh viên thì ngược lại. Các bác sĩ hy vọng phương pháp này có thể là một phương tiện tốt để

theo dõi việc trị liệu các bệnh nhân bị rối loạn thần kinh về phương diện tình dục. Ngoài ra nó còn có thể dùng để thử nghiệm các người bị nghiện rượu hay nghiện nha - phiến đang được trị liệu, trong đó các hình ảnh được dùng sẽ là chai rượu và một cái kim chích.

Một giống cá lưỡng-phái.

Nhà vạn vật học người Úc Robertson của đại-học-đường Queensland đã tìm thấy một giống cá kỳ lạ ở miền duyên hải Úc-đại-lợi. Giống cá này có tên là *Labroides dimidiatus*, có tính lưỡng phái nghĩa là một con cái có thể sẽ trở thành con đực một cách tự nhiên.

Giống cá này sống thành từng đoàn gồm một con đực cầm đầu và 3 đến 6 nàng thê thiếp. Trong số 3-đến 6 con cá mái đó có một con quyền hành hơn hết, được coi như là vợ cả, V_1 trong xã hội loài người. Con cá trống có bốn phận ban đầu ơn mưa móc cho các bà vợ và trông coi vùng lãnh địa của mình khỏi sự xâm phạm của một con cá trống khác. Nếu con trống còn sống thì không có việc gì xảy ra cả. Nhưng trong trường hợp cá trống chết đi hoặc rời bỏ đoàn đi nơi khác một hiện tượng hiếm thấy sẽ xảy đến. Con cá mái lớn quyền hơn hết tức là bà vợ cả, sẽ từ từ, trong vòng không đầy 2 tiếng đồng hồ, biến thể thành cá trống một cách hoàn toàn, có khả năng đảm nhận mọi bốn phận thiêng liêng của một đấng ông chồng. Và như vậy ông chồng chung vừa mới mất

đi đã được thay thế một cách xứng đáng, không có một chút khác biệt gì cho các nàng cá mái kia.

Tuy vậy không phải lúc nào gia đình cá Labroides dimidiatus cũng đoàn tụ như vậy: có thể hai con cá mái sẽ biến thành cá trống cùng một lúc và... chia hai đàn cá mái để

lập thành hai vương quốc riêng biệt.

Trong xã hội loài người cũng có hiện tượng đôi giống nam thành nữ hoặc nữ thành nam như các nữ lực sĩ thể vận, nhưng còn cần đến sự can thiệp của khoa giải phẫu tạo hình.

TỬ DIỆP

Tìm đọc tác phẩm mới nhất của

HUỲNH - PHAN - ANH

ĐI TÌM TÁC-PHẨM VĂN-CHƯƠNG

Tiểu luận — Phê bình

- ĐỒNG THÁP xuất bản.
- Một cái nhìn mới mẻ về các vấn đề văn học, nghệ thuật.
- Những nhận định nghiêm chỉnh về những nhà văn, nhà thơ thời danh.

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDB-D.

Sách mới

Bách-Khoa đã nhận được những sách sau đây, đều là những truyện của Quỳnh Dao, do Vĩnh Điền dịch, nhà xuất bản Quỳnh Dao ấn hành, khổ 10×15 , trình bày đẹp, mỗi cuốn trên dưới 120 trang, giá 120đ :

— Bạch ngâm sương (tức « Con chồn trắng ») tân liệu trái, do Vĩnh Điền dịch.

— Nữ sinh Đại-học, nguyên tác « Tam Đóa Hoa », do Vĩnh Điền dịch.

— Chiếc roi định mệnh, nguyên tác « Sinh Mạng Đích Tiên » do Vĩnh Điền dịch.

— Người vợ câm, nguyên tác « Á Thê » do Vĩnh Điền dịch.

— Cửa cấm, nguyên tác « Cấm môn », do Vương Quỳnh Ngân dịch.

Xin trân trọng cảm ơn dịch giả Vĩnh Điền và xin giới thiệu cùng bạn đọc Bách-Khoa.

* *

— Con quạ đầu đàn chuyện loài vật do Trường Sinh dịch thuật. Máy Hồng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 226 trang, chuyện kể hấp dẫn, nhiều hình vẽ đẹp. Giá 250đ.

— Đoạn trường vô thanh thi phẩm của Phạm Thiên Thư do Nến

Hồng xuất bản và tác giả gửi tặng. Tác phẩm thứ sáu của tác giả dày trên 200 trang, tiếp nối với « Đoạn trường tân thanh », với trên ba ngàn dòng thơ. T.T. Thích Đức Nhuận thủ bút, các nhà thơ Á Nam Trần Tuấn Khải và Vũ Hoài Chương thơ cảm đề, Ô.Ô. Lê văn Siêu và Lê Thanh Cánh thư thay lời bạt. Giá 1000đ.

— Bí mật vũ trụ của Trần Kim Thạch do Lửa Thiêng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 120 trang in lần thứ hai, trình bày về Địa cầu và gia đình Địa cầu, nguồn gốc và tính chất mặt trời, các vì sao và vũ trụ phổ thông kiến thức khoa học rất dễ hiểu. Bản đặc biệt.

Sách Tuổi Hoa

Chúng tôi đã nhận được những sách sau đây của nhà xuất bản Tuổi Hoa, thuộc loại « Hoa tím », bìa của họa sĩ Vi Vi, trình bày rất đẹp :

— Phượng của Thụy Ý, dày 100 trang, giá 100đ.

— Kỷ niệm hồng của Thu Dung, dày 128 trang, giá 110đ.

— Sông nước Tiền - giang của Thùy Hương, dày 126 trang, giá 110đ.

Xin trân trọng cảm ơn nhà xuất bản Tuổi Hoa.

TRIỂN LÃM TRANH ĐÌNH-CƯỜNG

TẠI TRUNG TÂM VĂN HÓA PHÁP

31, Đồn Đất — SAIGON

từ 20 - 10 đến 30 - 10 - 1972

HỘP THƯ

Bách Khoa đã nhận được những bài của quý bạn sau đây :

Huỳnh Minh Lệ (thơ), Hoàng Xuân Phương (thơ), Hồ Ngự Nghiễm (thơ), Trần Hoài Dung (thơ), Trần Nguyên Thủy (con đường xưa cũ), Ngụy Ngũ (Đêm trên biển), Ngân Thương (thơ), Thúy Hằng (thơ), Huỳnh Uyên Trang (thơ), Phạm Tiêu Sương (thơ), Lê Viễn Phổ (thơ), Trần Quý (thơ), Lê thị Ly Cơ (thơ), Ngu Uyển Nhoa (thơ), Lê Nguyên Ngũ (thơ), Nguyễn Văn Gia (thơ), Hồ Khê Bạc (thơ), Nguyễn Quốc Bảo (thơ), Trần Hoàng Vy (thơ), Nam Hoa (thơ), Trần Dza Lữ (thơ), Nguyễn Thị Bạch Tuyết (Mẹ con Sầu đông), Trần Chân Kỳ (thơ), Thiên Chi (thơ), Lê Duy Hùng (thơ), Huỳnh Văn Hải Đăng (thơ), Trần Hoài Thư (Hoa khế), Phan Tam Khôi (thơ), Phạm Hữu Quang (thơ), Bùi Đăng Khoa (Một Trung thu nao), Lan Huệ Em (thơ), Nguyễn Tiến Cung (thơ).

— *Sẽ đăng trong những kỳ tới :*
«Tự trường, Nhớ một phương (C.T. Huy) « Ôi T.T. Xương », « Phương » (V.P. Long), «Những vì sao quê nhà», « Bé Thơ cũng lụy » (D.G. Long), « Trên dòng sông sa mù » (P.N. Hồ).

— **Trần Huệ Ân.**— Đã nhận được thư anh và những nhận xét rất quý cho chúng tôi. THCN không đăng được vì « kẹt » rồi, đành phải đăng «Sỏi đá...» vào số tới vậy.

— **Phạm Ngọc Lư.**— Đã nhận được thêm 1 truyện ngắn nữa của anh. Sẽ viết thư cho anh sau. Hiện nay mệt quá, bình 1 tháng rồi.

LỜI RAO

Sau cuộc viếng thăm của Phái Đoàn Phả Học Quốc Tế tại tư gia ngày 21-7-72, có một số độc giả tìm tới hỏi mua cuốn «GIA-PHẢ KHẢO-LUẬN VÀ THỰC-HÀNH». Đề giúp các vị thích nghiên cứu gia phả VN. Nay tôi : NGUYỄN ĐỨC THU, bút hiệu DÃ-LAN NGUYỄN ĐỨC DỤ sẽ in ronéo lại 300 cuốn sách nói trên. Vậy vị nào cần dùng sách đó, thì xin lại ghi tên đóng phân nửa tiền (tùy ý). Giá phỏng định 1 cuốn : 800đ tới 900đ (lấy tiền đặt cọc cho nhà in : 100.000đ) — Địa chỉ : 48/152/1 đường Cách-mạng 1-11. Sách dày trên 400 trang, khổ 21 × 27, in trên giấy tốt.

10-10-1972

Sách mới

— Đi tìm tác phẩm văn chương tiểu luận — phê bình của Huỳnh Phan Anh, do Đồng Tháp xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 352 trang gồm 3 phần : *Mấy vấn đề văn nghệ* (tiểu luận); *Chân dung và tác phẩm* (phê bình từ Tản Đà, Nhất Linh, Mai Thảo đến Beckett, Sartre, Beauvoir v.v...); *Những trang rời*. Giá 450đ.

— *Lửa rừng* truyện dài của Vũ Hạnh do Nguyễn Đình Vượng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 293 trang, tiểu thuyết đã được rất nhiều người ưa thích khi còn đăng báo Bản đặc biệt.

— *Hột huyết kịch* của Khế Iem, do Tuế Nguyệt xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 108 trang gồm 6 bản kịch : *Lúc mà...*, *Một cành cây một đám mây*, *Chiếc gậy*, *Những đóa hoa*, *Đêm trường*, *Hài cốt*. Bản đặc biệt.

Kiểm-duyet số 90 BTT/PHNT/GPĐS ngày 14-10-1972.